



NHỰA BÌNH MINH®

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014



BỒI ĐÁP
niềm tin
TÔN VINH
thương hiệu



NHỰA BÌNH MINH®

TẦM NHÌN

TIẾP TỤC LÀ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU
CỦA NGÀNH NHỰA VẬT LIỆU XÂY DỰNG VIỆT NAM.

SỨ MỆNH

CUNG ỨNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ ĐÁP ỨNG
NHU CẦU NGÀY CÀNG CAO CỦA THỊ TRƯỜNG.
BẢO ĐẢM HÀI HÒA CÁC LỢI ÍCH CỦA KHÁCH HÀNG,
NGƯỜI LAO ĐỘNG, CỔ ĐÔNG VÀ XÃ HỘI.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

ĐỒNG THUẬN CAO, TÔN TRỌNG QUÁ KHỨ,
TỰ TIN HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI.



THÔNGIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nhìn lại năm 2014, do tác động của các yếu tố bên ngoài như sự kiện Biển Đông, xung đột chính trị, khủng bố . . . các yếu tố trong nước như năng suất lao động còn thấp, sức cạnh tranh của nhiều doanh nghiệp chưa cao, môi trường kinh doanh còn nhiều biến động . . . đã phần nào ảnh hưởng xấu đến tình hình kinh tế đất nước. Tuy nhiên, càng về cuối năm, các giải pháp quyết liệt của Chính phủ càng phát huy tác dụng khiến cho lạm phát giảm, tỷ giá ổn định, lòng tin của người dân và các doanh nghiệp được khôi phục.

Trong bối cảnh đó, Nhựa Bình Minh cũng đã đạt được một kết quả khá và tương đối toàn diện với 2.416 tỷ doanh thu, tăng 15,7% so với năm trước; tuy lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 481 tỷ, giảm 3,6% nhưng lợi nhuận sau thuế vẫn đảm bảo 377 tỷ, tăng 1,9% và lãi cơ bản trên cổ phiếu là 8.292, tăng 1,9% tương ứng.

Theo đánh giá của nhiều tổ chức, Nhựa Bình Minh đang:

- **Khẳng định vị thế cạnh tranh cao hàng đầu với các doanh nghiệp cùng ngành trong cả nước.**
- **Có đầy đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu hội nhập trong khu vực và quốc tế.**

Kết quả trên đã chứng tỏ sự tín nhiệm của khách hàng, đối tác, sự nỗ lực của CBCNV, sự ủng hộ của cổ đông và xã hội dành cho chúng tôi. Đáp lại, trên cơ sở tiếp tục tái cơ cấu Công ty một cách triệt để theo định hướng chiến lược và tầm nhìn nhất quán, Nhựa Bình Minh sẽ dốc toàn lực sẵn sàng đối mặt với những khó khăn, thách thức để tự tin bước tới tương lai.

Chúng tôi mong toàn thể các cổ đông hãy tin tưởng và ủng hộ HĐQT, Ban Điều hành và đội ngũ CBCNV, đó chính là động lực to lớn giúp chúng tôi phấn khởi, tự tin đóng góp cho sự phát triển bền vững của Công ty, đáp ứng kỳ vọng mà cổ đông đã giao phó.

Xin kính chúc tất cả chúng ta sẽ ở trên một con thuyền vững chắc, **bồi đắp niềm tin, tôn vinh thương hiệu** hướng đến một Bình Minh luôn tươi sáng.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Quang Doanh



MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG
VỀ CÔNG TY 8

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM 34

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ
CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 54

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 76

QUẢN TRỊ CÔNG TY 82

BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO
KIỂM TOÁN 102

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT 103

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG 140

ĐỊNH NGHĨA CHỮ VIẾT TẮT

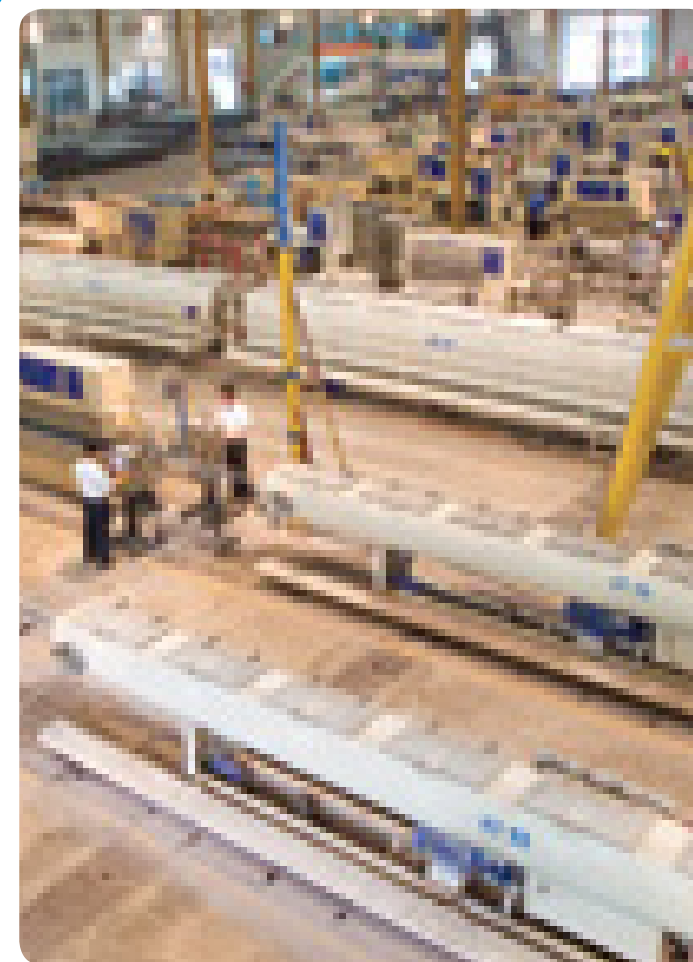
CBCNV Cán bộ công nhân viên
ĐHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông
HĐQT Hội đồng Quản trị
HĐTV Hội đồng Thành viên
BKS Ban Kiểm soát
BMP Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh
NBM Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh
miền Bắc

DPC Công ty cổ phần Nhựa Đà Nẵng
NTP Công ty cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong
TP. HCM Thành phố Hồ Chí Minh
TNHH Trách nhiệm hữu hạn
TM Thương mại
MTV Một thành viên
CBQL Cán bộ quản lý
ERP Chương trình hoạch định tổng thể
nguồn lực doanh nghiệp

THÔNG TIN CHUNG

VỀ CÔNG TY

“ Nhựa Bình Minh
được người tiêu dùng
đánh giá là doanh nghiệp
có uy tín hàng đầu trong
ngành nhựa Việt Nam
nói chung và ngành nhựa
công nghiệp nói riêng. ”



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT:

Tên công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Tên viết tắt :

BM PLASCO

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:

0301464823 - Đăng ký lần đầu ngày 02/01/2004,
đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 07/10/2013

Vốn điều lệ :

454.784.800.000 đồng

Vốn chủ sở hữu :

1.718.260.413.418 đồng

Địa chỉ trụ sở :

240 Hậu Giang, phường 9, quận 6, TP. HCM

Điện thoại :

(08) 39 690 973

Fax :

(08) 39 606 814

Website :

www.binhminhplastic.com.vn

Mã cổ phiếu:

BMP

Chi nhánh Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh :

**Số 7, đường số 2, Khu công nghiệp Sóng Thần 1,
thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam**

Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh - Chi nhánh Vĩnh Lộc - Bến Lức :

**Lô C1-6 đến C1-30, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2,
đường Vĩnh Lộc 2, ấp Voi Lá, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức,
tỉnh Long An, Việt Nam**

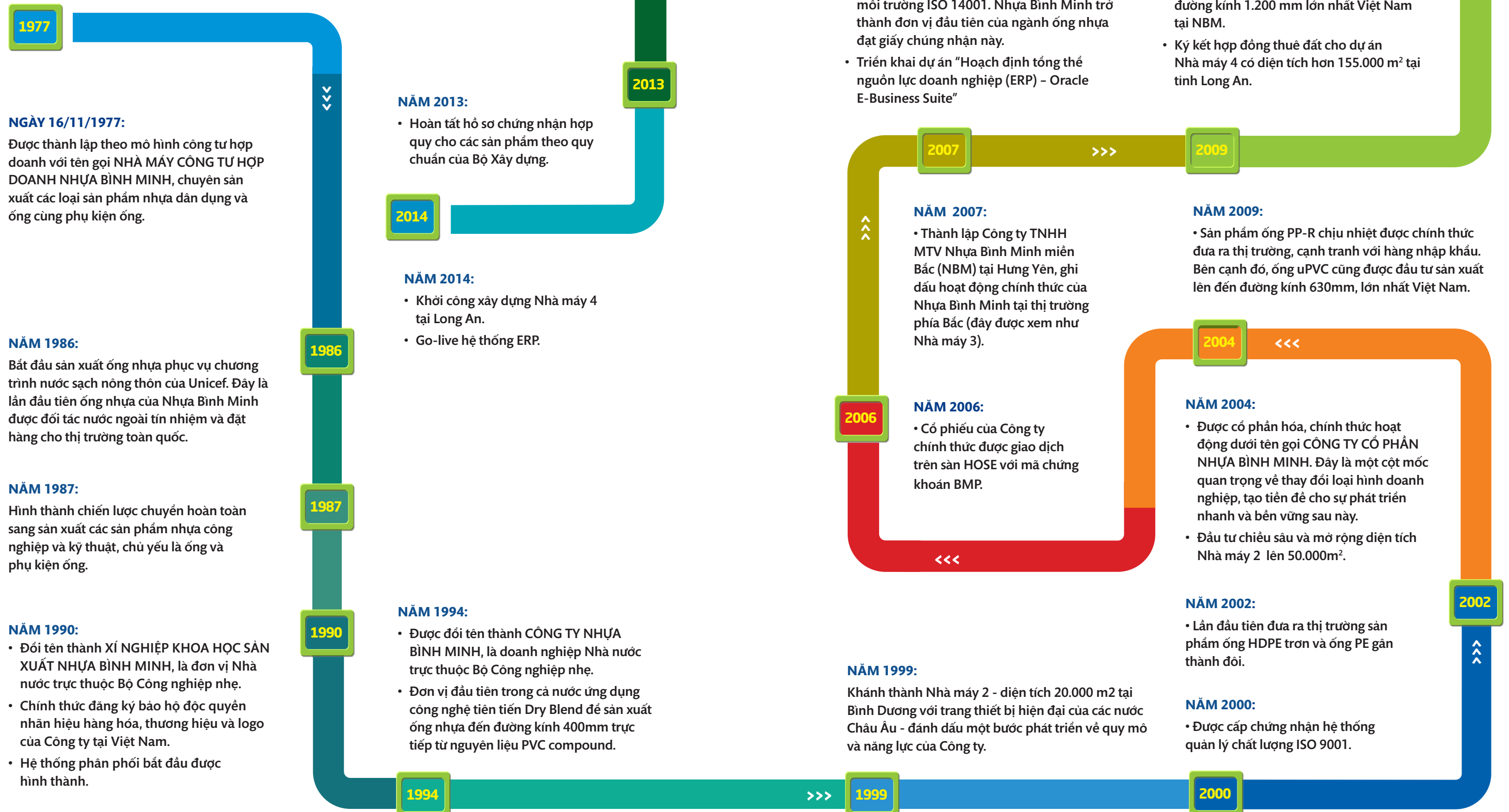
Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh miền Bắc:

**Đường D1, khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn
Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam**

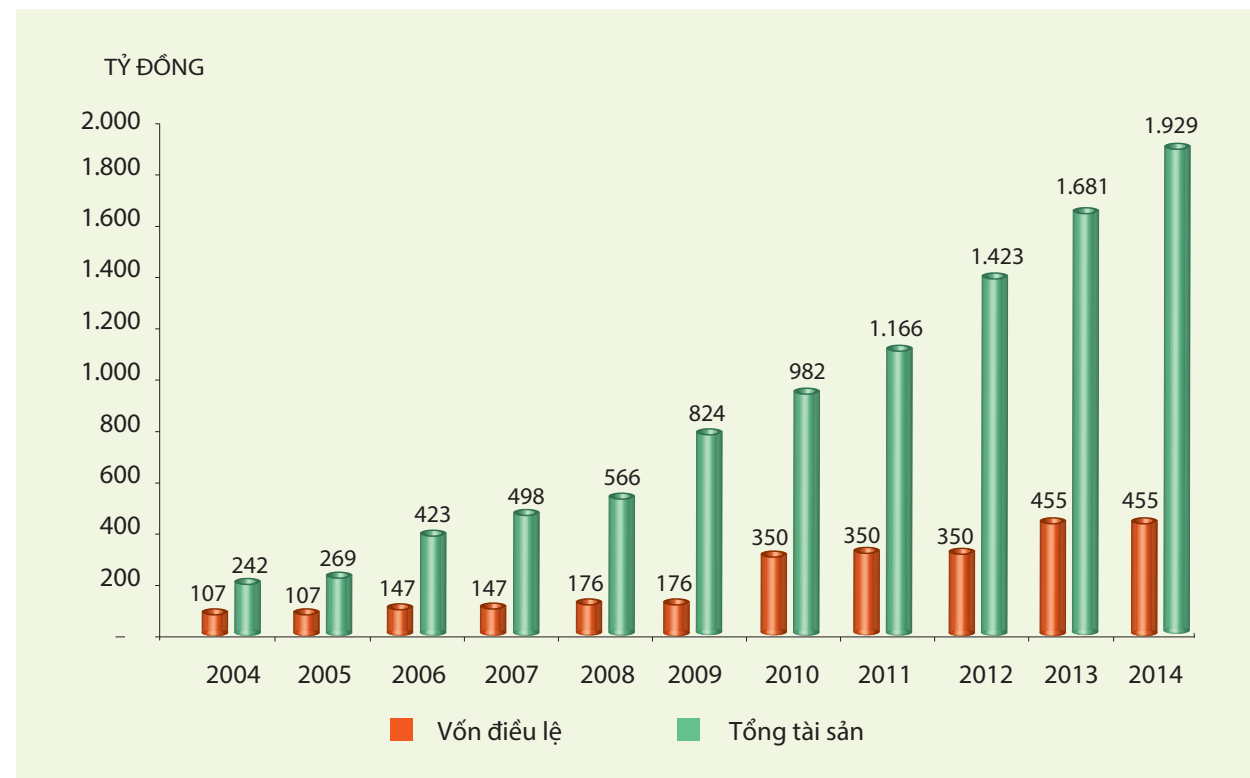


2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TY

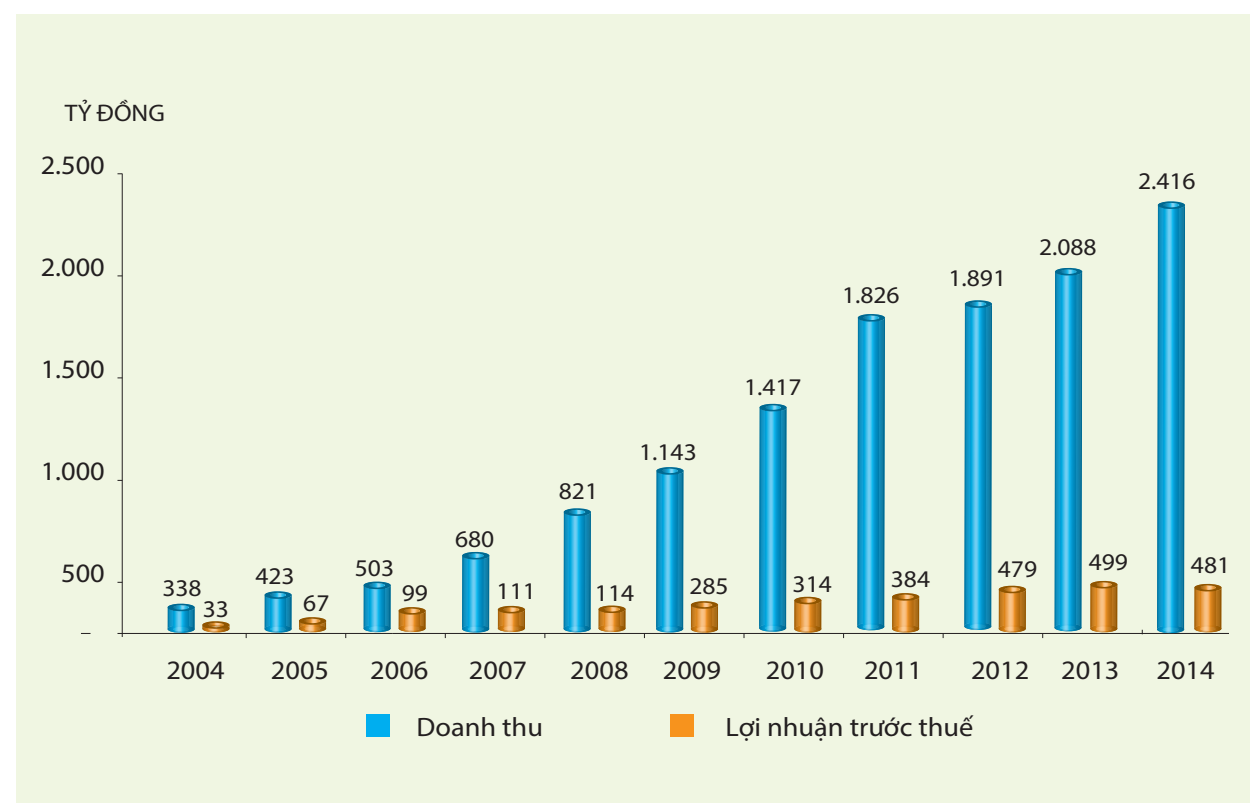
2.1 Các mốc thời gian và sự kiện đáng nhớ



VỐN ĐIỀU LỆ VÀ TỔNG TÀI SẢN NĂM 2004 ĐẾN 2014



DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN TỪ NĂM 2004 ĐẾN 2014



3. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Nhựa Bình Minh được người tiêu dùng đánh giá là doanh nghiệp hàng đầu có uy tín trong ngành nhựa Việt Nam nói chung và ngành nhựa công nghiệp nói riêng, chuyên cung cấp các loại ống, phụ kiện ống nhựa, các sản phẩm nhựa kỹ thuật cao cho các ngành cấp thoát nước, bưu chính viễn thông, điện lực, xây dựng và dân dụng, các loại bình xịt sử dụng trong nông nghiệp... Có thể liệt kê 5 dòng sản phẩm chủ yếu hiện nay của Công ty như sau:

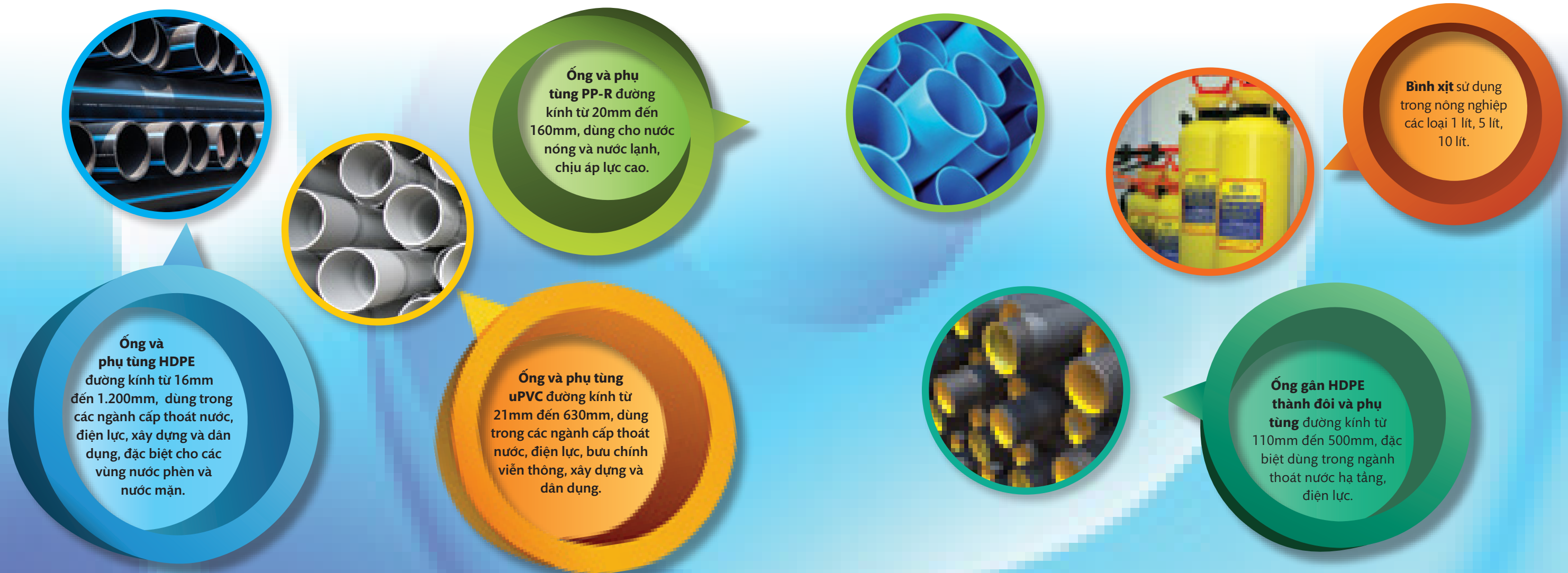
- **Ống và phụ tùng uPVC** đường kính từ 21mm đến 630mm, dùng trong các ngành cấp thoát nước, điện lực, bưu chính viễn thông, xây dựng và dân dụng.
- **Ống và phụ tùng HDPE** đường kính từ 16mm đến 1.200mm, dùng trong các ngành cấp thoát nước, điện lực, xây dựng và dân dụng, đặc biệt cho các vùng nước phèn và nước mặn.
- **Ống gân HDPE thành đôi và phụ tùng** đường kính từ 110mm đến 500mm, đặc biệt dùng trong ngành thoát nước hạ tầng, điện lực.
- **Ống và phụ tùng PP-R** đường kính từ 20mm đến 160mm, dùng cho nước nóng và nước lạnh, chịu áp lực cao.
- **Bình xịt** sử dụng trong nông nghiệp các loại 1 lít, 5 lít, 10 lít.

Các dòng sản phẩm chủ yếu mang thương hiệu Nhựa Bình Minh trên đều đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế. Ngoài ra, các sản phẩm cũng được chứng nhận phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16-4:2011/BXD.

Với hệ thống máy móc thiết bị và công nghệ thuộc thế hệ tiên tiến nhất từ các nước Ý, Đức, Áo, Canada... được trang bị đồng bộ tại ba nhà máy ở TP. HCM, Bình Dương, Hưng Yên; hàng năm, Nhựa Bình Minh có khả năng cung cấp cho thị trường 80.000 tấn sản phẩm.

Bên cạnh đó, với đội ngũ CBCNV được đào tạo chuyên nghiệp cùng hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001, hệ thống Quản lý môi trường ISO 14001. Nhựa Bình Minh tự hào là đơn vị cung cấp sản phẩm ống nhựa cho nhiều công trình trọng điểm cấp quốc gia, công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng, các công trình cấp thoát nước, điện lực, hạ tầng ...

Thương hiệu Nhựa Bình Minh được người tiêu dùng trong nước biết đến với mạng lưới phân phối rộng khắp cả nước - gần 1.200 cửa hàng thuộc hệ thống phân phối của Công ty và hơn 80% cửa hàng kinh doanh ống nhựa trên toàn quốc có kinh doanh sản phẩm Nhựa Bình Minh.



4. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

SƠ ĐỒ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TẠI CÔNG TY:



a. Mô hình quản trị:

Công ty thực hiện đúng mô hình quản trị áp dụng cho doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Đó là ĐHĐCĐ; HĐQT; BKS; Ban Điều hành cấp cao gồm Tổng Giám đốc, hai Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

Tháng 4/ 2013, ĐHĐCĐ thường niên đã bầu ra HĐQT gồm 5 thành viên và BKS gồm 3 thành viên nhiệm kỳ 2013 – 2018. Năm 2014 đã là năm thứ 2 mà HĐQT có thành viên người nước ngoài đại diện cho cổ đông lớn tham

gia; hai chức danh Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc đã được tách biệt và phân định rõ ràng. Nhờ đó các thành viên HĐQT và Ban Điều hành đã có sự chuyên biệt trong phạm vi trách nhiệm của mỗi chức danh.

Năm 2014 cũng là năm thứ 2 đi vào hoạt động của hai tiểu ban giúp việc trực thuộc HĐQT là Tiểu ban Nhân sự - Chính sách - Lương thưởng và Tiểu ban Quan hệ cổ đông, do đó vai trò hỗ trợ của 2 tiểu ban này cũng từng bước được thể hiện rõ ràng hơn. Bên cạnh đó, Tiểu ban Chiến lược - Phát triển và Tiểu ban Quản trị rủi ro đã được thành lập và đi vào hoạt động theo yêu cầu của HĐQT.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Tại Công ty mẹ - BMP- HĐQT bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao (Ban Điều hành) bao gồm Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc bổ nhiệm các cán bộ cấp trung bao gồm các Trưởng, Phó phòng ban chức năng và Ban Giám đốc hai nhà máy.

Tại Công ty con - NBM- HĐQT bổ nhiệm HĐQT. Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm Ban Giám đốc.

Hàng năm, HĐQT căn cứ vào nghị quyết của ĐHĐCĐ, giao chỉ tiêu kế hoạch cho Công ty mẹ và Công ty con. Ban Điều hành và HĐQT cụ thể hóa nhiệm vụ bằng các mục tiêu của Công ty.

Đại diện Lãnh đạo Hệ thống Quản lý chất lượng ISO9001 và Hệ thống Quản lý môi trường ISO 14001 thay mặt Ban Điều hành kiểm soát quy trình thực hiện công việc của Công ty và các bộ phận.







5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

Là một trong những công ty dẫn đầu thị trường trong lĩnh vực sản xuất, cung ứng sản phẩm ống và phụ tùng ống nhựa tại Việt Nam, Công ty vẫn đang duy trì và ngày càng khẳng định một cách chắc chắn vị thế của mình đối với ngành nhựa nói riêng và cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam nói chung. Trong giai đoạn nền kinh tế trầm lắng và cố gắng phục hồi sau khủng hoảng, mặc dù cần tập trung vào các giải pháp ngắn hạn để vượt qua khó khăn trước mắt, Công ty vẫn tiếp tục thực hiện những định hướng dài hạn đã được xây dựng trong chiến lược phát triển và được triển khai thành những chiến lược chức năng phù hợp với từng giai đoạn thực tế.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC VỀ SẢN PHẨM:

Khẳng định cơ cấu sản phẩm chính – dòng sản phẩm chiến lược – lâu dài là các dòng sản phẩm ống và phụ tùng ống nhựa với phương châm từng bước quy hoạch hoàn thiện và đồng bộ hệ thống sản phẩm theo từng phạm vi ứng dụng và hệ tiêu chuẩn. Phát triển các dòng sản phẩm đa dạng đáp ứng cho các ứng dụng khác nhau, các đối tượng khách hàng, phân khúc thị trường khác nhau. Định hướng ưu tiên phát triển sản phẩm mới trên cơ sở đánh giá đúng nhu cầu thị trường và đầu tư phù hợp với khả năng tài chính và các nguồn lực khác theo định hướng phát triển dòng sản phẩm theo công nghệ cốt lõi hiện nay là dựa vào sự tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, sản phẩm của thế giới. Khẳng định định hướng chiến lược vẫn ưu tiên tập trung phát triển nhóm sản phẩm nhựa vật liệu xây dựng nhưng về lâu dài sẽ mở rộng sang một số sản phẩm trong các lĩnh vực khác có tiềm năng phát triển như sản phẩm nhựa cho công nghiệp hỗ trợ, cho nông nghiệp kỹ thuật cao, tưới tiêu, thủy lợi và các ngành công nghiệp chủ lực khác.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC VỀ CHẤT LƯỢNG:

Khẳng định định hướng sản xuất sản phẩm chất lượng cao, thống nhất hệ thống tiêu chuẩn sản phẩm, đảm bảo toàn bộ những sản phẩm chính được hợp chuẩn, hợp quy theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia và quốc tế. Tham gia tích cực vào việc phân biện, đóng góp về chính sách và quy hoạch để xây dựng chuẩn quốc gia chung cho sản phẩm trong ngành.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC VỀ KINH DOANH:

Duy trì ổn định hệ thống phân phối làm nền tảng và mở rộng ra đối tượng khách hàng dự án, công trình thông qua các nhà phân phối lớn hoặc phát triển bộ phận phụ trách khách hàng dự án. Chủ động hợp tác với hình thức liên minh, liên kết với các nhà sản xuất nhóm hàng vật liệu xây dựng, các đơn vị tư vấn, thiết kế, thi công cấp thoát nước, các nhà đầu tư địa ốc và cơ sở hạ tầng, các nhà thầu xây dựng để tạo ra chuỗi liên kết.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC VỀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG:

Chủng loại sản phẩm của Công ty mặc dù không có ưu thế về xuất khẩu do chi phí vận chuyển lớn nhưng khả năng tham gia vào các thị trường khu vực lân cận (đặc biệt khu vực các nước Đông dương) là hoàn toàn có thể. Thị trường nội địa vẫn được định hướng là chủ lực tuy nhiên cần tăng cường các hoạt động tìm hiểu, đánh giá và từng bước mở rộng hoạt động kinh doanh ra thị trường lân cận trong khu vực dưới các hình thức thương mại, hợp tác kinh doanh hoặc đầu tư.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC VỀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU VÀ TRUYỀN THÔNG:

Khẳng định giá trị thương hiệu uy tín trên thị trường và chú trọng vào việc bảo vệ và quảng bá thương hiệu dưới nhiều hình thức, đặc biệt thông qua những chương trình thương hiệu lớn quy mô quốc gia và khu vực. Xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu thống nhất và đa dạng hóa hoạt động truyền thông tiếp thị trong đó chú trọng đến vai trò của truyền thông mạng, truyền thông định hướng cộng đồng và truyền thông định hướng môi trường.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC VỀ ĐẦU TƯ :

Giữ vững vai trò tiên phong trong nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới, phát triển sản phẩm mới, khẳng định chiến lược đầu tư thiết bị tiên tiến để ổn định chất lượng sản phẩm, hiện đại hóa và kiểm soát tốt quá trình sản xuất, khai thác ưu thế năng suất cao, chất lượng tốt và tuổi thọ lớn của thiết bị. Nâng cao năng lực tổ chức và đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu phát triển (R&D), cập nhật với thông tin ngành, thông tin thị trường cả ở phạm vi trong nước và quốc tế để chủ động phát triển sản phẩm mới và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC VỀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ NHÂN LỰC:

Cấu trúc tổ chức Công ty và mô hình quản trị sẽ được điều chỉnh phù hợp với quy mô phát triển theo từng giai đoạn và căn cứ vào đó để chủ động cấu trúc cho phù hợp, quy hoạch và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng cả nhu cầu về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực cho phát triển. Ứng dụng và không ngừng hoàn thiện những mô hình và công cụ quản lý tiên tiến để đảm bảo tính minh bạch và nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC VỀ TÀI CHÍNH:

Tăng cường hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh để đảm bảo hiệu quả tài chính trong ngắn hạn đồng thời hướng đến việc phát triển bền vững trong dài hạn của Công ty trên cơ sở “cân bằng” và hài hòa lợi ích với sự đồng thuận cao giữa Khách hàng, Cổ đông, Người lao động và Cộng đồng. Ứng dụng công nghệ thông tin để chủ động trong việc hoạch định, quản trị, khai thác thông tin tài chính và kiểm soát, ngăn ngừa rủi ro.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC VỀ HỘI NHẬP VÀ CẠNH TRANH QUỐC TẾ:

Với việc hình thành Cộng đồng kinh tế Asean (AEC) trong năm 2015 và Việt Nam tham gia các hiệp định về hợp tác thương mại tự do khác, xu hướng và áp lực cạnh tranh đã vào đến “cửa” đối với các doanh nghiệp nói chung và Nhựa Bình Minh nói riêng. So sánh với các nhà sản xuất sản phẩm cùng loại trong khu vực Asean, Công ty hoàn toàn tự tin về khả năng cạnh tranh đối với chất lượng sản phẩm, năng lực công nghệ, năng suất lao động và hoạt động quản trị doanh nghiệp. Tuy nhiên thực tiễn đòi hỏi Công ty phải tăng cường sự hiểu biết hơn nữa về môi trường kinh doanh quốc tế, về những cơ hội và thách thức khi hội nhập với các nước trong khu vực và toàn cầu thông qua các FTA mà Việt Nam đang tham gia để xây dựng những định hướng và giải pháp cạnh tranh phù hợp.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC VỀ HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG:

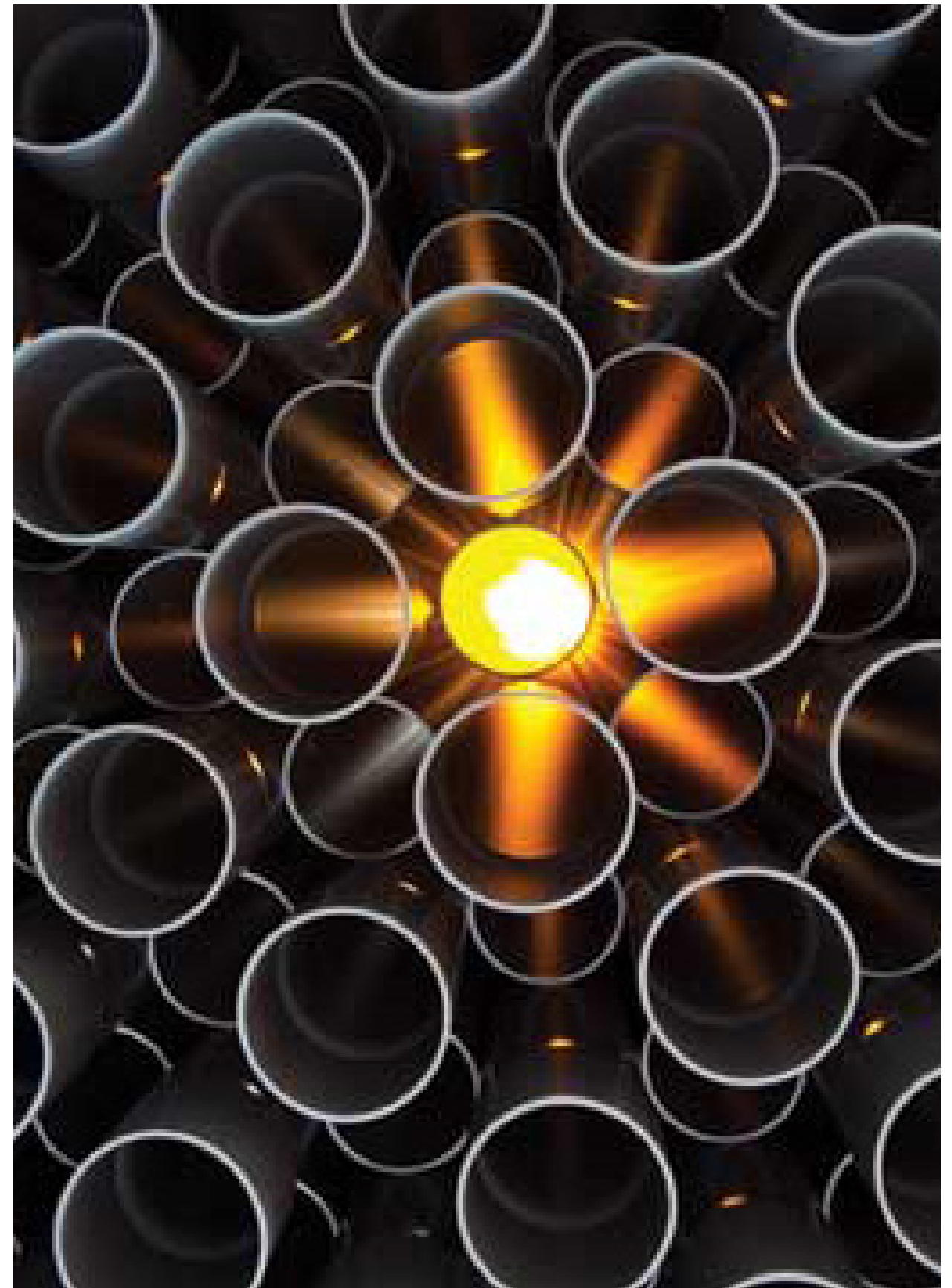
Hơn bao giờ hết, các mô hình doanh nghiệp có trách nhiệm cộng đồng (CSR) đang được kêu gọi và thực hiện trên phạm vi toàn cầu. Việc áp dụng và tuân thủ nghiêm ngặt Hệ thống quản lý môi trường (EMS) theo tiêu chuẩn ISO 14001 đã thể hiện một ý thức cao của Công ty với cam kết “có trách nhiệm với tự nhiên, với cộng đồng và hướng đến phát triển bền vững”. Công ty đã trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức chính trị, xã hội tích cực tham gia đóng góp cho những hoạt động cộng đồng trên nhiều lĩnh vực trong suốt những năm qua và khẳng định sẽ tiếp tục tăng cường sự đóng góp của Công ty vào hoạt động này trong tương lai.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG:

Xu hướng về phát triển bền vững đã được trở thành định hướng trong chiến lược của Công ty phù hợp với trào lưu phát triển chung của thế giới. Công ty xác định nhu cầu phát triển bền vững không chỉ liên quan đến những phạm vi lớn như bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội, chia sẻ cộng đồng mà cả trong chiến lược phát triển nội bộ của Công ty. Những định hướng phát triển bền vững đòi hỏi cần có sự “cân bằng” trong các chỉ tiêu phát triển như tăng trưởng thị phần để duy trì sự tồn tại lâu dài của Công ty, tăng trưởng lợi nhuận để thỏa mãn mục tiêu của Cổ đông và tăng trưởng thu nhập, phúc lợi vì lợi ích và sự gắn bó của Người lao động.

ĐỊNH HƯỚNG VĂN HÓA CÔNG TY:

Văn hóa là giá trị nền tảng của doanh nghiệp nên để thực hiện được những định hướng chiến lược nêu trên đòi hỏi phải định hình và không ngừng hoàn thiện. Công ty khẳng định sẽ tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, cần trọng, hợp tác và gắn kết với sự sáng tạo, tinh thần sẵn sàng đổi mới để nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị nội bộ và xây dựng môi trường làm việc thân thiện nhưng chuyên nghiệp. Tiếp tục xây dựng văn hóa Nhựa Bình Minh, cải tiến hệ thống chính sách, nội quy, quy chế nội bộ và chăm lo ngày càng tốt hơn cho đời sống vật chất và tinh thần của Người lao động trong Công ty.



6. CÁC RỦI RO VÀ GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ:

LOẠI RỦI RO

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ

RỦI RO DO MÔI TRƯỜNG KINH TẾ: Khủng hoảng kinh tế, lạm phát... trên thế giới ảnh hưởng đến kinh tế trong nước làm cho sức mua giảm đặc biệt là ngành vật liệu xây dựng.

- Thường xuyên cập nhật thông tin kinh tế, chính trị trong nước và quốc tế, đặc biệt là lĩnh vực xây dựng, bất động sản để có quyết sách phù hợp.
- Tranh thủ nắm bắt cơ hội ngay trong khó khăn. Phát triển hệ thống phân phối đến vùng sâu, vùng xa, mở rộng thị trường ra nước ngoài, đẩy mạnh tham gia vào các dự án. Đầu tư phát triển theo chiều sâu, tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính.

RỦI RO DO CHÍNH SÁCH KINH TẾ VĨ MÔ: Những thay đổi của pháp luật, chính sách thuế, quy định hạch toán, báo cáo, chính sách nhân sự, môi trường... của các cơ quan quản lý Nhà nước ảnh hưởng đến hoạt động, uy tín và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tổ chức hệ thống cập nhật các thay đổi của pháp luật, triển khai thực hiện đúng theo quy định.
- Giao trách nhiệm cho các bộ phận chức năng tham gia các khóa đào tạo cập nhật chính sách và phổ biến cho người lao động cùng thực hiện.
- Thuê tư vấn luật để tư vấn cho lãnh đạo những vướng mắc thuộc về chính sách của Nhà nước liên quan đến các hoạt động của Công ty.

RỦI RO TỪ TRONG NỘI BỘ CÔNG TY: Sai lầm trong chiến lược kinh doanh; đầu tư không hiệu quả; thiếu đoàn kết nội bộ; quản trị không hiệu quả; nguồn nhân lực không đáp ứng nhu cầu... ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh, thương hiệu và sự phát triển bền vững của Công ty.

- HĐQT hoạch định chiến lược dài hạn dựa vào thị trường, năng lực của Công ty. Giao kế hoạch hằng năm cụ thể và giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Điều hành.
- Ban Điều hành xây dựng tiến độ thực hiện, tuân thủ và thường xuyên cải tiến các quy trình làm việc phù hợp với quy định của Nhà nước và năng lực của Công ty.
- Chú trọng khâu tuyển dụng, đào tạo; minh bạch và công bằng trong chính sách lương thưởng, phúc lợi cho người lao động; có chính sách đãi ngộ hợp lý để thu hút nhân tài.
- Chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp: Chuẩn mực đạo đức, hành vi, cách giao tế, ứng xử, chia sẻ...

RỦI RO DO HÒA HOẠN, THIÊN TAI, MẤT CẤP TÀI SẢN...: Làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản và vốn chủ sở hữu.

- Phân tán rủi ro: Bố trí các kho không tập trung. Trang bị đầy đủ các phương tiện về người và của để kiểm tra và bảo vệ tài sản, thường xuyên luyện tập sẵn sàng ứng phó với các tình huống thiên tai, hỏa hoạn.
- Mua bảo hiểm tài sản để giảm thiểu thiệt hại.

LOẠI RỦI RO

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ

RỦI RO KHÔNG CUNG ỨNG KỊP NHU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG: Không đáp ứng kịp tiến độ thi công, khách hàng phải tìm nhà cung cấp khác thay thế. Ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín, doanh thu và thị phần của Công ty.

- Tăng cường máy móc thiết bị phục vụ sản xuất và dịch vụ khách hàng.
- Nâng cao khả năng quản trị hàng tồn kho, quản trị sản xuất thông qua chương trình ERP.
- Mở rộng kho bãi để tăng sức chứa dự trữ phù hợp.
- Chú trọng nghiên cứu thông tin từ hệ thống phân phối, khách hàng và các kênh khác... để nâng độ chính xác của công tác dự báo.

RỦI RO TỪ SỰ KÉM HIỆU QUẢ CỦA HỆ THỐNG PHÂN PHỐI: Khách hàng không gắn bó với Công ty, giảm sức cạnh tranh với đối thủ, giảm doanh thu.

- Không ngừng cải tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm hiện có, phát triển sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu thị trường.
- Chính sách giá bán, chế độ hậu mãi phù hợp.
- Ban hành, kiểm soát và điều chỉnh kịp thời các chính sách, quy chế dành cho hoạt động của hệ thống phân phối và khách hàng một cách uyển chuyển, phù hợp với thị trường trong từng thời kỳ.
- Không áp dụng chế độ phân phối độc quyền.
- Tổ chức tốt các hoạt động dịch vụ, chăm sóc hệ thống phân phối, khách hàng định kỳ. Tài trợ cho một số hoạt động của họ.

RỦI RO VỀ TÀI CHÍNH: Không chủ động về nguồn vốn tự có cho các hoạt động, phải vay ngân hàng với lãi suất cao, ảnh hưởng đến tiến độ công việc và lợi nhuận. Công nợ với khách hàng không có khả năng thu hồi, ảnh hưởng đến nguồn vốn, tâm lý của người lao động và cổ đông.

- Lập kế hoạch tài chính hằng năm để chủ động nguồn tiền.
- Có chính sách tài chính phù hợp để tận dụng nguồn tiền lãi suất thấp.
- Theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.
- Quy định phù hợp và thường xuyên kiểm tra công nợ khách hàng để tránh thất thoát và bị chiếm dụng vốn, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

6. CÁC RỦI RO VÀ GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ:

LOẠI RỦI RO	BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ
RỦI RO DO BIẾN ĐỘNG CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO: Tỷ giá, giá bán, chi phí vận chuyển, nhân công, nguồn cung cấp nguyên vật liệu... không ổn định, ảnh hưởng đến chi phí, lợi nhuận và kế hoạch sản xuất.	- Cập nhật thông tin liên quan đến tình hình, dự báo kinh tế, chính trị trong và ngoài nước để có những quyết sách thích hợp. - Ban hành định mức, khuyến khích sử dụng tiết kiệm điện, nước, nguyên vật liệu..., tăng năng suất lao động để giảm chi phí. - Nghiên cứu khả năng sử dụng nguyên vật liệu mới, hiệu quả cao, thân thiện với môi trường. Ưu tiên sử dụng nguồn nguyên vật liệu trong nước để giảm thiểu biến động do tỷ giá, vận chuyển, tiến độ cung cấp. - Xây dựng quan hệ đối tác tin cậy với nhà cung cấp, giữ uy tín trong kinh doanh với phương châm đôi bên cùng có lợi. Tránh tình trạng nhà cung cấp độc quyền.
RỦI RO VỀ RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CÁN BỘ LÃNH ĐẠO CẤP CAO, CBQL CẤP TRUNG.	Thực hiện việc mua bảo hiểm trách nhiệm đối với thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và CBQL cấp trung.
RỦI RO VỀ SỨC KHỎE CỦA CÁC CÁN BỘ LÃNH ĐẠO CẤP CAO KỂ CẢ TỪ TAI NẠN GIAO THÔNG: Làm gián đoạn sự chỉ đạo điều hành đối với các hoạt động của Công ty.	- Tăng cường chất lượng và tần suất kiểm tra sức khỏe định kỳ cho các cán bộ lãnh đạo cấp cao. - Có chính sách khuyến khích Lãnh đạo cấp cao sử dụng xe ô tô cá nhân trong di chuyển hàng ngày. Bố trí xe ô tô của Công ty để đưa đón. - Xây dựng phương án dự phòng cán bộ lãnh đạo cấp cao (mỗi vị trí đều có ngay nhân sự thay thế khi cần thiết).
RỦI RO VỀ THIẾU HỤT NGUỒN NHÂN LỰC CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ TRẺ TRONG 5 NĂM TỚI.	- Mạnh dạn tạo cơ hội cho lực lượng trẻ cọ sát với thực tế để thể hiện và nâng cao bản lĩnh, qua đó phát hiện ra những cán bộ trẻ có triển vọng. - Tăng cường cơ hội đào tạo cán bộ quản lý tập sự. - Mạnh dạn để bạt sử dụng lực lượng trẻ.

LOẠI RỦI RO	BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ
RỦI RO TAI NẠN TẬP THỂ: Ngộ độc thực phẩm bữa ăn giữa ca, ngộ độc khí hơi độc trong khu vực sản xuất.	- Tăng cường công tác an toàn vệ sinh thực phẩm: Quản lý chặt chẽ nguồn cung cấp thực phẩm, quản lý vệ sinh nhà ăn... - Xây dựng phương án xử lý và tăng định kỳ diễn tập xử lý các tình huống khẩn cấp khi có tai nạn tập thể.
RỦI RO VỀ ĐÌNH CÔNG, LẤN CÔNG TẬP THỂ.	- Phối hợp chặt chẽ với công đoàn để tìm hiểu và đáp ứng những tâm tư, nguyện vọng chính đáng của công nhân. Đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền về luật, nội quy lao động và ý thức tuân thủ cho người lao động. - Xây dựng phương án xử lý khi có đình công, lấn công tập thể.
RỦI RO VỀ MẤT DỮ LIỆU, BỊ ĐÁNH CẤP DỮ LIỆU ĐỐI VỚI MÁY TÍNH CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ HỆ THỐNG ERP ORACLE.	- Tăng cường chế độ bảo mật; có quy trình sao lưu dự phòng các dữ liệu quan trọng và lưu giữ tại một địa điểm cách biệt an toàn. - Tăng cường thiết bị sao lưu; xây dựng và áp dụng quy trình sao lưu dữ liệu theo tiêu chuẩn đối với hệ thống ERP Oracle.
RỦI RO VỀ BIẾN ĐỘNG NHÂN SỰ TẬP THỂ ĐỐI VỚI NGUỒN NHÂN LỰC TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP VÀ CAO CẤP VẬN HÀNH HỆ THỐNG ERP ORACLE.	- Tăng cường đào tạo nhân sự dự phòng từ nguồn nội bộ ở mức độ người sử dụng chính (key user). - Tăng cường chính sách thu hút nguồn nhân lực trình độ cao cho các mức độ quản trị hệ thống (admin).

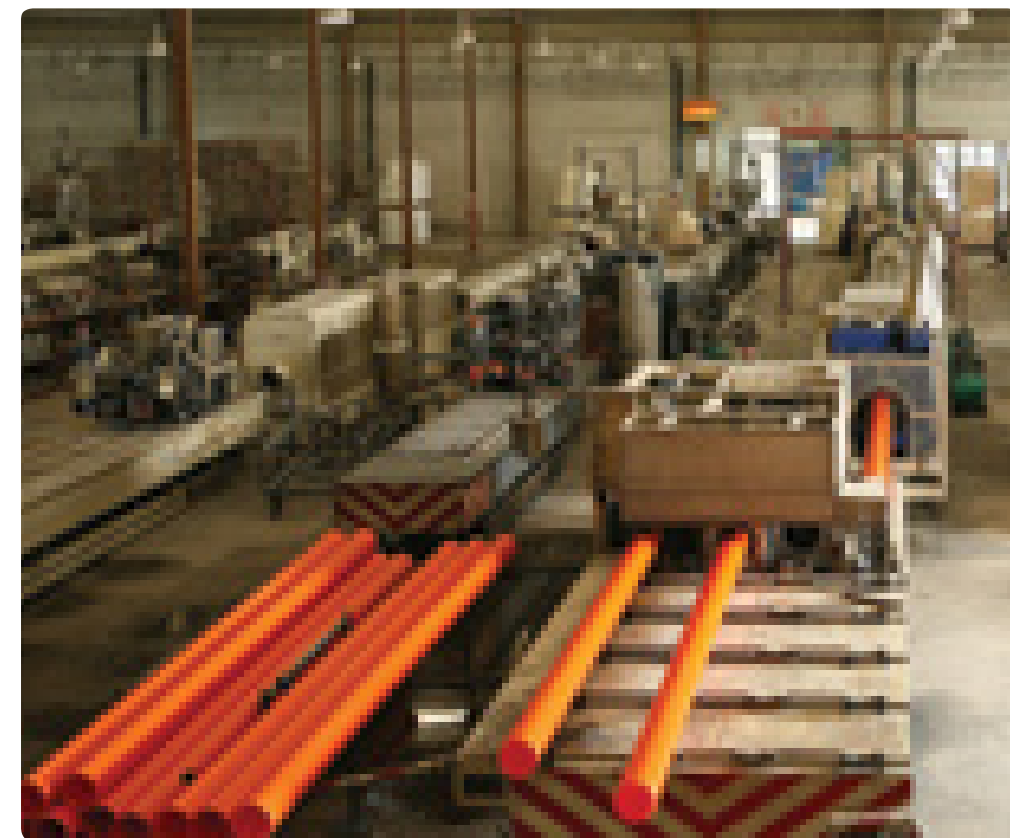
Về tổng quát, cần xây dựng một chiến lược cụ thể về quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ theo đúng tiêu chuẩn quốc tế COSO (The Committee of Sponsoring Organizations of the Treadway Commission).



NHỰA BÌNH MINH®

“ Tăng cường hoạt động sản xuất từ tất cả các nguồn sẵn có. Huy động công suất thiết bị tối đa ở các nhà máy và Công ty con. Sử dụng hợp lý những ngày nghỉ lễ, tết để sản xuất và dự trữ sản phẩm. ”

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2014:

Năm 2014, kinh tế vĩ mô của nước ta đã giữ được sự ổn định, lạm phát được kiểm soát, đà tăng trưởng được phục hồi trong hầu hết các ngành, lĩnh vực. Tuy nhiên, tình hình thế giới vẫn có nhiều diễn biến phức tạp, nổi bật là sự kiện Biển Đông cùng những diễn biến chính trị, chiến tranh, khủng bố, tai nạn, dịch bệnh, giá dầu dao động bất thường... trong khi kinh tế toàn cầu đang phục hồi không ổn định, cho thấy vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam.

Về phía Công ty, lại có thêm những khó khăn riêng:

- Giá nguyên liệu 10 tháng đầu năm tăng cao, ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả kinh doanh khi giá bán chưa thể thay đổi.
- Máy móc thiết bị đầu tư mới về trễ hạn do lỗi của nhà cung ứng khiến hàng hóa bị thiếu dài ngày.
- Việc truy thu thuế kéo dài chưa giải quyết dứt điểm gây ảnh hưởng về thời gian và nguồn lực của Công ty.

Trước tình hình này, Công ty vẫn duy trì chiến lược kinh doanh cơ bản là:

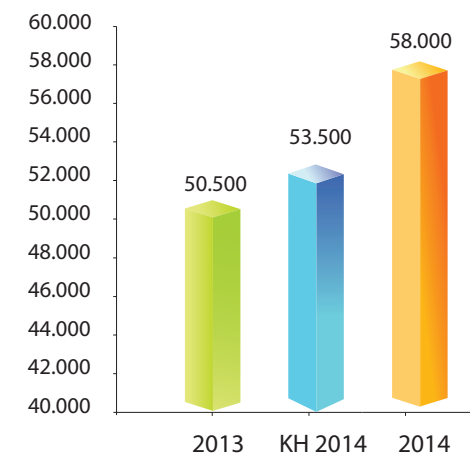
- Định vị thương hiệu ở phân khúc sản phẩm có chất lượng cao, sản phẩm đa dạng, phong phú, hệ thống phân phối rộng khắp với chính sách vừa nhất quán, vừa linh hoạt.
- Tiếp tục chinh phục thị trường nội địa, tham gia nhiều hơn vào các dự án xây dựng trọng điểm trong nước.
- Từng bước phát triển thị trường ra nước ngoài.

Với những sách lược của năm:

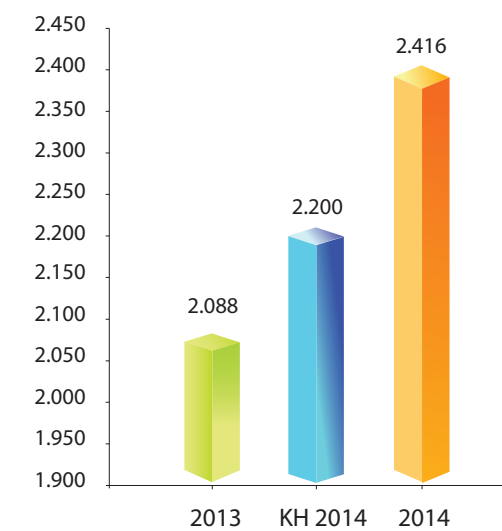
- Khai thác tối đa năng lực sản xuất từ tất cả các nguồn lực sẵn có. Huy động cao nhất công suất thiết bị ở cả hai nhà máy và Công ty con. Sử dụng triệt để những ngày nghỉ lễ, tết để sản xuất và dự trữ sản phẩm.
- Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, tiếp thị. Gia tăng việc chăm sóc khách hàng. Hội nghị Cửa hàng với hơn 1.000 đơn vị tham gia tại Singapore đã gây được tiếng vang rất lớn và mang lại hiệu quả tốt cho việc phát triển thị phần.
- Sự linh hoạt trong chính sách cạnh tranh khiến cho Công ty vừa “thêm bạn bớt thù”, vừa giúp cho hệ thống phân phối và khách hàng trực tiếp hài lòng hơn.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí để vừa đảm bảo được năng lực sản xuất, yếu tố cạnh tranh, vừa không làm giảm tính hiệu quả.
- Tăng cường nguồn nhân lực cho các nhu cầu trước mắt và có bước chuẩn bị cho tương lai.
- Cải tiến hệ thống quản lý bằng các giải pháp tiên tiến, đồng bộ.
- Triển khai dự án xây dựng Nhà máy 4 tại Long An.

Qua đó, đã đạt được kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

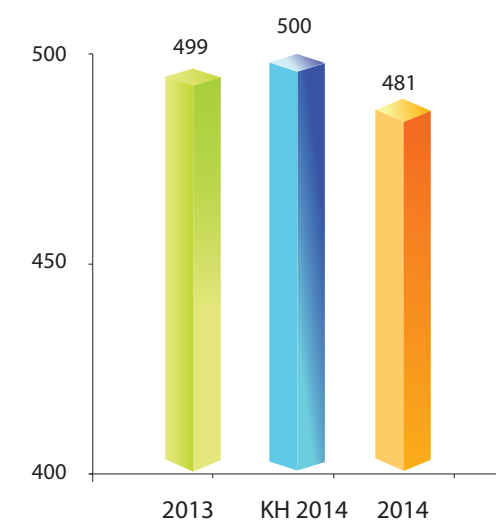
STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TH/KH	TH/2013
1	Doanh thu	Tỷ đồng	2.200	2.416	110%	116%
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	53.500	58.000	108%	115%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	500	481	96%	96%



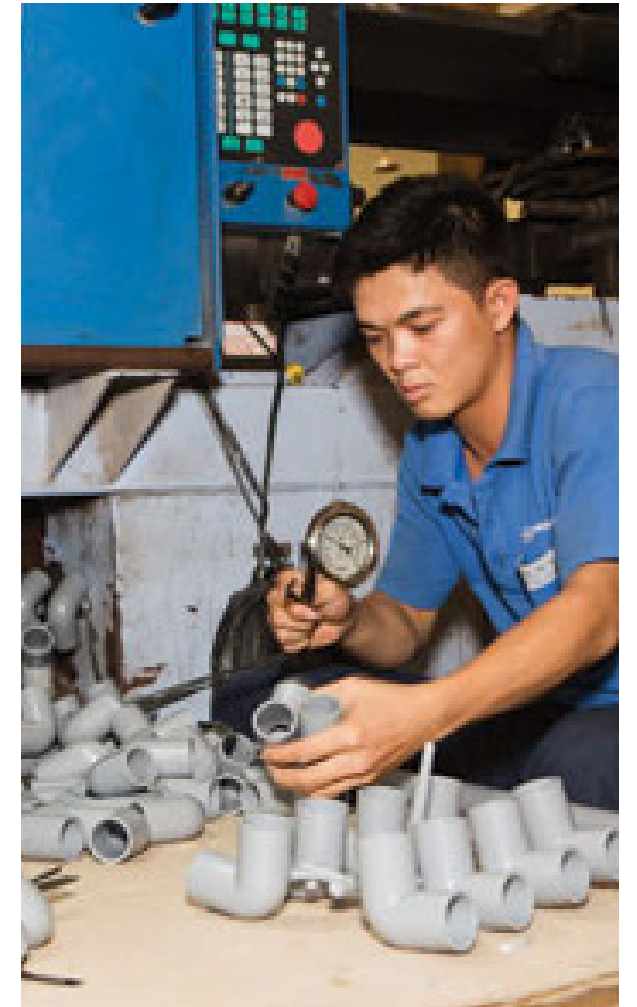
Sản lượng tiêu thụ (tấn)



Doanh thu (tỷ đồng)



Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)



VỚI KẾT QUẢ TRÊN, CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC:



LÀ DOANH NGHIỆP NHỰA
DUY NHẤT 4 LẦN LIÊN TỤC
ĐƯỢC CHÍNH PHỦ CHỌN
THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH
“THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



LÀ DOANH NGHIỆP NHỰA
DUY NHẤT 19 LẦN LIÊN TỤC
ĐƯỢC TIÊU DÙNG BÌNH CHỌN LÀ
“HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO



TOP 50 CÔNG TY
NIÊM YẾT TỐT NHẤT VIỆT NAM
NĂM 2014 DO TẠP CHÍ FORBES
VIỆT NAM BÌNH CHỌN



TOP 50 DOANH NGHIỆP
KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT
VIỆT NAM NĂM 2014 DO TẠP CHÍ
NHỊP CẦU ĐẦU TƯ BÌNH CHỌN



CỜ THI ĐUA NĂM 2014 CỦA
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ



BẰNG KHEN CỦA TỔNG LIÊN
ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM



2. TỔ CHỨC NHÂN SỰ CỦA CÔNG TY

A. Danh sách Ban Điều hành

1. Ông NGUYỄN HOÀNG NGÂN Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1962

Trình độ: Kỹ sư cơ khí, Thạc sĩ Quản trị



Quá trình công tác tại BMP:

- 1988: Nhân viên Kỹ thuật
- 1992: Trưởng Phòng Kỹ thuật
- 1997: Phó Giám đốc
- 2004 : Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
- 2007-2010: Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc - Phó Chủ tịch HĐQT - Giám đốc NBM
- 2010-2/2012: Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc - Chủ tịch HĐQT NBM
- Tháng 3/2012 : Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc - Chủ tịch HĐQT NBM- Chủ tịch HĐQT DPC.
- Tháng 11/2012 - 2014: Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc - Chủ tịch HĐQT NBM- Chủ tịch HĐQT DPC.
- 2014 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc

2. Bà NGUYỄN THỊ KIM YẾN Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc - Chủ tịch HĐQT NBM

Năm sinh: 1960

Trình độ: Cử nhân Kinh tế công nghiệp
Cử nhân Quản trị kinh doanh



Quá trình công tác tại BMP:

- 1981: Nhân viên thống kê
- 1988: Phó Phòng Kế hoạch Cung tiêu
- 1998: Trưởng phòng Kinh doanh
- 2006 - 2014: Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh
- 2014 đến nay: Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh - Chủ tịch HĐQT NBM

A. Danh sách Ban Điều hành

3. Ông NGUYỄN THANH QUAN
Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1968

Trình độ: Kỹ sư Hóa, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh



Quá trình công tác tại BMP:

- 1994: Nhân viên Phòng Kỹ thuật
- 1997: Phó phòng Kỹ thuật
- 2000: Quản đốc Xưởng 1
- 2007 : Giám đốc Nhà máy 1
- 2010 : Giám đốc Nhà máy 2
- 2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật

4. Ông HỒNG LÊ VIỆT
Kế toán trưởng - Trưởng phòng Tài chính kế toán

Sinh năm: 1966

Trình độ: Cử nhân kinh tế



Quá trình công tác tại BMP:

- 1993: Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán
- 2002: Phó phòng Tài chính Kế toán
- 2006: Phó phòng Tài chính Kế toán – Kế toán trưởng NBM – Thành viên HĐQT NBM
- 2014 đến nay: Kế toán trưởng – Trưởng phòng Tài chính kế toán – Thành viên HĐQT NBM

Tỷ lệ sở hữu cổ phần BMP có quyền biểu quyết của Ban Điều hành :

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CP BMP	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	GHI CHÚ
1	NGUYỄN HOÀNG NGÂN	TỔNG GIÁM ĐỐC	343.639	0,76	
2	NGUYỄN THỊ KIM YẾN	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	253.908	0,56	
3	NGUYỄN THANH QUAN	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	6.505	0,01	
4	HỒNG LÊ VIỆT	KẾ TOÁN TRƯỞNG	2	0,00	

b. Những thay đổi trong Ban Điều hành:

Ngày 01/01/2014, bổ nhiệm ông Hồng Lê Việt giữ chức danh Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính kế toán thay cho bà Trang Thị Kiều Hậu nghỉ hưu.

3.TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

a. Dự án ERP:

Trong năm 2014, dự án ERP đang ở giai đoạn hoàn thiện những bước cuối cùng. Công ty đã tích cực chuẩn bị đầy đủ mọi nguồn lực với tất cả sự thận trọng để thực hiện tốt giai đoạn cuối của dự án là áp dụng chính thức với số liệu thực tế (Go-live)

Vào ngày 30/12/2014, Công ty đã ban hành quyết định **Áp dụng chính thức (Go-live) giải pháp ERP ORACLE** tại BMP. Theo đó, kể từ ngày 01/1/2015 sẽ áp dụng chính thức 5 phân hệ :

- Quản lý Tài chính (Oracle Financials)
- Quản lý Mua hàng (Oracle Purchasing)
- Quản lý Kho (Oracle Inventory Management)
- Quản lý Bán hàng (Oracle Order Management)
- Quản lý Sản xuất (Oracle Process Manufacturing)

Việc áp dụng chính thức được thực hiện tại 3 địa điểm:

- Trụ sở BMP: 240 Hậu Giang, phường 9, quận 6, TP. HCM
- Nhà Máy 1: 240 Hậu Giang, phường 9, quận 6, TP. HCM
- Nhà Máy 2 – Chi nhánh BMP: Số 7, đường số 2, KCN Sóng Thần 1, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Sau khi áp dụng chính thức 5 phân hệ nêu trên tại BMP thành công, sẽ triển khai thực hiện tiếp tại NBM.

b. Dự án Nhà máy 4 tại Long An:

Đang triển khai giai đoạn 1 (30.000 m²)

Giá trị xây dựng và trang bị cơ bản giai đoạn 1 : 173,5 tỷ đồng, bao gồm các hạng mục chính:

1. **Đóng cọc:** Đã hoàn thành.
2. **Cầu dẫn:** Đã hoàn thành.
3. **Khung kèo:** Dự kiến hoàn thành giữa tháng 4/2015.
4. **Trạm điện:** Dự kiến lắp đặt cuối tháng 6/2015.
5. **Nước & khí nén:** Dự kiến lắp đặt tháng 6/2015.
6. **Cấp liệu tự động:** Dự kiến lắp đặt tháng 7/2015.
7. **Cầu trục:** Dự kiến lắp đặt tháng 8/2015.
8. **Nhà xưởng:** Dự kiến hoàn thành cuối tháng 8/2015.
9. **Dịch vụ tư vấn .**
10. **Thiết bị phụ trợ.**
11. **Dự phòng (10%).**

Dự kiến tháng 9/2015 Nhà máy có thể vận hành sản xuất với công suất 5.000 tấn sản phẩm phụ tùng/năm với khoảng 20 máy ép phun được di dời từ Nhà máy 1 và Nhà máy 2 về.

c. Các công ty con, công ty liên kết:

LOẠI HÌNH	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	LĨNH VỰC SXKD CHÍNH	VỐN GÓP CỦA CÔNG TY
Công ty con	1. Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh miền Bắc	Đường D1, Khu D, Khu Công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm dân dụng, kỹ thuật và công nghiệp từ chất dẻo, cao su	100%
Công ty liên kết	1. Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh bất động sản Bình Minh Việt	Số 240 Hậu Giang, phường 9, quận 6, TP. HCM	Kinh doanh bất động sản	26%
	2. Công ty cổ phần Nhựa Đà Nẵng	371 Trần Cao Vân, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm nguyên liệu thiết bị ngành nhựa	29%



Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh miền Bắc:

Năm 2014 NBM đạt được những kết quả đáng khích lệ: Doanh số và sản lượng vượt kế hoạch 40% - tăng 60% so với năm 2013. Thương hiệu Nhựa Bình Minh đang từng bước khẳng định chỗ đứng vững chắc tại thị trường miền Bắc, được nhiều chủ đầu tư, nhà thầu trong và ngoài nước tin tưởng sử dụng. Nhờ các giải pháp chi đạo đồng bộ từ Công ty mẹ kết hợp chính sách kinh doanh linh hoạt mà kết quả lợi nhuận năm 2014 đã vượt kế hoạch đến 62% và tăng 88% so với năm 2013.

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2013	KẾ HOẠCH 2014	THỰC HIỆN 2014	THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH (%)	THỰC HIỆN SO VỚI 2013 (%)
A	B	C	1	2	3	4 = 3/2	5 = 3/1
1.	Doanh số	Tỷ đồng	178	200	276	138	155
2.	Sản lượng	Tấn	4.200	5.000	7.200	143	170
3.	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,6	10	16,2	162	188

Đội ngũ CBCNV Công ty đã ngày càng trưởng thành. Bên cạnh đó đời sống vật chất của người lao động cũng được cải thiện đáng kể - đơn cử thu nhập bình quân của người lao động tăng 50% so với năm 2013- Công ty đã tổ chức nhiều hoạt động phong trào sôi nổi nâng cao đời sống tinh thần của người lao động, bồi đắp sự tin tưởng, phấn khởi và gắn bó giữa người lao động với Công ty nhiều hơn.

Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh bất động sản Bình Minh Việt:

Công ty được thành lập nhằm mục đích chuyển đổi công năng khu đất tại địa chỉ 240 Hậu Giang sau khi Nhựa Bình Minh phải di dời Nhà máy 1 theo chủ trương của Ủy ban Nhân dân TP. HCM. Năm 2014, do tình hình đầu tư kinh doanh bất động sản không thuận lợi và chưa bị áp lực di dời cấp bách nên dự án vẫn đang dừng lại ở bước tiếp tục hoàn thiện các thủ tục cấp phép đầu tư, phê duyệt quy hoạch và các công việc chuẩn bị khác cho thời điểm triển khai thích hợp. Toàn bộ công việc này đang do đối tác của BMP là Vietcomreal thực hiện theo trình tự đầu tư.

Công ty cổ phần Nhựa Đà Nẵng:

Số liệu tổng hợp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 của DPC như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2013	KẾ HOẠCH 2014	THỰC HIỆN 2014	THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH (%)	THỰC HIỆN SO VỚI 2013 (%)
A	B	C	1	2	3	4 = 3/2	5 = 3/1
1	Doanh số thuần	Tỷ đồng	78	85	77	90	99
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,6	2,1	1,1	52	43

Mặc dù xây dựng kế hoạch với mức tăng trưởng thấp nhưng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của DPC năm 2014 vẫn không đạt được yêu cầu so với kế hoạch đề ra và cũng giảm so với cùng kỳ - đặc biệt về chỉ tiêu lợi nhuận - được thể hiện trong bảng trên. Nguyên nhân chủ yếu do DPC là một doanh nghiệp quy mô nhỏ, thương hiệu yếu nên gặp nhiều khó khăn khi cạnh tranh “sống còn” với các thương hiệu khác trên địa bàn. Bên cạnh đó DPC cũng chưa xác định và tập trung được vào dòng sản phẩm chủ lực, hệ thống phân phối rất yếu nên bị phụ thuộc nhiều vào đối tượng khách hàng dự án.

Trong năm 2014, theo quyết định của HĐQT BMP, các đại diện vốn của BMP tham gia trong cơ cấu quản trị của DPC đã rút khỏi vị trí Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS DPC. DPC đã bầu bổ sung thay thế các vị trí trên và bổ nhiệm bổ sung, thay thế một số vị trí điều hành mới, tuy nhiên chưa có sự cải thiện đáng kể nào về kết quả sản xuất kinh doanh. Sau khi rút khỏi các vị trí trong HĐQT và BKS, BMP thực hiện vai trò một cổ đông lớn thuần túy nên không có những tác động cụ thể nào cho việc thúc đẩy hay đòi hỏi DPC phải hoạt động hiệu quả hơn hoặc có các cải tổ cần thiết cả về định hướng và hoạch định chiến lược cũng như đòi hỏi Ban Điều hành DPC cần phải năng động hơn, mạnh dạn tìm kiếm và triển khai các giải pháp, linh hoạt điều chỉnh và áp dụng các chính sách kinh doanh phù hợp với tình hình thị trường để đem lại hiệu quả cao hơn.

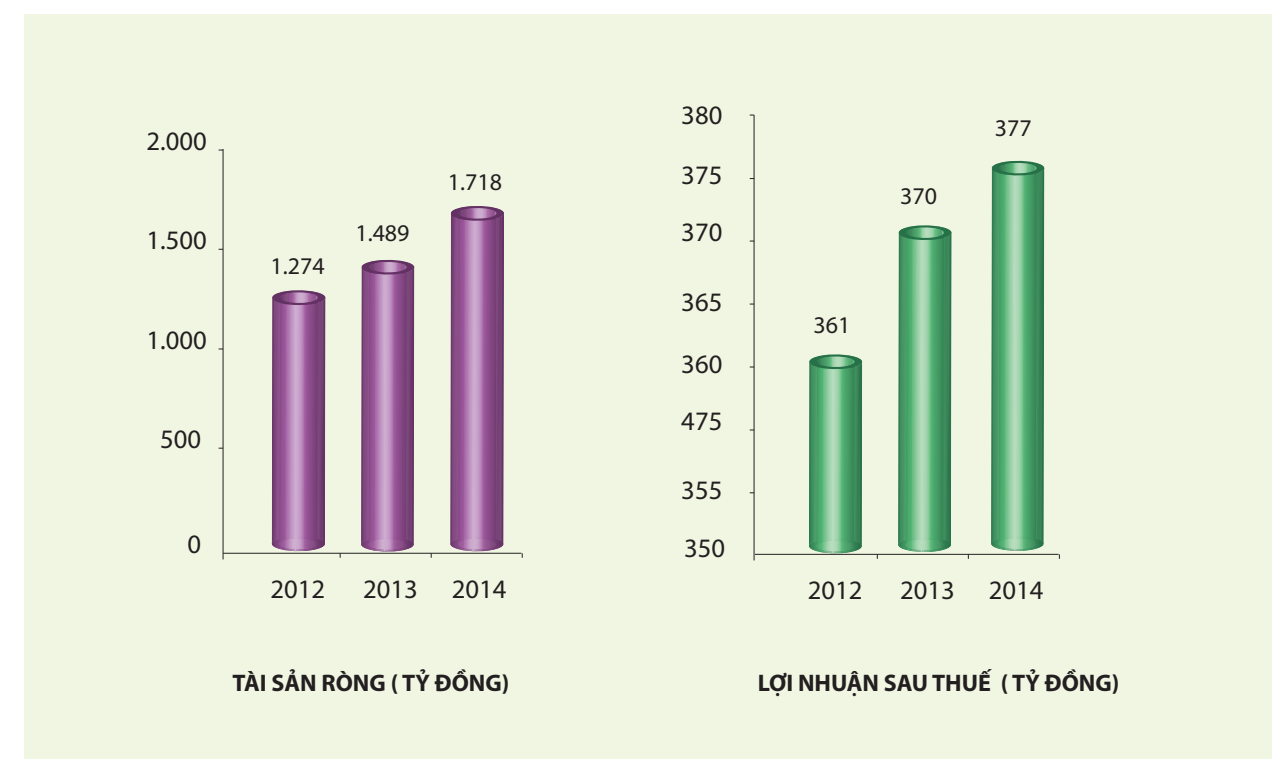
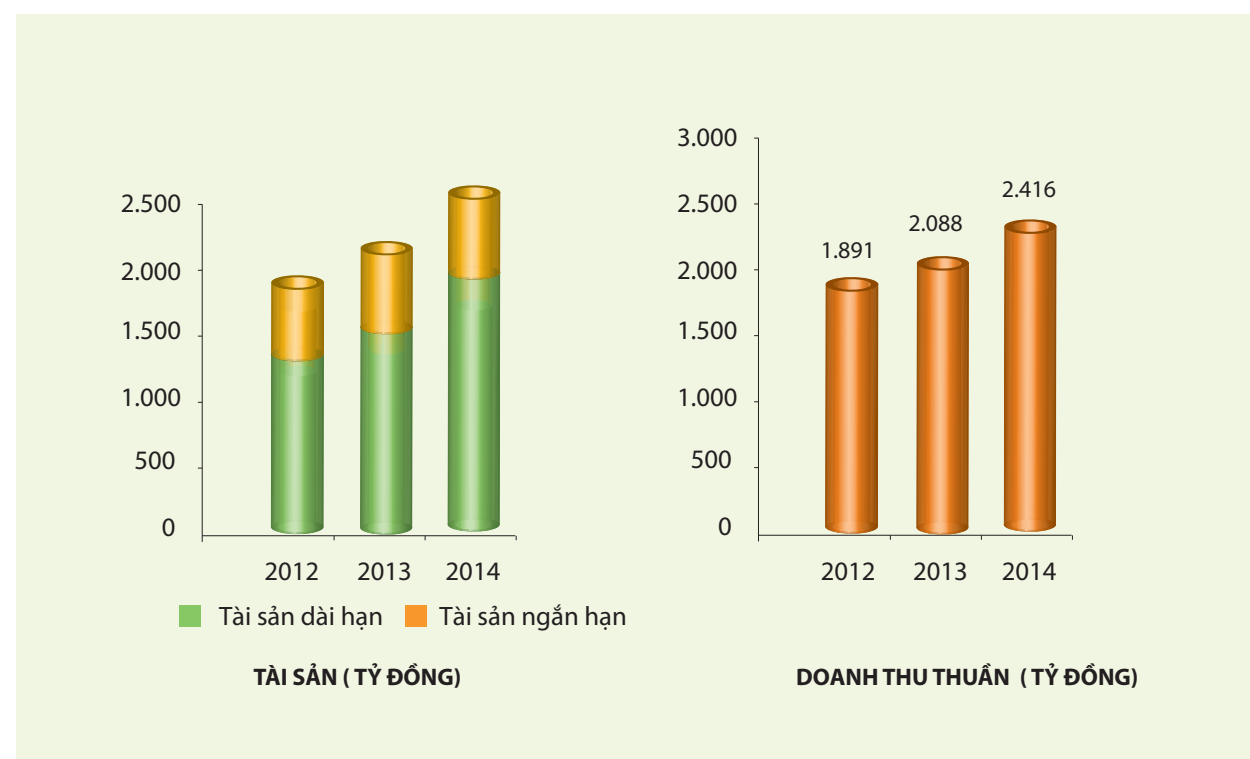
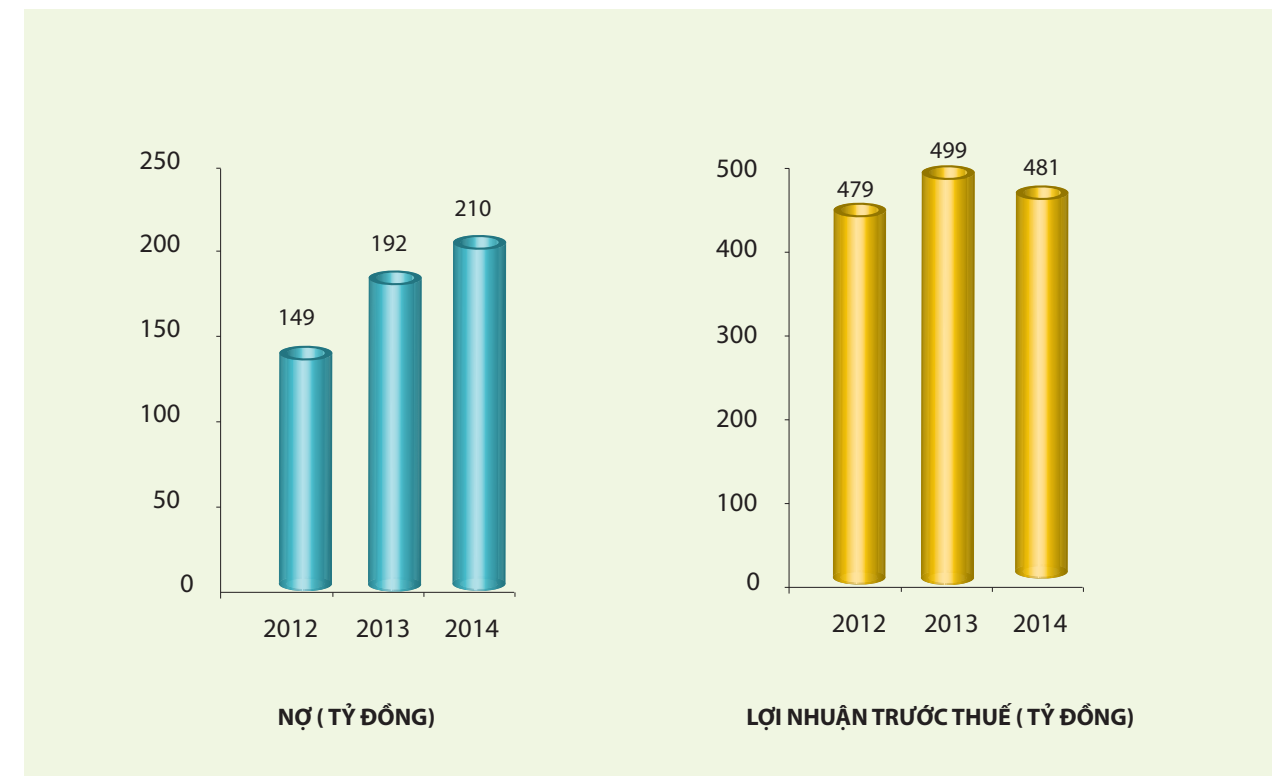
Với kết quả lợi nhuận rất thấp, khả năng chi trả cổ tức của DPC trong năm 2014 sẽ rất khó khăn.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a. Tình hình tài chính

CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2013	NĂM 2014	CHÊNH LỆCH TĂNG GIẢM
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	1.681	1.929	248
Doanh thu thuần	"	2.088	2.416	328
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	"	486	472	-14
Lợi nhuận khác	"	0,6	1,3	0,7
Lợi nhuận trước thuế	"	499	481	-18
Lợi nhuận sau thuế	"	370	377	6
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (* cổ tức tạm chia bằng tiền mặt)	%	36,8%	24,1%*	-12,7%

Nguồn: Báo cáo hợp nhất BMP đã được kiểm toán 2014



b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2013	NĂM 2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	6,4	7,1
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	4,5	5,3
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,1	0,1
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,1	0,1
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	4,2	4,7
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	1,3	1,3
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	17,8%	15,6%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	26,8%	23,5%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	23,9%	20,9%
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	23,3%	19,5%

Nguồn: Báo cáo hợp nhất BMP đã được kiểm toán 2014

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG ĐẾN NGÀY 31/12/2014

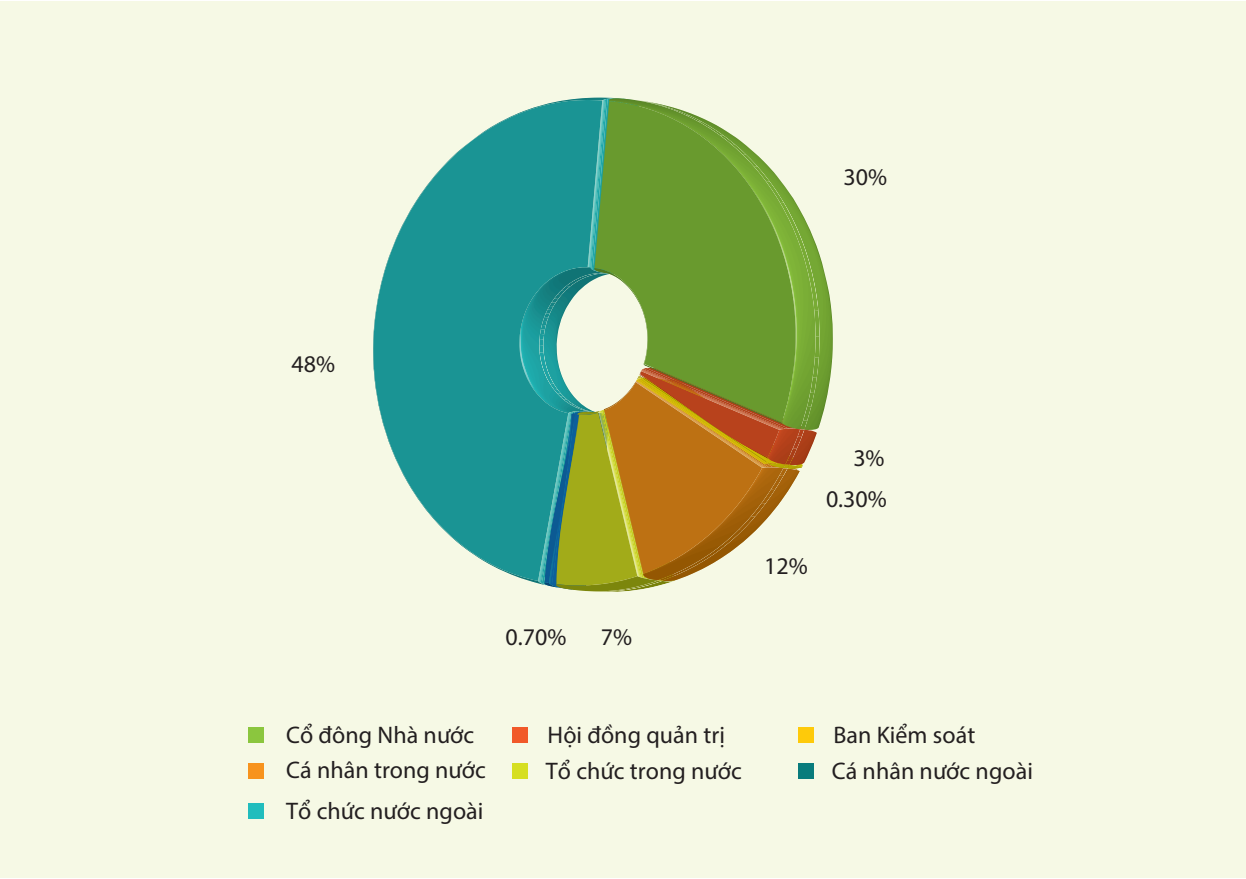
a. Thông tin về cổ phần

TỔNG SỐ CỔ PHẦN	45.478.480
Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông	45.478.480
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:	45.395.610
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	82.870

b. Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông:

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	SỐ CP NĂM GIỮ	TỶ LỆ % SO VỚI TỔNG CỘNG
Cổ đông Nhà nước	13.422.170	29,51
Hội đồng Quản trị	1.187.687	2,61
Ban Kiểm soát	134.495	0,30
Cá nhân trong nước	5.418.091	11,91
Tổ chức trong nước	3.041.192	6,69
Cá nhân nước ngoài	316.773	0,70
Tổ chức nước ngoài	21.958.072	48,28
TỔNG CỘNG	45.478.480	100

SỐ CỔ PHẦN NĂM GIỮ



Thông tin chi tiết của cổ đông lớn:

TT	CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ	SỐ CP SỞ HỮU	TỶ LỆ %
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - SCIC	117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội	Cổ đông Nhà nước	13.422.170	29,51
2	The Nawaplastic Industries (Saraburi) Co. Ltd.	Building 17, 1 Siam Cement Rd. Bangsuf, Bangkok 10800, Thailand	Sản xuất các sản phẩm PVC	9.279.049	20,40
3.	Franklin Templeton Investment Fund – Templeton Frontier Makets Fund	26 Boulevard Royal, L-2449 Luxembourg Grand Duchy of Luxembourg	Quỹ đầu tư	4.904.418	9,01
4.	Vietnam Holding Limited	Tầng 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, 201-203 Cách Mạng Tháng 8, P.4, Q.3, TP. HCM	Đầu tư	2.351.925	5,17

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu :

Trong năm 2014 Công ty không thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ :

Công ty không có cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác :

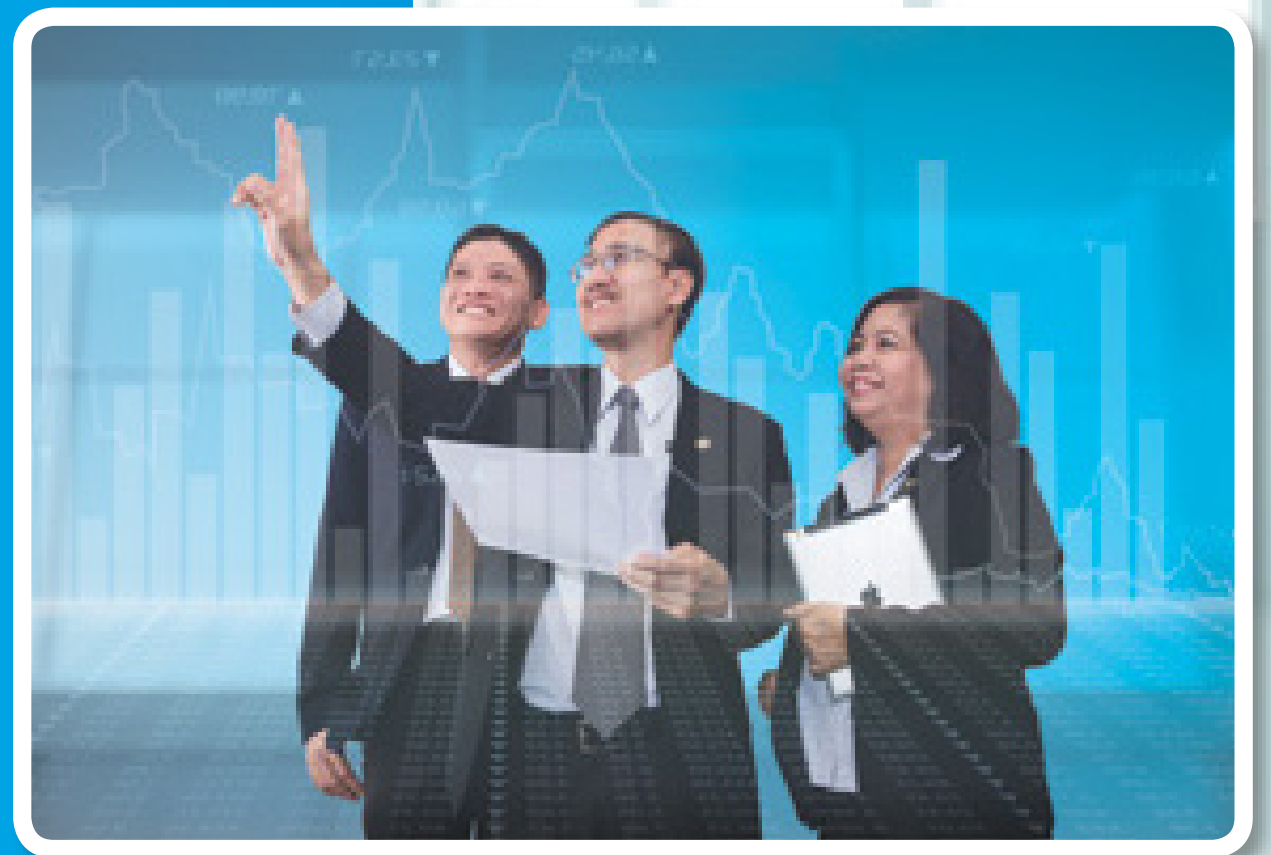
Trong năm 2014 Công ty không thực hiện phát hành chứng khoán khác.



BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ

CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

“Được HĐQT tạo nhiều thuận lợi và sự ủng hộ cao của cổ đông, Công ty vẫn duy trì được vị thế của một nhà sản xuất ống nhựa hàng đầu Việt Nam.”



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:**1.1. Đặc điểm tình hình :****1.1.1. Thuận lợi:**

- Sức mua chung của thị trường tăng rõ ràng hơn. Hệ thống phân phối hoạt động tốt và Công ty tham gia nhiều hơn vào các dự án hạ tầng, địa ốc đang có dấu hiệu hồi phục.
- Công ty khẳng định được vị thế của một nhà sản xuất quy mô lớn, có thương hiệu uy tín và chất lượng sản phẩm, dịch vụ tốt.
- Chủ động về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và triển khai các dự án đầu tư. Dễ dàng tiếp cận các nguồn vốn do tình hình tài chính tốt.
- Nguồn nhân lực ổn định, có tinh thần trách nhiệm cao, gắn bó với Công ty. Tăng cường hoạt động tuyển dụng và đào tạo nhân sự.
- Được sự ủng hộ của cổ đông, HĐQT do hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cao; hệ thống quản trị minh bạch, công bố thông tin kịp thời và đội ngũ người lao động toàn tâm toàn ý với sự phát triển của Công ty.

1.1.2. Khó khăn:

- Chi phí đầu vào tăng, đặc biệt giá nguyên liệu bình quân cả năm tăng với tỷ lệ cao so với cùng kỳ và ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận.
- Chính sách kinh doanh của các đơn vị cùng ngành có những biểu hiện “cạnh tranh liều lĩnh và khốc liệt, thậm chí điên rồ” chủ yếu do tăng chiết khấu đến mức đáng lo ngại. Đặc biệt không chỉ là các đơn vị quy mô vừa và nhỏ, mà cả đơn vị có quy mô lớn cũng chạy theo xu hướng này.
- Dự báo nhu cầu thị trường chưa chính xác nên mặc dù tăng trưởng sản lượng cao vẫn còn thiếu hụt sản phẩm so với nhu cầu thị trường.
- Nguồn nhân lực phải bổ sung và tập trung rất nhiều cho giai đoạn “Go-live” các phân hệ chủ yếu của dự án ERP.
- Vụ việc truy thu khoản ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp kéo dài 1 năm nhưng vẫn chưa được giải quyết dẫn đến tổn thất nhiều thời gian và 70 tỷ vẫn nộp trong kho bạc.
- Trích lập dự phòng nợ khó đòi cũng có ảnh hưởng đến lợi nhuận trong năm.
- Tăng trưởng tiêu thụ của thị trường phía Bắc chưa đạt được mục tiêu kỳ vọng.

1.2. Trong tình hình trên Ban Điều hành đã chủ động đưa ra những giải pháp ngắn hạn có hiệu quả để đạt được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2014, cơ bản là :

- Cân đối nguồn lực sẵn có từ các nhà máy, Công ty thành viên để tăng cường hoạt động sản xuất nâng cao hiệu quả khai thác năng lực thiết bị đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.
- Đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh, tiếp thị, đặc biệt chú trọng đến việc chăm sóc, hỗ trợ khách hàng để duy trì tốt hoạt động của Hệ thống phân phối. Tăng cường hoạt động tiếp cận và mở rộng nhóm khách hàng dự án hạ tầng, địa ốc.
- Linh hoạt, kịp thời đưa ra những quyết định và điều chỉnh chính sách để tăng tính cạnh tranh trong kinh doanh.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí, cân đối và sử dụng hiệu quả dòng vốn của Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.
- Tăng cường nguồn nhân lực quản lý và tuyển dụng bổ sung nhân sự mới đáp ứng yêu cầu tăng trưởng.

- Tập trung nguồn lực để đẩy nhanh dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý (ERP).
- Thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Nhà máy 4 tại Long An để tăng cường năng lực và mở rộng cơ sở hạ tầng.
- Đầu tư hợp lý để bổ sung năng lực thiết bị, khuôn mẫu.

1.3. Bên cạnh đó, HĐQT cũng tập trung vào việc hoạch định dài hạn cho những định hướng và chiến lược phát triển, hoàn thiện cơ cấu quản trị và các quy chế:

- Thành lập và kiện toàn các Tiểu ban tư vấn cho HĐQT.
- Soát xét, sửa đổi Điều lệ, Bộ quy chế quản trị, Quy chế phối hợp nội bộ để tăng cường chất lượng công tác quản trị, điều hành nội bộ.
- Bổ nhiệm mới HĐQT của NBM và Người đại diện vốn tại DPC.
- Giám sát hoạt động điều hành để góp ý và giải quyết kịp thời những công việc thuộc phạm vi quyền hạn của HĐQT.

Với những giải pháp nêu trên, kết quả hoạt động của năm 2014 của Công ty được đánh giá là tốt trong đó nổi bật là tăng trưởng doanh thu cao so với năm 2013 (15,7%) do những nguyên nhân chủ yếu sau:

- Công tác quản trị và điều hành linh hoạt và phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường. Đặc biệt áp dụng những giải pháp kinh doanh kịp thời với từng đối tượng khách hàng và từng khu vực thị trường.
- Công tác quản lý, sử dụng vốn hợp lý và chặt chẽ để đảm bảo việc sử dụng đồng vốn hiệu quả nhất. Kiểm soát thường xuyên các chi phí và cân đối để đảm bảo mục tiêu lợi nhuận phù hợp.
- Giữ vững định hướng và sự nhất quán trong chiến lược về chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ và chính sách kinh doanh. Không vì những khó khăn nhất thời thay đổi để tìm kiếm lợi nhuận trước mắt.
- Hệ thống khách hàng có truyền thống gắn bó tiếp tục tin cậy và trung thành với Công ty. Bên cạnh đó, những hoạt động chăm sóc khách hàng và truyền thông cũng tạo được những hiệu ứng tốt cả với khách hàng, nhà cung ứng và các đối tác.
- Hệ thống quản trị nội bộ tốt, đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động tâm huyết, gắn bó, hết mình vì công việc và quán triệt chủ trương “Năng suất – Chất lượng – Hiệu quả”.
- Tận dụng được ưu thế của doanh nghiệp dẫn dắt thị trường, có quy mô lớn và có ưu thế cạnh tranh để tăng trưởng thị phần trong điều kiện thị trường có những tín hiệu tốt lên.

Tuy nhiên bên cạnh những thành tích đạt được, chỉ tiêu lợi nhuận chưa đạt được kế hoạch và giảm 3,6% so với cùng kỳ do một số những nguyên nhân chủ yếu sau:

- Giá nguyên liệu đầu vào cả năm 2014 tăng bình quân 5% so với 2013 đã tác động mạnh mẽ đến giá vốn hàng bán là nguyên nhân lớn nhất làm suy giảm lợi nhuận.
- Các chi phí đầu vào khác cũng tăng đáng kể do ảnh hưởng của giá nhiên liệu, năng lượng và các dịch vụ khác.
- Với định hướng “cân bằng” hơn trong mức tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận nên việc cân đối nguồn lực tài chính cho các hoạt động hỗ trợ chính sách kinh doanh để góp phần tăng trưởng thị phần thông qua tăng trưởng doanh thu cũng có ảnh hưởng đến lợi nhuận.

Một số số liệu tham khảo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 của hai công ty chuyên sản xuất và cung ứng ống nhựa có quy mô tương đương và lớn nhất trên thị trường là BMP và Nhựa Tiền Phong (NTP).

CHỈ TIÊU	BMP	NTP	SỐ SÁNH BMP/NTP (%)
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	2.416	2.998	80,59
Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)	377	325	116
Lợi nhuận ròng / Doanh thu thuần (%)	15,6	10,8	
Tổng tài sản (tỷ đồng)	1.955	2.580	85,6
Lợi nhuận ròng / Tổng tài sản (%)	19,3	12,6	
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	1.719	1.466	114
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	455	563	80,82
Nợ phải trả (tỷ đồng)	236	1.114	21,18
EPS (ngàn đồng)	8,30	5,77	
Giá giao dịch ngày 27/03/2015 (VND/CP)	79.500	50.000	

Nguồn : Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2014 của BMP và NTP và CafeF.vn



2. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	2014	2013	2012	2011	2010
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.929	1.681	1.423	1.166	982
- Tài sản ngắn hạn	"	1.486	1.224	1.052	788	708
- Tài sản dài hạn	"	443	457	370	378	274
Nợ phải trả	"	210	192	149	117	130
- Nợ ngắn hạn	"	210	192	149	115	128
- Nợ dài hạn	"	0	0	0	2	1
Vốn chủ sở hữu	"	1.718	1.489	1.274	1.049	852

Nguồn: Báo cáo hợp nhất BMP đã được kiểm toán 2010 - 2014

TỔNG TÀI SẢN VÀ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG TỔNG TÀI SẢN 2010 - 2014

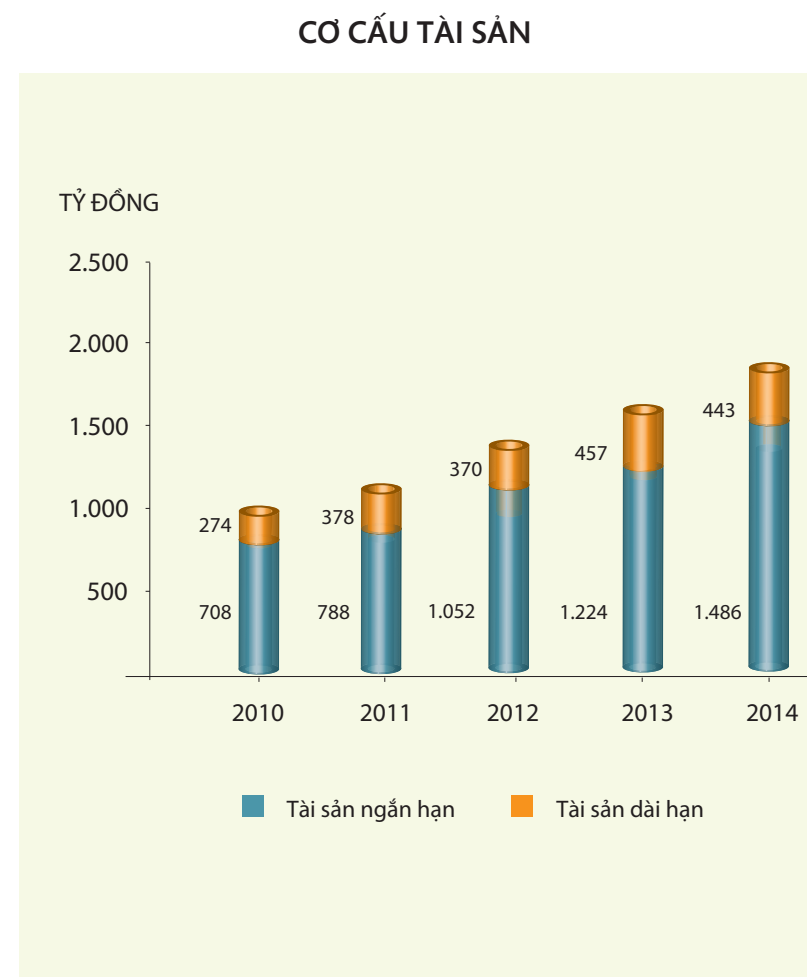


BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Qua 5 năm kể từ 2010 đến 2014, tổng tài sản của BMP đã tăng lên 2 lần trong **lúc kinh tế Việt Nam mới xuất hiện dấu hiệu phục hồi; năng suất và sức cạnh tranh của nền kinh tế vẫn chưa được cải thiện**. Thành quả này có được là nhờ vào sự quyết tâm và kiên trì thực thi các chiến lược phát triển kinh doanh có định hướng của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong các năm qua.

So với năm 2013, tổng giá trị tài sản của BMP năm 2014 tăng 15% chủ yếu do tăng tài sản ngắn hạn, cụ thể là phát sinh khoản đầu tư ngắn hạn do Công ty chuyển tiền gửi kỳ hạn ngắn sang kỳ hạn dài để hưởng lãi suất cao hơn. Năm 2014 vẫn còn là một năm đầy thử thách với ngành bất động sản nói chung và ngành nhựa xây dựng nói riêng nên việc BMP duy trì một tỷ lệ thanh khoản cao, không đầu tư dàn trải, tập trung duy trì và phát triển những tài sản sẵn có, từng bước xây dựng nhà máy mới, chuẩn bị cho bước tiến dài hạn trong tương lai là hướng đi an toàn, hiệu quả trong tình hình kinh tế hiện nay.

Cho đến thời điểm hiện nay, BMP vẫn duy trì theo đuổi cấu trúc vốn an toàn với tỷ trọng vốn chủ chiếm 89% trong tổng nguồn vốn. Việc duy trì tỷ lệ này trong thời gian dài do BMP đang có nguồn lực vốn đủ mạnh, chưa cần dùng nguồn bên ngoài, có thể tài trợ cho tất cả khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn của doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong tương lai, nhu cầu xây dựng nhà máy, đầu tư máy móc thiết bị ngày càng nhiều thì cơ cấu này sẽ có sự chuyển dịch. Như thế, việc cố gắng duy trì một cấu trúc vốn

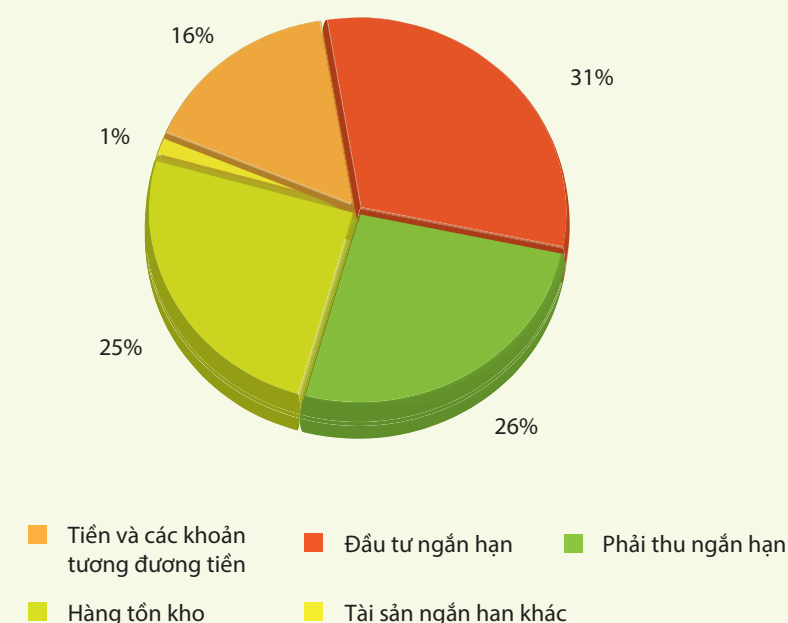


như hiện nay là sự chuẩn bị kế hoạch sử dụng vốn trong một tương lai không xa, đảm bảo sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

Tài sản ngắn hạn của BMP cuối năm 2014 đạt 1.486 tỷ đồng, tăng 21% so với năm 2013 và gấp 2 lần so với cuối năm 2010. Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn năm 2014, khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao nhất 31%. Đây là khoản tiền Công ty gửi tiết kiệm chuyển từ kỳ hạn ngắn sang kỳ hạn 6 tháng để hưởng lãi suất cao hơn. Hai khoản mục tiền và tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn này chiếm đến 47% tài sản ngắn hạn, cao gấp 1,6 lần so với vốn điều lệ. Với khả năng này, không những giúp BMP có lợi thế trong vấn đề đàm phán với nhà cung cấp mà còn tạo niềm tin cho các nhà đầu tư, nâng cao được năng lực cạnh tranh trong công tác đấu thầu bán hàng.

a. Tình hình tài sản

CƠ CẤU TÀI SẢN NGẮN HẠN



Hai khoản mục khác chiếm tỷ trọng lớn trong tài sản ngắn hạn năm 2014 là hàng tồn kho (25%) và các khoản phải thu (26%). So với năm 2013, tỷ trọng của hai khoản mục này có xu hướng giảm, có nghĩa là BMP cân đối được số lượng hàng tồn kho, các khoản nợ phải thu trong khả năng kiểm soát. Tỷ trọng này phù hợp với đặc điểm của một doanh nghiệp sản xuất và thương mại.

Mặc dù doanh thu tăng nhưng tỷ trọng nợ phải thu khách hàng cuối năm 2014 gần bằng cùng kỳ năm trước do BMP vẫn duy trì chính sách bán hàng bằng hình thức chiết khấu thanh toán ngay. Một mặt, khách hàng có thể thanh toán ngay để hưởng thêm chiết khấu, mặt khác BMP có thể ngay lập tức thu tiền, tránh rủi ro trong công tác thu hồi công nợ.

Tuy nhiên, hai năm qua, BMP gặp phải vấn đề quản lý công nợ đối với Công ty TNHH TM Nhựa Đức Thành,

tổng nợ của Công ty này chiếm 12% trong tổng nợ phải thu. Tuy có quyết định của Tòa án buộc Nhựa Đức Thành có trách nhiệm trả cả gốc lẫn lãi trong vòng 5 năm từ 2014 – 2018 nhưng chủ doanh nghiệp này đã qua đời trong năm 2014. Vì vậy khả năng thu hồi khoản nợ này rất thấp. Chính vì lẽ đó, Ban Điều hành rất chú trọng công tác quản lý nợ phải thu, tránh tổn thất đến mức thấp nhất các rủi ro có thể tiếp tục xảy ra trong tương lai.

Khoản nợ phải thu khác là khoản truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp hơn 71 tỷ đồng mà BMP đã liên tục khiếu nại đề nghị cơ quan thuế hoàn lại từ cuối năm 2013 vẫn còn giữ nguyên cho đến nay. Đồng thời, do đã chi trả có tức cho có đồng nhà nước (SCIC) trong giai đoạn 2009-2010, có thể Công ty cũng sẽ được cơ quan thuế khấu trừ một phần số tiền truy thu. Cụ thể, theo văn bản mới đây của Cục thuế Tp.HCM, BMP có thể được hoàn lại khoảng 29 tỷ trong năm 2015. Như vậy, số tiền còn lại (hơn 42 tỷ đồng), nếu phải ghi nhận, cũng sẽ không ảnh hưởng đáng kể đến kết quả lợi nhuận sau thuế của BMP trong năm 2015.

Tài sản dài hạn

Cơ cấu tài sản dài hạn chủ yếu của BMP năm 2014 không thay đổi nhiều so với năm 2013, chủ yếu vẫn là tài sản cố định và chi phí trả trước tiền thuê đất tại Long An. Trong năm qua, Công ty chi xây dựng cải tạo nhà xưởng, kho bãi, trang bị thêm một số máy móc, thiết bị phụ trợ giúp giảm chi phí tiêu hao nguyên vật liệu, nâng cao năng suất.

Đến quý 3/2014, Nhà máy Long An mới bắt đầu khởi công, san lấp mặt bằng và dự kiến bắt đầu vận hành từ quý 3/2015, ước tính công suất thực tế của Nhà máy này trong năm 2015 vào khoảng 5.000 tấn.

Với mục tiêu quản trị doanh nghiệp ngày càng hiệu quả, thông tin được đáp ứng kịp thời, phục vụ nhu cầu quản lý, BMP đã ký hợp đồng triển khai dự án phần mềm công nghệ thông tin ERP Oracle trong năm 2012, với tổng chi phí dự toán lên tới 20 tỷ đồng bao gồm cả nâng cấp hệ thống quản trị mạng, đảm bảo khi chương trình đưa vào vận hành không bị gián đoạn. Năm 2014, dự án này chính thức đã được đưa vào áp dụng chính thức cho một số phân hệ và toàn hệ thống từ ngày 01/01/2015.

b. Tình hình nợ phải trả

Cơ cấu nợ phải trả trong năm 2014 hoàn toàn là nợ ngắn hạn. Tổng nợ phải trả của BMP tăng qua các năm và đạt 210 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2014, trong đó vay nợ ngắn hạn 58 tỷ đồng chiếm 28%, phải trả nhà cung cấp 67 tỷ đồng, chiếm 32%, nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước và người lao động 56 tỷ đồng, chiếm 26%, các khoản khác chiếm 14%. Toàn bộ nợ vay ngắn hạn của BMP là khoản khách hàng ký quỹ đặt cọc để được mua hàng trả chậm theo Quy chế kiểm soát công nợ khách hàng của Công ty.

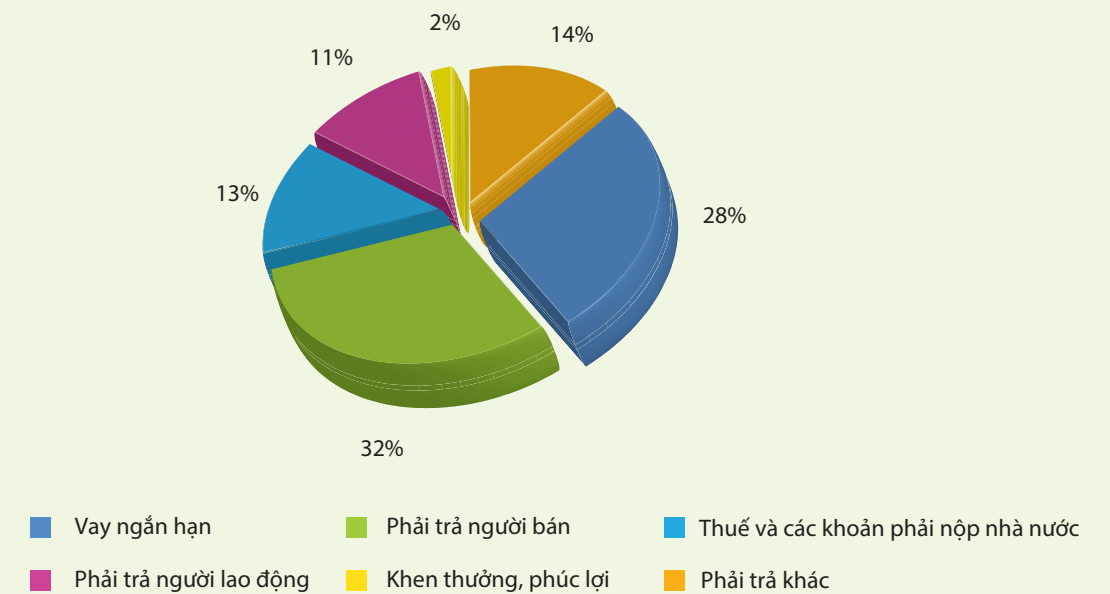
Với tiền mặt sẵn có và các khoản dễ dàng chuyển đổi nhanh chóng thành tiền, BMP không những không bị áp lực cho nhu cầu thanh toán mà còn tận dụng tối đa lợi thế trong hoạt động mua hàng, hưởng được mức giá tốt nhất so với thị trường, giúp giảm đáng kể chi phí đầu vào, góp phần gia tăng lợi nhuận doanh nghiệp và chuẩn bị nguồn vốn cho các dự án đầu tư sắp tới.

Nguồn vốn chủ sở hữu

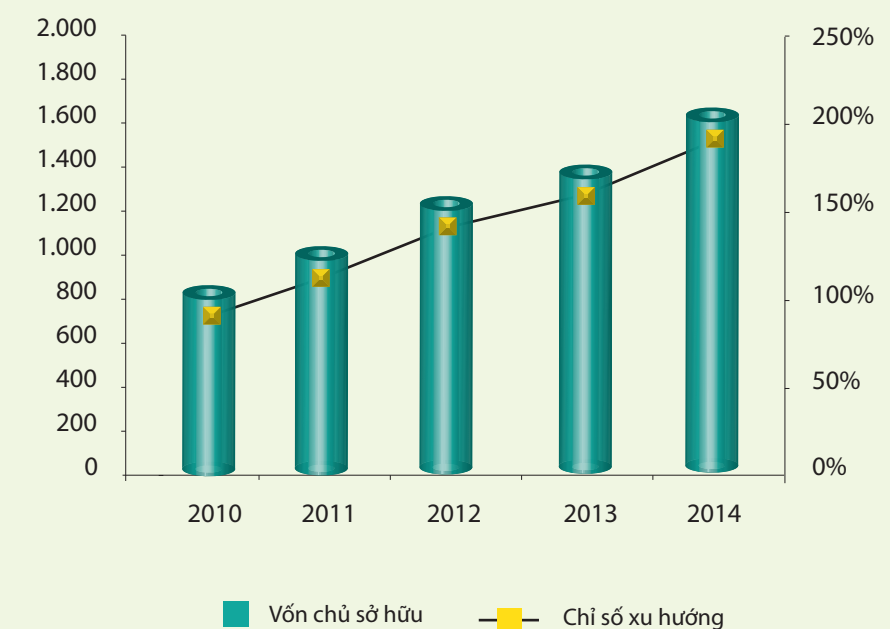
Nguồn vốn chủ sở hữu tại thời điểm cuối năm 2014 của BMP đạt 1.718 tỷ đồng, tăng 229 tỷ đồng tương đương 15,4% so với cuối năm 2013, chủ yếu do đóng góp từ lợi nhuận sau thuế.

Cơ cấu vốn chủ sở hữu tiếp tục chiếm tỷ trọng cao chiếm 89% trong tổng nguồn vốn, được gia tăng nhờ vào lợi nhuận giữ lại tạo ra từ hiệu quả hoạt động kinh doanh.

CƠ CẤU NỢ NGẮN HẠN 2014



NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU



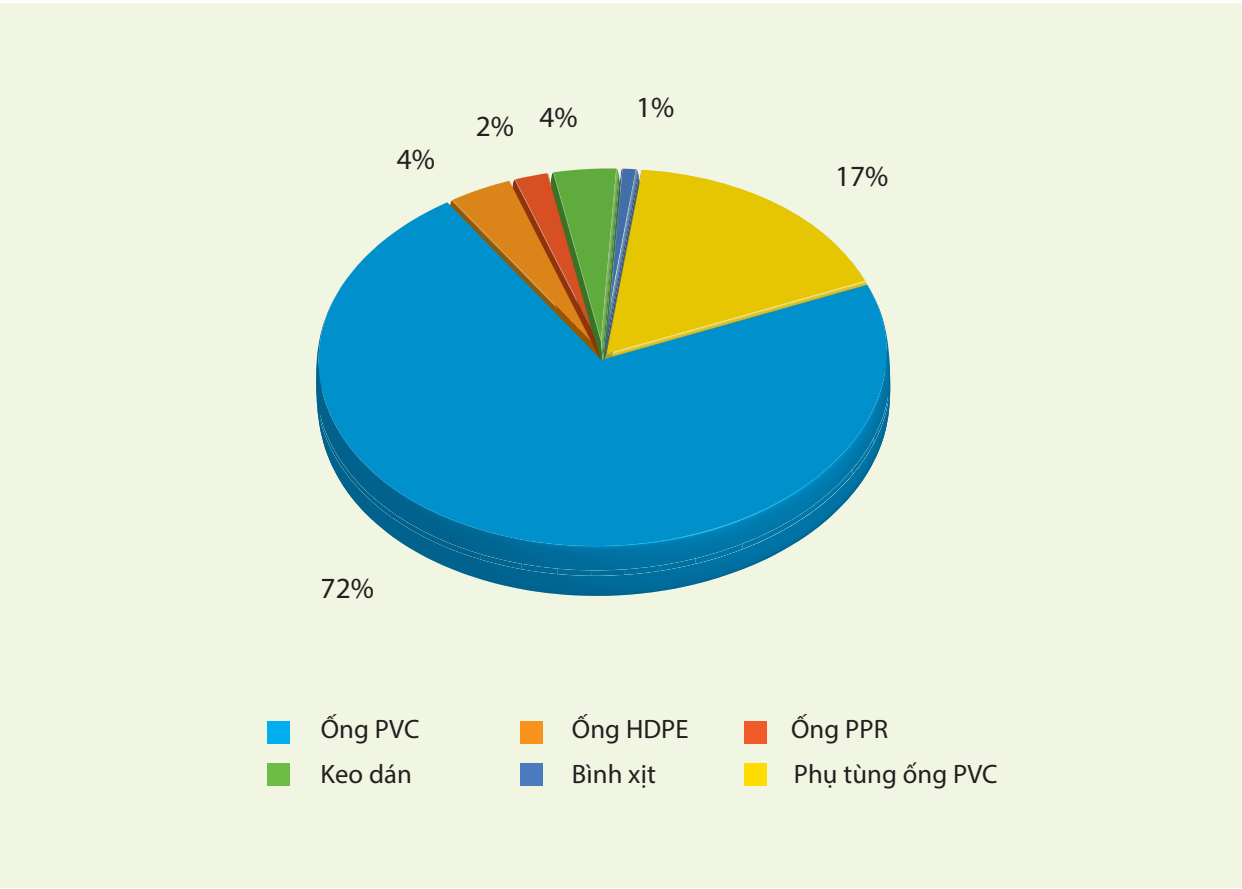
Doanh thu:

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu phục hồi chậm và không ít bất trắc, kinh tế trong nước mới có một số chuyển biến tích cực, thị trường bất động sản mới có dấu hiệu thoát đáy. Và, trong suốt chặng đường 37 năm phấn đấu, năm 2014 lại là một năm đầy thách thức đối với BMP. Thế nhưng, BMP vẫn tiếp tục kinh doanh thành công với mục tiêu doanh thu vượt kế hoạch đề ra, đạt 2.416 tỷ đồng, tăng 15,7% và lợi nhuận trước thuế đạt 481 tỷ đồng, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm do Công ty sản xuất vẫn luôn là thế mạnh của BMP, thể hiện sự ổn định và bền vững của một doanh nghiệp. Trong cơ cấu doanh thu sản phẩm năm 2014 do BMP sản xuất chiếm tỷ trọng chủ yếu là ống PVC (72%), phụ tùng ống PVC (17%), ống HDPE (4%), keo dán (4%)...

Năm 2014, cơ cấu doanh thu hàng mua ngoài của BMP tăng, nhưng biên lợi nhuận gộp của dòng hàng mua ngoài này thấp hơn nhiều so với hàng tự sản xuất. Tuy đóng góp không đáng kể đến lợi nhuận Công ty nhưng vì sự phát triển đa dạng, phong phú về chủng loại, kích thước của các dòng sản phẩm, mong muốn mang đến sự hài lòng, đáp ứng tối đa nhu cầu khách hàng nên Công ty vẫn tiếp tục duy trì. Đây cũng là phương pháp mà BMP muốn giữ chân hệ thống khách hàng hiện có và tìm kiếm thêm khách hàng mới để gia tăng thị phần của mình.

CƠ CẤU DOANH THU THEO SẢN PHẨM 2014



Chi phí

CHỈ TIÊU	2014	2013	2012	2011	2010
Giá vốn hàng bán /Doanh thu thuần	72,3%	70,2%	68,8%	74,2%	73,1%
Chi phí bán hàng /Doanh thu thuần	5,1%	3,3%	3,4%	2,9%	2,8%
Chi phí quản lý /Doanh thu thuần	3,0%	3,2%	3,2%	2,3%	2,3%
Chi phí tài chính /Doanh thu thuần	0,8%	0,8%	0,4%	0,5%	0,5%

Nguồn: Báo cáo hợp nhất BMP đã được kiểm toán 2010 - 2014

Tỷ lệ giá vốn hàng bán so với doanh thu thuần của BMP biến động theo từng năm. Năm 2014, tỷ lệ giá vốn chiếm 72,3%, cao hơn năm 2013 là 2,1%. Nguyên nhân chủ yếu do chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng khoảng 5%.

Cấu trúc chi phí bán hàng, chi phí quản lý so với doanh thu thuần năm 2014 chiếm 8,1% tăng 1,6% so với năm 2013. Mức tăng này là do tăng chi phí vận chuyển, chi phí tiếp thị, quảng cáo... nhằm đẩy mạnh doanh số, mở rộng thị phần. Bên cạnh đó, năm 2014, lần đầu tiên BMP tổ chức hội nghị hệ thống phân phối lớn nhất tại Singapore, với hơn 1.000 khách mời, tổng chi phí lên đến 25 tỷ đồng, nhằm tri ân hệ thống phân phối đã gắn bó với Công ty trong nhiều năm qua, làm nên thương hiệu Nhựa Bình Minh hôm nay.

Chi phí tài chính so với doanh thu thuần chiếm 0,8%, chủ yếu do khách hàng thanh toán tiền để được hưởng chiết khấu thanh toán ngay. Mặc dù BMP đang có dư tiền mặt nhưng vẫn khuyến khích khách hàng thanh toán ngay, chấp nhận trả chi phí để giảm thiểu rủi ro không thu hồi được nợ.



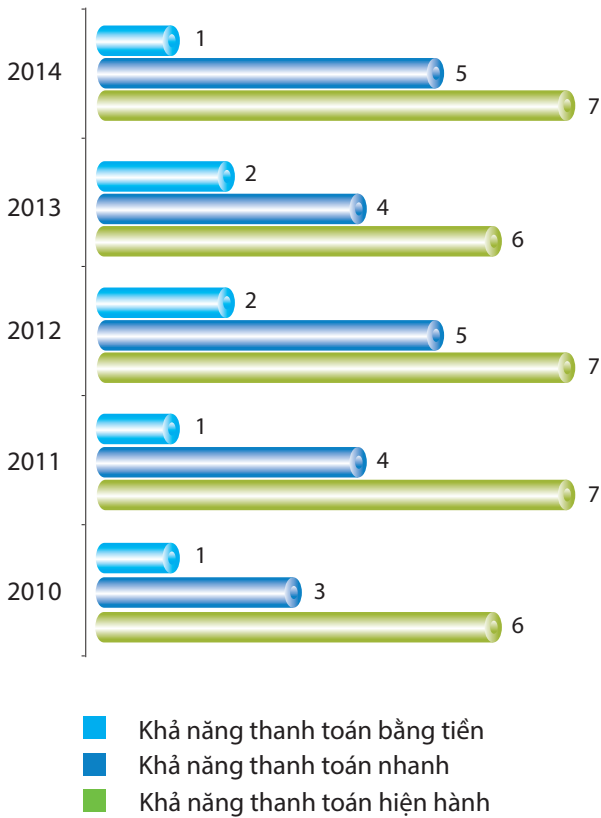


Khả năng thanh toán

Trong suốt 5 năm từ 2010 đến 2014, diễn biến của các chỉ số thanh toán hiện thời, thanh toán nhanh và thanh toán bằng tiền đều ở mức cao, có thể thấy dòng vốn lưu động của BMP luôn dồi dào. Cụ thể, khả năng thanh toán hiện thời các năm gần đây đều trên 6 lần, khả năng thanh toán nhanh trên 4 lần. Nhìn vào số liệu thì khả năng thanh toán bằng tiền năm 2014 chỉ còn 1,2 lần, nhưng thật sự nếu chuyển khoản tiền gửi có kỳ hạn sang kỳ hạn thấp hơn thì con số này ấn tượng hơn, đến 3 lần, cao hơn năm 2013, một đồng nợ ngắn hạn cuối năm 2014 sẽ có 3 đồng tiền mặt có tính thanh khoản cao nhất đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do đó, ở BMP không những tài sản ngắn hạn luôn đảm bảo thanh toán các khoản nợ ngắn hạn ở mức cao mà rủi ro thanh toán hầu như không có.

Trong thời gian tới, Nhà máy 4 tại Long An bắt đầu xây dựng, dòng vốn lưu động sẽ dần chuyển dịch sang hoạt động đầu tư nên khả năng thanh toán có thể bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, hoạt động đầu tư này thực hiện theo lộ trình dài hạn nên khả năng thanh toán cũng không bị tác động nhiều.

KHẢ NĂNG THANH TOÁN BMP 2010 - 2014



Khả năng sinh lời

CHỈ TIÊU	2014	2013	2012	2011	2010
Lợi nhuận gộp / Doanh thu thuần	27,7%	29,8%	31,2%	25,8%	26,9%
Lợi nhuận trước thuế / Doanh thu thuần	19,9%	23,9%	25,4%	21,0%	22,1%
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	15,6%	17,8%	19,1%	16,1%	19,4%
Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân	20,9%	23,9%	27,8%	27,4%	30,5%
Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân	23,5%	26,8%	31,0%	31,0%	36,1%

Nguồn: Báo cáo hợp nhất BMP đã được kiểm toán 2010 - 2014

Lợi nhuận gộp năm 2014 của BMP là 669 tỷ đồng, tương đương 27,7% doanh thu thuần, giảm 2,1% so với năm trước; mặc dù doanh thu tăng gần 16% nhưng giá vốn hàng bán lại tăng đến 19%. Giá vốn hàng bán tăng do chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng. Mặc dù, Công ty đã tận dụng ưu thế của mình về khả năng thanh toán để được hưởng giá mua nguyên liệu tốt nhất so với thị trường, nhưng so với năm 2013, đơn giá bình quân nhập bột PVC vẫn cao hơn 5%.

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế so với doanh thu thuần năm 2014 đạt 19,9% giảm 4% so với năm 2013. Trong 100 đồng doanh thu do BMP tạo ra năm 2014 thì thu được 19,9 đồng lợi nhuận trước thuế. Năm 2014, Công ty đã tăng cường công tác quảng bá hình ảnh, cải thiện chính sách bán hàng, củng cố vị thế làm cho chi phí bán hàng tăng lên đáng kể, lợi nhuận giảm.

Doanh thu tăng, lợi nhuận giảm làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu ROA, ROE bị giảm tương ứng. Tuy vậy, trong điều kiện kinh tế khó khăn như năm qua, hiệu quả kinh doanh của Công ty so với doanh nghiệp trong cùng ngành vẫn chiếm ưu thế. Với dự báo vào triển vọng phục hồi của thị trường bất động sản trong các năm tới, cùng với việc từng bước đưa vào xây dựng, vận hành nhà máy mới chắc chắn sẽ mang lại sự tăng trưởng trong tương lai của BMP.



Năng lực hoạt động

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	2014	2013	2012	2011	2010
Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	45	52	56	46	40
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	4,7	4,2	4,0	4,4	3,6
Kỳ trả tiền bình quân	Ngày	12	13	10	11	31
Vòng quay tổng tài sản	Lần	1,3	1,3	1,5	1,7	1,6
Vòng quay tài sản cố định	Lần	11,1	8,3	6,7	6,6	5,3

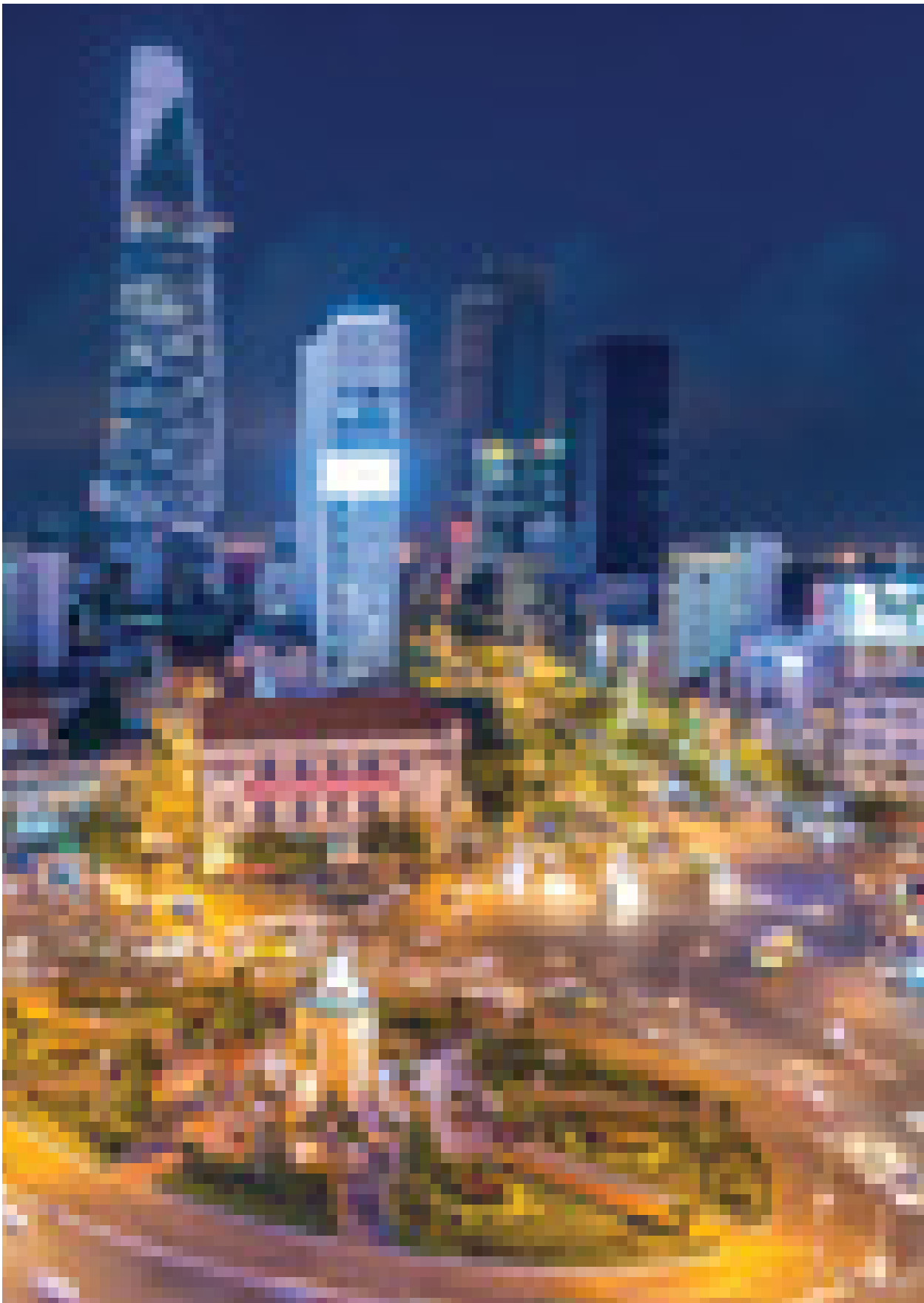
Nguồn: Báo cáo hợp nhất BMP đã được kiểm toán 2010 - 2014

Chính sách chiết khấu thanh toán ngay làm cho chi phí tài chính tăng, nhưng bù lại kỳ thu tiền bình quân giảm, số ngày khách hàng mua trả chậm giảm xuống còn 45 ngày. Đồng thời, Công ty dùng ưu thế khả năng thanh toán nhanh của mình để mua được hàng giá cạnh tranh, giúp tiết kiệm chi phí nên kỳ trả tiền bình quân chỉ có 12 ngày.

Trong hai năm qua, sau sự kiện xảy ra rủi ro về khoản nợ phải thu với Nhựa Đức Thành, việc thu hồi công nợ đến hạn, đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh được BMP đặc biệt quan tâm. Nhằm hạn chế khả năng xảy ra thất thoát lần nữa, BMP tiến hành đánh giá chất lượng từng khoản nợ phải thu hàng tháng, tăng cường công tác quản trị rủi ro, giám sát hoạt động quản lý công nợ khách hàng, duy trì sự ổn định trong hoạt động của BMP.

Bên cạnh công tác quản lý công nợ, quản trị hàng tồn kho luôn được chú trọng, số ngày lưu kho năm 2014 chỉ còn 77 ngày, giảm xuống 11 ngày so với năm 2013. Trong năm qua, mặc dù ngành nhựa xây dựng vẫn đang khó khăn, nhưng có thời điểm, BMP bị thiếu hụt một số mặt hàng bán dù máy móc đã hoạt động hết công suất. Do đó, khi nhận thấy thị trường ống nhựa có sự chuyển biến tích cực, Công ty đã bắt tay xây dựng nhà máy thứ 4 tại Long An để đáp ứng nhu cầu thị trường trong thời gian tới.





Vị thế của BMP trong ngành nhựa xây dựng

Trong những năm qua, số lượng doanh nghiệp sản xuất nhựa tăng lên nhưng chỉ có 4 doanh nghiệp ngành nhựa xây dựng được niêm yết, bao gồm BMP (HOSE), DNP, DPC và NTP (HNX). Hiện nay, theo báo Diễn đàn doanh nghiệp, BMP và NTP là hai công ty lớn nhất xét về thị phần lẫn quy mô. Do đó, chọn kết quả bình quân của BMP và NTP để phân tích so sánh.

CHỈ TIÊU	BMP	TRUNG BÌNH CỦA 2 CÔNG TY
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	2.416	2.707
Giá vốn hàng bán	72,3%	70,5%
Chi phí tài chính	0,8%	1,1%
Chi phí bán hàng	5,1%	9,9%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,0%	3,4%
Lợi nhuận ròng	15,6%	13,0%
Tổng tài sản (tỷ đồng)	1.929	2.254
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	1.718	1.592

Nguồn: trang web cafef.vn

Tỷ lệ lợi nhuận gộp của BMP là 27,7% thấp hơn mức bình quân là 29,5%. Về đặc thù ngành, cả hai doanh nghiệp cùng phải chịu rủi ro nhập khẩu 80% lượng nguyên liệu nên giá vốn hàng bán không có chênh lệch nhiều. Do đó, có sự khác biệt ở đây chủ yếu là chính sách chiết khấu bán hàng của BMP làm điều chỉnh giảm doanh thu, trong khi của NTP là tính vào chi phí bán hàng.

Trong khi đó, toàn bộ chi phí khác của BMP đều thấp hơn chi phí bình quân, đặc biệt là chi phí bán hàng của BMP chỉ bằng 1/2 mức bình quân . Nhờ đó, lợi nhuận ròng của BMP đạt 15,6% cao hơn bình quân là 13%.

Nhìn chung, các chỉ số tài chính của BMP vẫn được duy trì ở mức cao so với các doanh nghiệp trong cùng ngành. Doanh thu vẫn tăng trưởng trong bối cảnh thị trường khó khăn, cạnh tranh gay gắt. Có được thành quả này là nhờ vào chiến lược kinh doanh của HĐQT, Ban Điều hành cùng toàn thể CBCNV quyết tâm củng cố niềm tin của khách hàng, tập trung cải thiện chính sách bán hàng, nâng cấp hình ảnh, nâng tầm thương hiệu lên tầm cao mới. Tuy nhiên, trong dài hạn, với sức ép cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn, BMP vẫn cần nỗ lực hơn nữa để có thể trụ vững và tiếp tục tỏa sáng trong tương lai.

3. NHỮNG TIẾN BỘ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2014 VÀ CÁC THÁCH THỨC

Trong năm 2014, song song với mục tiêu tập trung cho hoạt động sản xuất kinh doanh để đạt được kết quả tốt thể hiện qua các số liệu trong báo cáo, Công ty còn đạt được những tiến bộ trong quá trình chuẩn bị cho những bước phát triển trong tương lai:

- Tổ chức: Thành lập Phòng Quản trị hệ thống thông tin, Ban dự án Bình Minh Long An (Nhà máy 4), cấu trúc lại quy trình quản lý và bố trí nhân sự cho phù hợp với giải pháp ERP.
- Bổ nhiệm nhân sự quản lý: Bổ nhiệm mới Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính kế toán, Trưởng phòng Kinh doanh, Trưởng phòng Quản trị hệ thống thông tin, Trưởng phòng Đầu tư - Nghiên cứu và Phát triển, Trưởng phòng Tiếp thị. Tiếp tục chính sách bổ nhiệm cán bộ quản lý tập sự, xây dựng kế hoạch nhân lực cụ thể đến 2016 căn cứ vào chiến lược phát triển nguồn nhân lực dài hạn.
- Bổ sung nhân lực đáp ứng yêu cầu của việc áp dụng giải pháp công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý đồng thời đảm bảo cho việc tăng trưởng sản lượng tại các nhà máy.
- Bắt đầu lộ trình xây dựng hệ thống tiêu chuẩn sản phẩm thống nhất theo một chuẩn quốc gia, thực hiện việc chứng nhận và công bố hợp chuẩn, hợp quy cho toàn bộ sản phẩm chủ lực của Công ty trên toàn quốc.
- Chính sách kinh doanh: Từng bước điều chỉnh chính sách kinh doanh cho phù hợp với thực tế thị trường và làm tiền đề cho định hướng thống nhất về quản lý hoạt động kinh doanh, chính sách kinh doanh và hệ thống phân phối chung toàn quốc.
- Chiến lược truyền thông: Tăng cường hoạt động truyền thông dưới nhiều hình thức đa dạng nhưng có chọn lọc nhằm duy trì được hình ảnh của một thương hiệu hàng đầu thông qua việc tiếp tục được bình chọn danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao” và “Thương hiệu Quốc gia”.
- Đưa vào vận hành 05 phân hệ quan trọng nhất của giải pháp công nghệ thông tin quản trị tổng thể nguồn lực doanh nghiệp ERP “Oracle – Business Suite” để nâng cao năng lực quản trị.
- Duy trì có hiệu quả Hệ thống quản trị chất lượng QMS theo tiêu chuẩn ISO 9001 và Hệ thống quản trị môi trường theo tiêu chuẩn ISO14001 trong toàn Công ty.
- Tổ chức thành công tại Singapore Hội nghị Hệ thống phân phối với quy mô lớn nhất của Công ty từ trước đến nay cho toàn bộ các cửa hàng trên toàn quốc.
- Được trao tặng Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ cho tập thể Công ty, Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam cho Công đoàn Công ty và Huân chương Lao động hạng 2, hạng 3 cho các cá nhân có thành tích xuất sắc.

Mặc dù được HĐQT và cổ đông đánh giá cao những nỗ lực và kết quả đạt được trong năm qua, nhưng quan ngại về những thách thức đối với Công ty trong năm 2015 và thời gian sắp tới cũng là không nhỏ:

- Trong điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt của thị trường về giá, về chiết khấu, nếu không tham gia “cuộc chơi” sẽ đứng trước đe dọa bị thu hẹp thị phần, giảm sút doanh thu. Tuy nhiên nếu chạy đua cạnh tranh bằng mọi giá sẽ ảnh hưởng đáng kể đến biên lợi nhuận và điều đó không chỉ tác động đến quyền lợi của cổ đông mà còn ảnh hưởng đến năng lực tài chính cho sự phát triển lâu dài của Công ty. Đây thật sự đang là một thách thức không nhỏ đòi hỏi phải có những đối sách phù hợp và kịp thời.
- Được đánh giá là một trong những công ty có năng suất lao động tiên tiến từ chính sách “tiết kiệm” tối đa lực lượng lao động; tuy nhiên chính sách này cũng đang vắt kiệt sức lao động cả về trí lực và thể lực nên cũng đang đòi hỏi phải có những thay đổi hợp lý cho cả nhu cầu nguồn nhân lực hiện tại và đáp ứng nhu cầu phát triển, mở rộng sản xuất cho lâu dài. Tuy nhiên việc tăng lao động - đồng nghĩa với tăng chi phí lao động - sẽ tạo thêm áp lực cho việc đảm bảo duy trì lợi nhuận và tăng thu nhập cho người lao động.



- Để duy trì được vị thế dẫn đầu và vai trò tiên phong trong ngành, cũng đòi hỏi Công ty cần đẩy mạnh hoạt động phát triển sản phẩm mới, đa dạng hóa chủng loại sản phẩm, mạnh dạn hơn trong hoạt động đầu tư cả đầu tư mở rộng và đầu tư chiều sâu. Sự phát triển ổn định của Công ty trong nhiều năm qua thể hiện một chiến lược đầu tư thận trọng là hoàn toàn đúng đắn song cũng cần những quyết định chấp nhận những “mạo hiểm có thể chấp nhận được” để không đánh mất cơ hội thị trường.
- Thách thức của nạn hàng giả, hàng nhái không chỉ ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế mà nguy hiểm hơn có thể làm xói mòn lòng tin của khách hàng và ảnh hưởng đến danh tiếng của Công ty cũng đòi hỏi một giải pháp phù hợp để đối phó hiệu quả và kịp thời.
- Hệ thống ERP đã vận hành được những phân hệ cơ bản và quan trọng nhất nhưng vẫn chưa hoàn tất. Yêu cầu áp dụng đồng bộ các phân hệ đã triển khai cho tất cả các bộ phận, nhà máy, Công ty thành viên. Đồng thời mở rộng thêm các phân hệ khác trong điều kiện năng lực của nhà cung cấp giải pháp đang gặp khó khăn cũng đang tạo ra một áp lực và một khối lượng công việc không nhỏ trong năm 2015.
- Công tác hoạch định những định hướng dài hạn và giải pháp ngắn hạn cho các hoạt động đầu tư vào các Công ty thành viên (NBM), liên kết (DPC), cổ phần (Bình Minh Việt) vẫn tiếp tục cần được hoàn thiện và sẽ đòi hỏi phải tập trung nhiều công sức, trí tuệ và thời gian cho những công việc này.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Với những định hướng phát triển nêu trên, HĐQT đang chỉ đạo Tiểu ban Chiến lược phát triển xây dựng chiến lược trung hạn 2015 – 2018 và dài hạn 2015 – 2025. Trong năm 2015-2016, Công ty tập trung cho một số những kế hoạch hoạt động cụ thể như sau:

- Tiếp tục thực hiện kế hoạch thống nhất tiêu chuẩn sản phẩm đảm bảo yêu cầu hợp chuẩn, hợp quy và xác lập lộ trình chuyển đổi theo tiêu chuẩn ISO1452:2009 / TCVN8491:2011 cho dòng sản phẩm chủ lực là ống và phụ tùng ống uPVC.
- Triển khai thực hiện lộ trình tích hợp các hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn ISO9000, ISO14000 và một số các tiêu chuẩn khác về an toàn, bảo hộ lao động.
- Tổng kết, đánh giá, hoạch định mô hình và chính sách kinh doanh theo định hướng thống nhất quản lý hoạt động kinh doanh trên toàn thị trường. Phát triển khách hàng và thị trường mới.
- Tăng cường hoạt động quảng bá thương hiệu và truyền thông tiếp thị thông qua hoạt động chăm sóc khách hàng, chuỗi hội nghị khách hàng, hội chợ, hội thảo giới thiệu Công ty.
- Trong năm 2015 sẽ hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động Nhà máy 4 tại Long An.
- Đẩy mạnh việc đầu tư phát triển sản phẩm mới theo kết quả nghiên cứu phát triển và lộ trình dự kiến phù hợp với tình hình thị trường và định hướng đầu tư của Công ty.
- Kiện toàn bộ máy nhân sự và tập trung chuẩn bị nguồn nhân lực cho lộ trình thay thế và bổ sung đến năm 2016.
- Nâng cao năng lực quản trị rủi ro thông qua việc xây dựng chiến lược và hệ thống quản trị rủi ro mang tính chuyên nghiệp trong quản trị nội bộ.
- Nâng cao năng lực và tăng cường hoạt động quản trị tài chính để chủ động hơn trong quản trị nguồn vốn, chi phí và lợi nhuận theo định hướng “cân bằng” hơn.
- Năm 2015 nhiều chính sách mới sẽ có hiệu lực, đặc biệt là những quan điểm và quy định rất mới về doanh nghiệp, đầu tư, thuế, chứng khoán ... cũng đòi hỏi Công ty phải nắm bắt kịp thời, điều chỉnh phù hợp và khai thác các lợi thế của các chính sách này.
- Phát huy truyền thống văn hóa Nhựa Bình Minh, xây dựng môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp, an toàn và chăm lo ngày càng tốt hơn cho đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

Nhiều năm qua, Nhựa Bình Minh đã duy trì được sự phát triển ổn định và liên tục trong những bối cảnh rất khác biệt của tình hình kinh tế chung. Công ty không chỉ đạt được hiệu quả sản xuất kinh doanh hàng năm cao mà còn khẳng định đã xây dựng được những nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững. Trong thông điệp đầu năm 2015 gửi đến Người lao động, Tổng Giám đốc Công ty đã khẳng định **“Tương lai của NHỰA BÌNH MINH gắn liền với “KHÁT VỌNG & SÁNG TẠO” với phương châm “KHÁT VỌNG ĐỂ TIỀN PHONG & SÁNG TẠO ĐỂ TRƯỜNG TỒN”.** Chúng ta có làm được điều đó hay không phụ thuộc hoàn toàn vào ý chí và năng lực của toàn thể đội ngũ nhân lực của Công ty và Tôi tin rằng chúng ta có đủ cả sức mạnh tinh thần và vật chất để làm được điều đó”. Và chính vì lẽ đó chúng tôi không ngần ngại khẳng định và chia sẻ một ước muốn và niềm tin mạnh mẽ, đó là:

NHỰA BÌNH MINH
KHÁT VỌNG TRƯỜNG TỒN



NHỰA BÌNH MINH®

“ Bước vào năm 2014, những khó khăn ban đầu dần vơi bớt, kinh tế vĩ mô dần ổn định và thuận lợi hơn. Tận dụng cơ hội đó, Nhựa Bình Minh đã có những bước chuyển mình tốt, dựa trên cơ sở sản phẩm nền tảng là ống và phụ tùng ống nhựa các loại, mọi hoạt động của Công ty đều xoay chung quanh trục chiến lược phát triển ngành hàng này và đạt kết quả tốt trong năm. ”

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Kính thưa Quý vị cổ đông,

Bước vào năm 2014, những khó khăn ban đầu dần vơi bớt, kinh tế vĩ mô dần ổn định và thuận lợi hơn. Tận dụng cơ hội đó, Nhựa Bình Minh đã có những bước chuyển mình tốt, dựa trên cơ sở sản phẩm nền tảng là ống và phụ tùng ống nhựa các loại. Mọi hoạt động của Công ty đều xoay chung quanh trục chiến lược phát triển ngành hàng này và đã đạt kết quả tốt trong năm, do:

- Khẳng định vị trí là doanh nghiệp lớn, hàng đầu về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận.
- Là doanh nghiệp ống nhựa có tỷ suất lợi nhuận cao nhất trong toàn ngành – gần 20%. Ba năm liên được các tổ chức trong nước đánh giá là một trong 50 doanh nghiệp hiệu quả nhất trên sàn chứng khoán Việt Nam.
- Năng lực cạnh tranh trong nước cao với gần 1.200 cửa hàng trên toàn quốc. Sản phẩm đa dạng, cung cấp cho các ngành xây dựng, cấp nước, điện lực . . .
- Sản phẩm tiếp tục giữ định vị chất lượng cao và dịch vụ ngày càng hoàn hảo. Đã hoàn thành và được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn Việt Nam cho toàn bộ sản phẩm ống và phụ tùng theo quy định.
- Văn hóa doanh nghiệp ngày càng thể hiện những lợi thế riêng. Đó là tận tâm trong công việc, chia sẻ cuộc sống, hỗ trợ đồng nghiệp, giữ vững truyền thống đoàn kết của Công ty...
- Tích cực tham gia hỗ trợ cho cộng đồng với những hoạt động không mệt mỏi của các tổ chức đoàn thể trong Công ty, không chỉ dành cho nội bộ mà còn là các hoạt động hướng về biển đảo, uống nước nhớ nguồn, từ thiện...

Như trong Báo cáo tình hình hoạt động trong năm của Ban Tổng Giám đốc, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 của hai chỉ tiêu doanh thu và sản lượng tiêu thụ so với kế hoạch khá tốt, với mức tăng hai con số đã chứng tỏ sự nỗ lực duy trì và phát triển thị phần trong môi trường cạnh tranh rất khốc liệt hiện nay. Riêng về lợi nhuận trước thuế đã không đạt so với kế hoạch, gần 4% sụt giảm này được HĐQT xem xét và đánh giá chủ yếu do nguyên liệu trong 10 tháng đầu năm tăng liên tục và quá cao, đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi nhuận thực hiện. Tuy nhiên, đây là tình hình chung của ngành ống nhựa trong năm, đa số các công ty ngành này đều có lợi nhuận kém hơn so với năm 2013:

STT	TÊN ĐƠN VỊ	ĐVT	2014	2013	SO SÁNH %
1	Nhựa Bình Minh	Tỷ đồng	481	499	96,4
2	Nhựa Tiền Phong	-	382	385	99
3	Nhựa Đà Nẵng	-	1,1	2,6	42

Tình hình tài chính của Công ty là minh bạch, dòng tiền đảm bảo đủ cho hoạt động sản xuất kinh doanh không cần vay ngân hàng, các khoản công nợ rõ ràng; chính sách kinh doanh mang tính bền vững. Do đó, HĐQT đánh giá hoạt động của Công ty vẫn có hiệu quả cao.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Qua một năm hoạt động, HĐQT đánh giá Ban Điều hành như sau:

- Có nhiều cố gắng, sáng tạo trong việc thực thi kế hoạch sản xuất kinh doanh 2014.
- Chủ động kiểm soát, cắt giảm chi phí chưa cấp bách để duy trì hiệu quả kinh doanh.
- Xử lý thông tin linh hoạt, từ đó có những chính sách đầu tư và kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế.
- Sử dụng nguồn nhân lực hợp lý.
- Tôn trọng và hài hòa được lợi ích của cổ đông, Nhà nước, khách hàng và người lao động.
- Duy trì và phát triển được văn hóa Bình Minh, được cán bộ công nhân viên tin cậy và đồng thuận về mọi mặt.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc cũng cần khắc phục việc thận trọng quá mức trong một số giải pháp sẽ dẫn đến chậm trễ, không tận dụng cơ hội khi triển khai, có thể ảnh hưởng đến công việc toàn Công ty.

Nhìn chung, Ban Điều hành của Công ty đã thể hiện là một tập thể có tri thức, phẩm chất và đạo đức đã được rèn luyện tốt, từng bước trưởng thành một cách vững chắc; có khả năng xử lý thông tin nhanh nhạy, bình tĩnh ứng phó và lãnh đạo toàn thể CBCNV thực hiện các công việc đạt hiệu quả cao.

3. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Với kết quả từ chính sách điều hành của Chính phủ năm qua, HĐQT nhận định kinh tế Việt Nam năm 2015 sẽ tương đối ổn định, tuy nhiên, biến động giá nguyên vật liệu vẫn là một ẩn số khó lường cần có dự báo, theo dõi sát sao. Định hướng lâu dài là Công ty phải đặc biệt lưu ý quá trình tái cấu trúc toàn diện, cải thiện môi trường làm việc cho đội ngũ CBCNV, giữ vững vị trí hàng đầu trong ngành ống nhựa Việt Nam; tìm kiếm thị trường mới trong và ngoài nước.

Đối với kế hoạch ngắn hạn, HĐQT dự kiến sẽ tăng trưởng doanh thu 8% và giữ nguyên lợi nhuận so với thực hiện 2014. Để thực hiện tốt mục tiêu trên, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cần chú trọng một số giải pháp lớn sau đây:

1. Đối với HĐQT:

- Thực hiện tốt Quy chế phối hợp làm việc của cả hệ thống, trong đó có cả Điều lệ tổ chức và hoạt động của NBM.
- Xem xét chính sách lương, thưởng và phân phối thu nhập với mục đích minh bạch, công bằng nhằm tạo động lực cho người lao động hăng say làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty.
- Kiểm soát phương hướng đầu tư, lộ trình cụ thể từng giai đoạn đạt mục tiêu vừa đáp ứng nhu cầu phát triển vừa phù hợp định hướng lâu dài, tiết kiệm và hiệu quả nhất.
- Kiểm soát chặt chẽ đầu tư tài chính bên ngoài.

2. Đối với Ban Tổng Giám đốc:

- Tiếp tục chú trọng việc xây dựng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hiện tại và tương lai, từ khâu tuyển dụng, đào tạo cho đến đề bạt.
- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Nhà máy 4 tại Long An để nhanh chóng tăng cường năng lực sản xuất.
- Tiếp cận tốt và linh hoạt trong chính sách kinh doanh, tiếp thị, tài chính nhằm thu hút khách hàng.
- Kiểm soát chi phí chống lãng phí, thực hành tiết kiệm tối đa để đạt được hiệu quả đề ra.

Kính thưa Quý vị cổ đông,

Nhựa Bình Minh đang tiến vững chắc trên con đường phát triển với văn hóa kinh doanh chấp nhận cạnh tranh có chọn lọc. Chúng tôi rất biết ơn sự tín nhiệm của khách hàng, sự chia sẻ của cổ đông và sự giúp đỡ từ các cơ quan chức năng. HĐQT cam kết sẽ thay mặt cổ đông, làm tròn nhiệm vụ của mình trong việc tạo điều kiện, giám sát và giúp đỡ Ban Điều hành Công ty hoàn thành tốt kế hoạch năm 2015, nhằm củng cố niềm tin mà Quý vị đã giao phó cho chúng tôi và giúp thương hiệu Nhựa Bình Minh tiếp tục tỏa sáng và vươn xa.



“ Trong điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt của thị trường về giá, về chiết khấu, nếu không tham gia “cuộc chơi” sẽ đứng trước đe dọa bị thu hẹp thị phần, giảm sút doanh thu. Tuy nhiên nếu chạy đua cạnh tranh bằng mọi giá sẽ ảnh hưởng đáng kể đến biên lợi nhuận và điều đó không chỉ tác động đến quyền lợi của cổ đông mà còn ảnh hưởng đến năng lực tài chính cho sự phát triển lâu dài của Công ty. Đây thật sự đang là một thách thức không nhỏ đòi hỏi phải có những đối sách phù hợp và kịp thời. ”

QUẢN TRỊ CÔNG TY



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Thành viên và cơ cấu của HĐQT :

Đại hội đồng cổ đông tháng 4/2013 đã bầu ra HĐQT mới cho nhiệm kỳ 2013 – 2018 gồm 5 thành viên. Cơ cấu của HĐQT bao gồm: 3 thành viên không điều hành và 2 thành viên tham gia công tác điều hành. Có 1 thành viên là người nước ngoài đại diện cho cổ đông lớn. Danh sách, lý lịch trích ngang cụ thể như sau:



1. Ông LÊ QUANG DOANH
Chủ tịch HĐQT (Thành viên không điều hành)

Năm sinh: 1952

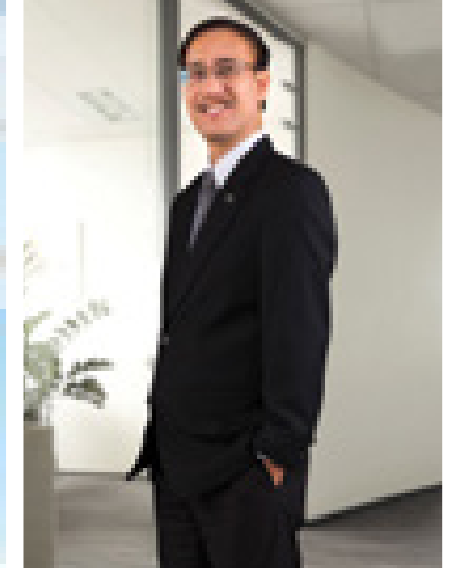
Trình độ: Kỹ sư Cơ khí

Quá trình công tác tại BMP:

- 1979: Phó Quản đốc phân xưởng
- 1987: Phó Giám đốc Nhà máy
- 1996: Giám đốc
- 2004 đến tháng 11/2012: Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc
- 2013 đến nay: Chủ tịch HĐQT

2. Ông NGUYỄN HOÀNG NGÂN
Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc

(Xem chi tiết lý lịch trích ngang ở trang 40)



3. Bà NGUYỄN THỊ KIM YẾN
Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh - Chủ tịch HĐQT NBM

(Xem chi tiết lý lịch trích ngang ở trang 41)



Thành viên và cơ cấu của HĐQT :



4. Bà NGUYỄN HỒNG MINH
Thành viên HĐQT (Thành viên không điều hành)

Năm sinh : 1978

Trình độ: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân ngoại ngữ,
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Thạc sĩ Quản lý

Quá trình công tác:

- Từ 2004 : Nhân viên Công ty TNHH Bảo hiểm quốc tế AIA
- Từ 2006 : Chuyên viên Ban Đầu tư 3, SCIC
- 2012 đến nay : Thành viên HĐQT BMP-
Chuyên viên Ban Đầu tư 3, SCIC



5. Ông SUCHAI ASVATHAVORNVANIT
Thành viên HĐQT (Thành viên không điều hành)

Năm sinh: 1957

Quốc tịch: Thái Lan

Trình độ: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

- 1995 : Tổng Giám đốc Công ty Thái MFC Co., Ltd
- 1998 : Phó Tổng Giám đốc Công ty Siam Misui PTA Co., Ltd
và Thai Pet Resin Co., Ltd
- 2010 : Tổng Giám đốc Công ty Rayong Olefins Co., Ltd
- 2012: Tổng Giám đốc Thai Plastic and Chemicals PCL
- 2013 đến nay: Tổng Giám đốc Thai Plastic and Chemicals
PCL - Thành viên HĐQT BMP

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của cá nhân thành viên HĐQT

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ TRONG HĐQT	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	GHI CHÚ
1	LÊ QUANG DOANH	Chủ tịch	590.138	1,30	
2	NGUYỄN HOÀNG NGÂN	Phó chủ tịch	343.639	0,76	
3	NGUYỄN THỊ KIM YẾN	Thành viên	253.908	0,56	Người đại diện của SCIC
4	NGUYỄN HỒNG MINH	Thành viên	0	0	Người đại diện của SCIC
5	SUCHAI ASVATHAVORNVANIT	Thành viên	0	0	Đại diện Nawaplastic Industries (Sarabury) Co. Ltd.



b. Các tiểu ban thuộc HĐQT:

TIỂU BAN	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ TRONG CÔNG TY
1. Nhân sự - Chính sách - Lương thưởng	1/ Ông Lê Quang Doanh	Chủ tịch HĐQT - Trưởng Tiểu ban
	2/ Ông Bùi Quang Khôi	Giám đốc NM1 - Thư ký Công ty - Phó Trưởng Tiểu ban
	3/ Ông Nguyễn Thanh Hải	Giám đốc NBM
	4/ Bà Nguyễn Kim Bích	Trưởng phòng Nhân sự
	5/ Bà Nguyễn Thị Chúc Quỳnh	Nhân viên Phòng Quản trị Hành chính
2. Quan hệ cổ đông	1/ Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc - Chủ tịch HĐQT NBM - Trưởng Tiểu ban
	2/ Ông Phùng Hữu Luận	Phó phòng Tài chính Kế toán
	3/ Ông Bông Hoa Việt	Phó phòng Tiếp thị
	4/ Ông Nguyễn Viết Anh	Phó phòng Đảm bảo chất lượng
3. Chiến lược - Phát triển	1/ Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc - Trưởng Tiểu ban
	2/ Ông Suchai Asvathavornvanit	Thành viên HĐQT
	3/ Ông Nguyễn Thanh Quan	Phó Tổng Giám đốc
	4/ Bà Nguyễn Thị Phương Nga	Trưởng phòng Kinh doanh
	5/ Ông Hồng Lê Việt	Kế toán trưởng - Trưởng phòng Tài chính kế toán
4. Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ	1/ Nguyễn Kim Thượng	Trưởng phòng Quản trị Hệ thống thông tin - Trưởng Tiểu ban
	2/ Nguyễn Hồng Minh	Thành viên HĐQT
	3/ Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên BKS
	4/ Nguyễn Ngọc Linh	Nhân viên Phòng Nhân sự
	5/ Vy Thị Hồng Loan	Nhân viên Phòng Kinh doanh

c. Hoạt động của HĐQT

Các thành viên HĐQT Công ty tuy có khác biệt nhau về vị trí công tác, văn hóa, ngôn ngữ... nhưng là một tập thể đoàn kết, có tri thức và đặc biệt là tinh thần trách nhiệm rất cao, nghiêm túc thực hiện các chương trình làm việc, các nghị quyết đã đề ra.

Lịch và nội dung làm việc của HĐQT mang tính vừa khoa học, nguyên tắc; vừa uyển chuyển, linh hoạt, phù hợp điều kiện riêng của từng thành viên, đồng thời tạo nhiều thuận lợi cho hoạt động của Ban Điều hành nhưng vẫn đảm bảo sự giám sát chặt chẽ của HĐQT.

Lịch làm việc trong năm của HĐQT được thực hiện đúng, các Nghị quyết, Quyết định đã kịp thời đáp ứng được tình hình thực tế, cụ thể như sau:

Tình hình tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị:

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ %	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
1	Ông Lê Quang Doanh	Chủ tịch	05	100	
2	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch	05	100	
3	Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên	05	100	
4	Ông Suchai Asathavornvanit	Thành viên	05	100	
5	Bà Nguyễn Hồng Minh	Thành viên	05	100	

Các Nghị quyết của HĐQT:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
01	01/NQ-BM/HĐQT/2014	23/01/2014	Thông qua các nội dung họp HĐQT ngày 21/01/2014.
02	02/NQ-BM/HĐQT/2014	26/4/2014	Về việc chi trả cổ tức đợt 2 năm 2013.
03	03/NQ-BM/HĐQT/2014	26/4/2014	Lựa chọn các công ty kiểm toán Công ty năm 2014.
04	04/NQ-BM/HĐQT/2014	21/10/2014	Về việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014 bằng tiền mặt, tỷ lệ 10%

Các Quyết định của HĐQT:

STT	SỐ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
01	01/QĐ-BM/HĐQT/2014	01/01/2014	Bổ nhiệm ông Hồng Lê Việt giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty.
02	02/QĐ-BM/HĐQT/2014	01/01/2014	Thành lập Tiểu ban Chiến lược phát triển.
03	03/QĐ-BM/HĐQT/2014	24/01/2014	Giao đơn giá tiền lương cho Công ty.
04	04/QĐ-BM/HĐQT/2014	26/6/2014	Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT NBM của ông Nguyễn Hoàng Ngân.
05	05/QĐ-BM/HĐQT/2014	26/6/2014	Bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT NBM cho bà Nguyễn Thị Kim Yến.
06	06/QĐ-BM/HĐQT/2014	26/6/2014	Ủy quyền đại diện phần vốn của BMP tại Công ty cổ phần Nhựa Tân Tiến cho ông Hồng Lê Việt.
07	07/QĐ-BM/HĐQT/2014	26/6/2014	Ủy quyền đại diện phần vốn của BMP tại DPC cho ông Hồng Lê Việt.
08	08/QĐ-BM/HĐQT/2014	26/6/2014	Phân phối lợi nhuận năm 2013 của NBM
09	09/QĐ-BM/HĐQT/2014	26/6/2014	Bổ nhiệm kiểm soát viên NBM
10	10/QĐ-BM/HĐQT/2014	26/6/2014	Bổ nhiệm đại diện BMP tại NBM
11	11/QĐ-BM/HĐQT/2014	26/6/2014	Bổ nhiệm Phó Chủ tịch HĐQT NBM cho ông Nguyễn Thanh Hải
12	12/QĐ-BM/HĐQT/2014	26/6/2014	Bổ nhiệm Thành viên HĐQT NBM cho ông Hồng Lê Việt
13	13/QĐ-BM/HĐQT/2014	01/8/2014	Thành lập Tiểu ban Quan hệ cổ đông
14	14/QĐ-BM/HĐQT/2014	01/8/2014	Thành lập Tiểu ban Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ
15	15/QĐ-BM/HĐQT/2014	06/10/2014	Cử thành viên HĐQT đi công tác tại Thái Lan

Nhìn chung, HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ của mình một cách thực chất, hoạt động có chiều sâu; thay mặt cho cổ đông vừa chỉ đạo, giám sát, tạo điều kiện cho Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đạt kết quả tương đối tốt trong năm 2014.

d. Hoạt động của thành viên HĐQT không điều hành:

- Ông Lê Quang Doanh:**
Với cương vị Chủ tịch HĐQT, Ông đã tổ chức và tham gia đầy đủ các cuộc họp và các hoạt động khác của HĐQT. Đại diện cho HĐQT làm việc hằng tuần với Ban Điều hành, qua đó nắm bắt và có những chỉ đạo kịp thời đối với những vấn đề phát sinh. Trên thực tế, Ông đã có những quyết định sáng suốt, kịp thời và những chỉ đạo định hướng đúng đắn, hỗ trợ Công ty thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, giữ gìn sự đoàn kết ổn định, đảm bảo việc làm và thu nhập cho CBCNV.
- Ông Suchai Asathavornvanit - Đại diện cho cổ đông lớn NAWAPLASTIC:**
Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, là thành viên của Tiểu ban Chiến lược- Phát triển. Bằng kinh nghiệm bản thân trong lĩnh vực hoạt động tương đồng với BMP, ông đã có nhiều ý kiến đóng góp hữu ích cho các hoạt động khác của HĐQT cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của BMP.
- Bà Nguyễn Hồng Minh - Đại diện cho cổ đông lớn SCIC**
Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, là thành viên của Tiểu ban Quản trị rủi ro-Kiểm soát nội bộ. Với kinh nghiệm, kiến thức và vị trí công tác của mình tại SCIC, bà đã có nhiều ý kiến tích cực đóng góp cho các hoạt động khác của HĐQT cũng như là đầu mối truyền đạt các ý kiến đóng góp của SCIC với BMP.

e. Hoạt động các tiểu ban thuộc HĐQT:

Trong năm 2014, HĐQT đã hoàn thiện nhân sự của các Tiểu ban trực thuộc, tạo điều kiện tốt cho các Tiểu ban này hoạt động; phê duyệt Quy chế phối hợp làm việc nội bộ giữa HĐQT, Ban Điều hành, BKS và HĐQT Công ty con.

- Tiểu ban Quan hệ cổ đông:** Công bố thông tin kịp thời trên trang web Công ty. Bên cạnh việc thường xuyên trao đổi thông tin qua email với các nhà đầu tư có quan tâm, định kỳ mỗi quý Tiểu ban tổ chức họp mặt các nhà đầu tư để thông báo tình hình hoạt động của Công ty. Năm 2014, Tiểu ban được HĐQT ủy quyền đã tổ chức họp cổ đông lớn bàn về những vấn đề quan trọng trước khi Đại hội và tổ chức thành công Đại hội Cổ đông thường niên.
- Tiểu ban Chính sách, nhân sự, lương thưởng:** Đã sửa chữa hoàn chỉnh điều lệ Công ty và Quy chế phối hợp nội bộ được HĐQT ban hành vào cuối năm 2014, hiện đang tiến hành xem xét sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thành viên là NBM phù hợp với tình hình thực tế.
- Tiểu ban Chiến lược phát triển:** Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban. Chuẩn bị Đề cương chi tiết cho hoạch định chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2015-2025. Tư vấn cho HĐQT và Ban Điều hành dự án phát triển sản phẩm mới, đầu tư mới hằng năm khi có yêu cầu.
- Tiểu ban Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ:** Được chính thức thành lập tháng 8/2014. Tiểu ban đã ban hành Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

f. Danh sách Thành viên HĐQT, có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Toàn bộ 5 thành viên HĐQT đều đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Trong năm 2014, HĐQT không tham gia thêm các chương trình đào tạo về quản trị công ty.

2. BAN KIỂM SOÁT:

a. Thành viên của BKS:

Ban Kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2013 – 2018 do ĐHĐCĐ của Công ty bầu ra gồm 3 thành viên:



1. Bà NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGÀ Trưởng Ban

Năm sinh: 1963

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác tại BMP:

- 1982: Nhân viên Phòng Kế hoạch Cung tiêu
- 1999: Phó phòng Kinh doanh
- 2004: Thành viên BKS - Phó phòng Kinh doanh
- 2008: Trưởng Ban Kiểm soát - Phó phòng Kinh doanh
- 2010- 6/2014: Trưởng BKS - Trưởng phòng Tiếp thị
- Tháng 7/2014 đến nay : Trưởng BKS - Trưởng phòng Kinh doanh

2. Bà NGUYỄN LƯU THÙY MINH Thành viên

Năm sinh: 1983

Trình độ: Cử nhân Kế toán
Thạc sĩ Tài chính

Quá trình công tác tại BMP:

- 2006 : Nhân viên phòng Tài chính – Kế toán
- 2013 đến nay: Thành viên BKS



3. Bà NGUYỄN THỊ THẨM Thành viên

Năm sinh: 1985

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 2007: Chuyên viên Kiểm toán – Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- 2010 : Chuyên viên Ban Quản lý rủi ro SCIC
- 2013 đến nay: Thành viên BKS BMP, Chuyên viên Ban Quản lý rủi ro SCIC

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Công ty phát hành của các thành viên BKS:

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	GHI CHÚ
1	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGÀ	Trưởng ban	126.692	0,28	
2	NGUYỄN LƯU THÙY MINH	Thành viên	19.938	0,04	
3	NGUYỄN THỊ THẨM	Thành viên	0	0	

b. Hoạt động của BKS:

Trong năm 2014, BKS có 3 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ 3 thành viên, nội dung cụ thể như sau:

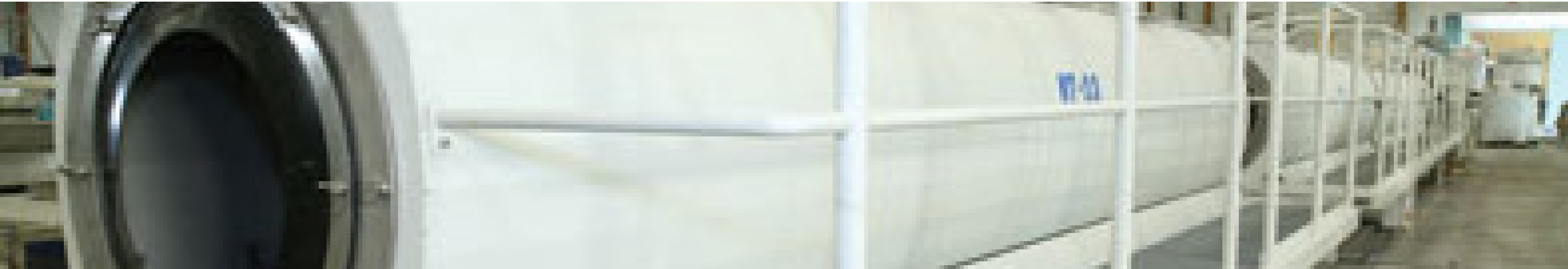
STT	NGÀY	NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ
1	21/01/2014	• Thông qua quy chế hoạt động của BKS. • Thông qua kế hoạch họp định kỳ của Ban. • Phân công nhiệm vụ chính thức cho các thành viên. • Thông tin một số nội dung về hoạt động của HĐQT, các nghị quyết và quyết định trong năm 2013. • Một số tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đặc biệt là vấn đề truy thu thuế, công nợ khách hàng. • Xem xét báo cáo tài chính năm 2013.
2	24/4/2014	• Đánh giá hoạt động của các thành viên và của Ban trong năm 2013. • Xem xét công nợ khách hàng. • Xem xét kết quả kiểm kê định kỳ. • Xem xét kết quả kiểm toán năm. • Kế hoạch hoạt động của Ban trong năm 2014.
3	21/8/2014	• Kiểm tra việc triển khai thực hiện nghị quyết ĐHCĐ của HĐQT và Ban Điều hành. • Xem xét báo cáo tài chính 6 tháng 2014. • Rà soát các quy chế nội bộ. • Một số vấn đề khác.

Nhận được sự phối hợp, hỗ trợ tích cực từ Ban Điều hành và HĐQT, các thành viên BKS đã hoạt động tích cực, công tâm và cẩn trọng để hoàn thành nhiệm vụ do ĐHCĐ giao phó.



3. THU NHẬP SAU THUẾ CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH,
BAN KIỂM SOÁT TẠI CÔNG TY:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LƯƠNG CBCNV	THƯỞNG CBCNV	THÙ LAO HĐQT+BKS	THƯỞNG 2013 HĐQT+BKS	THÙ LAO KHÁC	THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN	THU NHẬP SAU THUẾ
Lê Quang Doanh	Chủ tịch HĐQT			471.506.000	1.049.000.000		152.050.600	1.368.455.400
Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Giám đốc	1.240.718.835	354.002.842	330.043.000	734.000.000	39.007.498	738.175.764	1.959.596.411
Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	1.081.576.367	337.148.865	282.894.000	630.000.000	42.799.203	670.689.600	1.703.728.835
Suchai Asvathavornvanit	Thành viên HĐQT			282.894.000	315.000.000		119.578.600	478.315.400
Nguyễn Hồng Minh	Thành viên HĐQT			282.894.000	315.000.000		59.789.800	538.104.200
Nguyễn Thị Phương Nga	Trưởng BKS Trưởng phòng Kinh doanh	586.604.166	184.347.809	117.332.000	364.000.000		260.417.292	1.071.866.683
Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên BKS	243.052.012	54.096.974	130.499.000	218.000.000		87.317.496	558.330.490
Nguyễn Thị Thắm	Thành viên BKS			130.499.000	218.000.000		34.849.900	313.649.100
Nguyễn Thanh Quan	Phó Tổng Giám đốc	957.832.426	268.077.269	0		22.456.099	230.582.856	1.017.782.938
Hồng Lê Việt	Kế toán trưởng Trưởng phòng Tài chính kế toán	788.738.515	194.813.486	0			163.288.332	820.263.669



4. CÁC GIAO DỊCH:

a. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

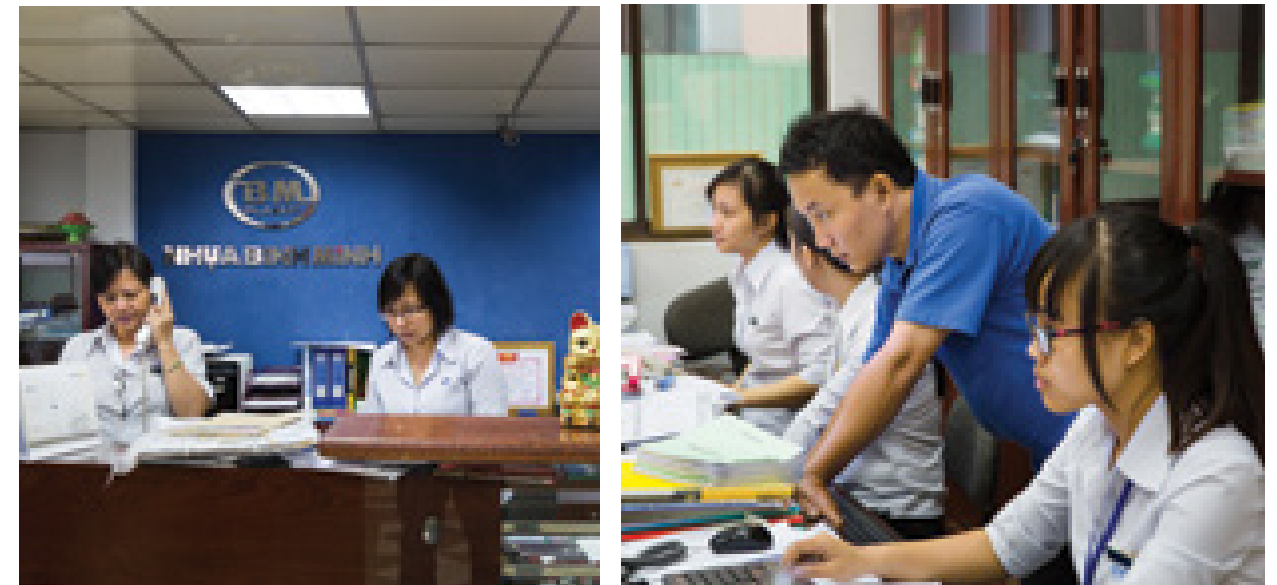
Trong năm 2014, không có giao dịch cổ phiếu BMP của cổ đông nội bộ.

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn :

TT	CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN VÀ TỶ LỆ TRƯỚC GIAO DỊCH	LOẠI GIAO DỊCH	SỐ CỔ PHẦN VÀ TỶ LỆ SAU GIAO DỊCH	THỜI GIẠN THỰC HIỆN
1	Vietnam Holding Limited	2.271.345 (4,99%)	MUA	2.351.925	25/2/2014
2	Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC)	13.423.490 (29,52%)	BÁN	13.422.170	30/4/2014

5. VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

- Đã xây dựng được quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT với BKS và Tổng giám Đốc điều hành.
- Đã xây dựng được quy chế phối hợp hoạt động giữa BMP và Công ty con (NBM).
- Đã thành lập đầy đủ 4 tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của HĐQT, xây dựng quy chế hoạt động của các tiểu ban theo Thông tư 121/2012/TT-BTC.
- Hoạt động của HĐQT và BKS theo đúng quy định của pháp luật về công ty cổ phần, công ty đại chúng.
- Công ty thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường về tình hình quản trị Công ty theo đúng các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Trong năm 2014 không có nhắc nhở nào của HOSE về vấn đề này.



BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

- **Đơn vị kiểm toán độc lập**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

Địa chỉ : 29 Hoàng Sa, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại : (84-8) 3910 3908 - Fax : (84-8) 3910 4880

- **Kiểm toán viên chính thực hiện kiểm toán cho công ty**

Ông Nguyễn Anh Tuấn - Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:

1559-2013-152-1 đã thực hiện kiểm toán cho công ty năm 2014.

- **Đánh giá đơn vị kiểm toán**

Đơn vị thực hiện kiểm toán số liệu của Công ty năm 2014 là Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN), là 1 trong 6 đơn vị kiểm toán được Đại hội Cổ đông năm 2014 thông qua. Sau khi xem xét báo cáo kiểm toán, chúng tôi nhất trí với số liệu và kết luận của đơn vị kiểm toán.

2. KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Công ty không thực hiện kiểm toán nội bộ. Các số liệu kế toán, hoạt động tài chính hợp nhất được phòng chức năng báo cáo cho Ban Điều hành, HĐQT hàng quý và được kiểm toán định kỳ 6 tháng một lần. Tiểu ban Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ phối hợp với việc áp dụng các quy trình quản lý theo hệ thống ISO 9001 giúp kiểm soát tốt các hoạt động, kịp thời báo cáo với HĐQT và kiến nghị Ban Điều hành các vấn đề liên quan đến tình hình quản trị Công ty.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Khái quát

Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo quyết định số 209/2003/QĐ-BCN ngày 04/12 /2003 của Bộ Công nghiệp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002023 ngày 02/01/2004. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 số 0301464823 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/10/2013.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su; thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc; sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất; tư vấn và thi công các công trình cấp thoát nước, sân bãi, kho tàng; dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm ngành hóa chất; kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước, thiết bị thí nghiệm; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; quảng cáo.

Trụ sở chính của Công ty tại số 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. HCM.

Công ty có các chi nhánh sau:

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	Số 7, đường số 2, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Vĩnh Lộc – Bến Lức	Lô C1-6 đến C1-30, KCN Vĩnh Lộc 2, Đường Vĩnh Lộc 2, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất:

TÊN CÔNG TY	ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO	NGÀNH HOẠT ĐỘNG	TỶ LỆ SỞ HỮU
Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Bình Minh Miền Bắc	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0504000211 ngày 18/09/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp	Các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su	100%

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Danh sách các thành viên của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và BKS trong năm và đến ngày lập báo cáo này:

Hội đồng Quản trị:

• Ông Lê Quang Doanh	Chủ tịch
• Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch
• Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên
• Ông Suchai Asathavornvanit	Thành viên
• Bà Nguyễn Hồng Minh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc:

• Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Tổng Giám đốc
• Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Nguyễn Thanh Quan	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát:

• Bà Nguyễn Thị Phương Nga	Trưởng Ban
• Bà Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên
• Bà Nguyễn Thị Thắm	Thành viên

Kiểm toán viên:

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty được trình bày từ trang 104 đến trang 139 kèm theo.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Lê Quang Doanh
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17/03/ 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số : 119/BCKT/TC

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và Công ty con, được lập ngày 17/03/2015, từ trang 104 đến trang 139, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như thuyết minh tại mục V.5, theo quyết định số 889/QĐ-TCT ngày 23/06/2014 của Tổng Cục Thuế và quyết định 3317/QĐ-CT-XP ngày 03/07/2014 của Cục Thuế TP.HCM về việc truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 và năm 2010 số thuế TNDN bị truy thu là 71.420.413.472 đồng. Công ty đã nộp và đang tạm hạch toán ở khoản mục phải thu khác trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014. Hiện nay Công ty đang trong quá trình làm việc với Cục Thuế TP. HCM, Tổng Cục thuế, Bộ Tài chính và các Cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan để thống nhất số tiền được hoàn lại theo hướng dẫn của công văn số 14041/BTC-TCT ngày 03 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và Công ty con tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2015

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Giám đốc



Nguyễn Thị Lan

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0167-2013-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Anh Tuấn

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1559-2013-152-1

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BMP xin được giải trình vấn đề ngoại trừ trong Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 số 118/BCKT/TC và 119/BCKT/TC của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt phát hành ngày 18/03/2015 và ngày 23/03/2015 như sau:

- BMP cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu ngày 02/01/2004, số lao động bình quân là trên 100 người nên Công ty được miễn thuế TNDN hai năm 2004, 2005 và giảm 50% thuế ba năm 2006, 2007, 2008.
- Ngày 11/7/2006 cổ phiếu của BMP chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu BMP.
- Theo công văn số 11924/TC-CST ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính về hướng dẫn ưu đãi thuế TNDN đối với tổ chức niêm yết chứng khoán. "Trường hợp tổ chức niêm yết vẫn đang trong thời gian được miễn thuế TNDN theo quy định của Luật thuế TNDN thì thời gian hưởng ưu đãi do có chứng khoán được niêm yết được tính kể từ khi kết thúc thời hạn miễn thuế TNDN theo quy định của Luật thuế TNDN".
- Căn cứ quy định trên, BMP đã gửi công văn số 298/CV-BM/TCKT/2006 ngày 12/6/2006 tới Tổng Cục Thuế. Tổng Cục Thuế đã có công văn số 2924/TCT-PCCS ngày 16/8/2006 trả lời BMP được ưu đãi tổng hợp lại là miễn thuế TNDN hai năm 2007, 2008 do vừa được giảm 50% thuế TNDN theo quy định của luật thuế TNDN, vừa được giảm 50% thuế TNDN do có chứng khoán niêm yết lần đầu.
- Khi Công ty đăng ký với Cục Thuế TPHCM để miễn thuế 2007, 2008 theo hướng dẫn trên của Tổng Cục Thuế thì Cục Thuế TPHCM lại gửi CV số 1257/TC-TKN yêu cầu không được xử lý cộng dồn thành 2 năm miễn thuế mà phải thực hiện thành 4 năm giảm thuế 50% (2007, 2008, 2009, 2010).

Năm 2013 Cục Thuế TPHCM thanh tra thuế từ năm 2009 đến năm 2012 tại Công ty đã có quyết định số 3979/QĐ-CT-TTr1 ngày 11/10/2013, Cục Thuế không đồng ý cho Công ty được giảm 50% thuế TNDN của năm 2009, 2010 như hướng dẫn tại công văn 1257/TC-TKN ngày 01/02/2007 nêu trên và truy thu thuế TNDN không được giảm 50% của năm 2009, 2010 với số tiền là 71.420.413.472 đồng và số tiền phạt bổ sung là 41.455.678.186 đồng. Công ty đã tạm nộp 71.420.413.472 đồng vào ngân sách Nhà nước và hạch toán ở khoản mục phải thu khác. Đồng thời, Công ty đã có công văn gửi Cục thuế TPHCM, Tổng Cục thuế và Bộ Tài chính để khiếu nại về vấn đề trên.

Ngày 23/06/2014, Tổng Cục Thuế đã có quyết định giải quyết khiếu nại số 889/QĐ-TCT và ngày 03/07/2014 Cục Thuế TPHCM cũng có quyết định 3317/QĐ-CT-XP về việc truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009, 2010 do không được giảm thuế TNDN 2 năm do có chứng khoán niêm yết với số tiền là 71.420.413.472 đồng.

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Văn phòng chính phủ tại công văn số 4835/VPCP-KTTH ngày 30/6/2014 của Chính phủ về xử lý ưu đãi thuế đối với niêm yết chứng khoán lần đầu giai đoạn 2004 - 2006 hướng dẫn:

"2...đồng ý về nguyên tắc thực hiện truy thu số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp sau khi trừ đi phần lãi hoặc cổ tức đã chia cho đại diện vốn Nhà nước tại doanh nghiệp; đồng thời giao Bộ Tài chính làm việc với đơn vị, tổ chức Đại diện vốn Nhà nước tại doanh nghiệp được nhận phần lãi cổ tức được chia này để xử lý theo quy định của pháp luật".

Ngày 03/10/2014, Bộ Tài chính đã có công văn số 14041/BTC-TCT về việc ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu trong giai đoạn 2004-2006, trong đó có hướng dẫn việc xử lý trừ phần lãi cổ tức doanh nghiệp đã chia về đại diện vốn nhà nước.

Ngày 05/12/2014, Bộ Tài chính đã có công văn số 17767/BTC-TCT hướng dẫn BMP về việc xử lý ưu đãi thuế TNDN theo tinh thần của công văn số 14041/BTC-TCT ngày 03/10/2014 của Bộ Tài chính.

Ngày 09/02/2015, Tổng Cục Thuế đã có công văn số 495/TCT-PC hướng dẫn BMP về việc xử lý ưu đãi thuế TNDN theo tinh thần của công văn số 14041/BTC-TCT và 17767/BTC-TCT của Bộ Tài chính.

Mặc dù đã có các công văn hướng dẫn của Bộ Tài chính và Tổng Cục Thuế về việc xử lý ưu đãi thuế TNDN, nhưng hiện nay Cục Thuế TPHCM vẫn chưa thống nhất với BMP về số tiền được hoàn lại. Do đó Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với Cục Thuế TPHCM.

Sau khi có văn bản chính thức từ các Cơ quan chức năng về số tiền được hoàn và ĐHĐCĐ sẽ quyết định, hiện nay tạm thời Công ty đang hạch toán ở khoản mục phải thu khác trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014.





BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.485.967.982.151	1.224.403.192.258
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	243.691.456.593	438.728.212.089
1. Tiền	111		213.691.456.593	137.228.212.089
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	301.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		460.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	131	V.2	460.000.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	132			-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		393.973.342.137	366.476.115.793
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	297.345.422.200	291.885.303.026
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	47.210.403.034	16.251.204.833
3. Các khoản phải thu khác	135	V.5	77.496.519.200	71.683.459.719
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(28.079.002.297)	(13.343.851.785)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	373.501.801.097	367.792.833.881
1. Hàng tồn kho	141		373.501.801.097	367.792.833.881
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.801.382.324	51.406.030.495
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		155.303.031	2.333.598.638
2. Thuế GTGT được khấu trừ			341.772.051	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	1.280.166.704	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	13.024.140.538	49.072.431.857
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		442.550.251.069	456.878.651.241
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		211.166.764.954	225.088.158.449
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	173.431.453.636	188.084.100.440
- Nguyên giá	222		737.879.057.442	682.778.451.151
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(564.447.603.806)	(494.694.350.711)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	28.317.798.312	29.081.102.322
- Nguyên giá	228		35.996.185.657	35.996.185.657
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.678.387.345)	(6.915.083.335)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	9.417.513.006	7.922.955.687

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	13.055.678.362	13.362.723.232
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		10.861.727.962	11.168.772.832
2. Đầu tư dài hạn khác	258		4.193.950.400	4.193.950.400
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		218.327.807.753	218.427.769.560
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	217.366.699.750	217.366.699.750
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.20	961.108.003	1.061.069.810
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.928.518.233.220	1.681.281.843.499

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		210.257.819.802	192.208.752.624
I. Nợ ngắn hạn	310		210.257.819.802	192.208.752.624
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	58.420.187.000	35.950.187.000
2. Phải trả người bán	312	V.16	67.063.726.753	52.239.417.100
3. Người mua trả tiền trước	313		952.599.860	438.697.908
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	28.329.481.974	37.649.484.616
5. Phải trả người lao động	315		24.025.677.002	21.740.715.110
6. Chi phí phải trả	316	V.18	25.607.934.051	13.257.736.397
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.19	2.614.047.765	1.477.131.866
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.244.165.397	29.455.382.627
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.718.260.413.418	1.489.073.090.875
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	1.718.260.413.418	1.489.073.090.875
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		454.784.800.000	454.784.800.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.592.782.700	1.592.782.700
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		845.659.490.321	695.092.584.571
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		47.759.904.171	39.404.062.173
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		44.983.552.000	34.983.552.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		323.479.884.226	263.215.309.431
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.928.518.233.220	1.681.281.843.499

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		200.462,25	165.509,24
+ EUR		7.815,47	13.654,60
+ JPY		75.000,00	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phùng Hữu Luận

Hồng Lê Việt



Nguyễn Hoàng Ngân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17/03/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.500.608.876.409	2.131.858.459.998
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	85.056.252.776	43.713.641.153
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	2.415.552.623.633	2.088.144.818.845
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.746.457.773.865	1.466.114.810.947
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		669.094.849.768	622.030.007.898
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	27.159.803.118	30.521.562.828
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	20.316.634.466	17.504.446.599
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.860.540.507	905.745.100
8. Chi phí bán hàng	24		123.639.695.429	68.631.181.008
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		73.249.521.841	67.049.442.056
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		479.048.801.150	499.366.501.062
11. Thu nhập khác	31		1.284.248.867	1.569.810.395
12. Chi phí khác	32		34.020.459	985.870.861
13. Lợi nhuận khác	40		1.250.228.408	583.939.534
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50		797.583.330	(475.821.310)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		481.096.612.888	499.474.619.287
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	VI.7	104.185.046.541	129.692.307.275
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62	VI.8	99.961.807	(148.349.742)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		376.811.604.540	369.930.661.754
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		376.811.604.540	369.930.661.754
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	VI.9	8.285	8.134

Người lập biểu

Phùng Hữu Luận

Kế toán trưởng

Hồng Lê Việt

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Ngân

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 17/03/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT NĂM 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	481.096.612.888	499.474.619.287
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	70.611.472.928	68.126.726.247
- Các khoản dự phòng	03	14.735.150.512	6.157.301.079
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	28.286.814	(155.183.342)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(26.749.162.549)	(27.166.861.527)
- Chi phí lãi vay	06	3.860.540.507	905.745.100
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	543.582.901.100	547.342.346.844
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(38.388.624.541)	(26.552.365.015)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5.708.967.216)	(31.290.378.253)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	63.286.271.952	(23.481.351.945)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.178.295.607	(155.653.202.831)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(944.720.144)	(128.043.686)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(110.808.426.680)	(128.386.117.727)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.608.910.451	250.226.026
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(40.435.297.198)	(37.156.903.792)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	414.370.343.331	144.944.209.621
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(56.690.079.433)	(12.738.944.399)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	70.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(460.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	14.540.449.757
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.276.707.420	30.362.461.370
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(495.413.372.013)	32.233.966.728

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN
TIỀN TỆ HỢP NHẤT NĂM 2014

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	25.020.000.000	45.270.187.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.550.000.000)	(13.625.670.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(136.435.440.000)	(115.444.611.700)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(113.965.440.000)	(83.800.094.700)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	(195.008.468.682)	93.378.081.649
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	438.728.212.089	345.293.101.809
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(28.286.814)	57.028.631
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	243.691.456.593	438.728.212.089

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phùng Hữu Luận

Hồng Lê Việt



Nguyễn Hoàng Ngân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17/03/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo quyết định số 209/2003/QĐ-BCN ngày 04/12/2003 của Bộ Công nghiệp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002023 ngày 02/01/2004. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 số 0301464823 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/10/2013.

Trụ sở chính của Công ty tại số 240 Hậu Giang, Phường 09, Quận 06, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty có các chi nhánh sau:

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ
Chi nhánh Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh	Số 7, Đường số 2, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
Chi nhánh Vĩnh Lộc - Bến Lức	Lô C1-6 đến C1-30, KCN Vĩnh Lộc 2, đường Vĩnh Lộc 2, ấp Voi Lá, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất:

TÊN CÔNG TY	ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO	NGÀNH HOẠT ĐỘNG	TỶ LỆ SỞ HỮU
Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Bình Minh Miền Bắc	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0504000211 ngày 18/09/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp.	Các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su.	100%

Danh sách công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	LĨNH VỰC KINH DOANH	TỶ LỆ SỞ HỮU
Công ty cổ phần Nhựa Đà Nẵng	371 Trần Cao Vân, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.	Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm, nguyên liệu, thiết bị ngành nhựa.	29%

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014 (Tiếp theo)

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su; thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc; sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất; tư vấn và thi công các công trình cấp thoát nước, sân bãi, kho tàng; dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm ngành hóa chất; kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước, thiết bị thí nghiệm; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; quảng cáo.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn sửa đổi bổ sung kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Công ty con:

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Báo cáo tài chính của Công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Công ty liên kết:

Công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần chi phí và thu nhập của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi đơn vị này đã thực hiện những điều chỉnh các chính sách kế toán của mình cho phù hợp với các chính sách kế toán của Công ty, kể từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát đến ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát. Nếu phần lỗ của Công ty vượt

quá khoản đầu tư của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn) được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ, toàn bộ thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Công ty có tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	41 - 50 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014 (Tiếp theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia, được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

12. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

13. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014 (Tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt	695.569.776	298.548.653
Tiền gửi ngân hàng	212.995.886.817	136.929.663.436
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	30.000.000.000	301.500.000.000
CỘNG	243.691.456.593	438.728.212.089

2. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở lên	460.000.000.000	-
CỘNG	460.000.000.000	-

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu khách hàng bán hàng hóa, thành phẩm	297.345.422.200	291.885.303.026
CỘNG	297.345.422.200	291.885.303.026

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	12.084.425.928	1.190.645.870
Trả trước tiền mua khuôn ổng	8.866.151.992	1.050.902.275
Trả trước tiền mua công cụ, phụ tùng	497.768.297	2.492.856.932
Trả trước tiền mua TSCĐ	19.630.682.000	10.232.332.873
Trả trước tiền thực hiện các dịch vụ khác	6.131.374.817	1.284.466.883
CỘNG	47.210.403.034	16.251.204.833

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
BHXH, BHYT, BHTN phải thu nhân viên	247.833.980	182.015.357
Tạm nộp thuế TNDN truy thu theo BB thanh tra thuế của Cục Thuế TP.HCM (*)	71.420.413.472	71.379.327.053
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	5.779.499.999	-
Các khoản phải thu khác	48.771.749	122.117.309
CỘNG	77.496.519.200	71.683.459.719

(*) Thuế TNDN truy thu đã nộp theo quyết định số 889/QĐ-TCT ngày 23/06/2014 của Tổng Cục Thuế và quyết định 3317/QĐ-CT-XP ngày 03/07/2014 của Cục Thuế TP.HCM. Hiện nay Công ty đang trong quá trình làm việc với Cục Thuế TP. HCM, Tổng Cục thuế, Bộ Tài chính và các Cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan để thống nhất số tiền được hoàn lại theo hướng dẫn của công văn số 14041/BTC-TCT ngày 03/10/2014 của Bộ Tài chính.

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH TM Nhựa Đức Thành (*)	(17.422.064.286)	(10.649.438.530)
Các khách hàng khác	(10.656.938.011)	(2.694.413.255)
CỘNG	(28.079.002.297)	(13.343.851.785)

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	6.536.382.550	1.830.172.880
Nguyên liệu, vật liệu	109.065.317.869	104.190.460.275
Công cụ, dụng cụ	990.966.986	1.135.013.995
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	138.506.379.397	165.691.997.011
Thành phẩm	70.414.524.274	57.475.182.480
Hàng hoá	47.988.230.021	37.470.007.240
CỘNG GIÁ GỐC HÀNG TỒN KHO	373.501.801.097	367.792.833.881
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	373.501.801.097	367.792.833.881

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa ở Công ty mẹ	1.280.166.704	-
CỘNG	1.280.166.704	-

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	162.891.795	178.182.866
Tạm ứng	410.330.000	81.230.000
Ký quỹ, ký cược (*)	12.450.918.743	48.813.018.991
CỘNG	13.024.140.538	49.072.431.857

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình						Đơn vị tính: VND
Nguyên giá	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng	
Số dư đầu năm	100.639.783.182	559.059.316.308	16.705.799.724	6.373.551.937	682.778.451.151	
Số tăng trong năm	-	55.160.522.114	745.795.000	-	55.906.317.114	
- Mua sắm mới	-	55.160.522.114	35.000.000	-	55.195.522.114	
- Phân loại lại	-	-	710.795.000	-	710.795.000	
Số giảm trong năm	-	805.710.823	-	-	805.710.823	
- Thanh lý, nhượng bán	-	94.915.823	-	-	94.915.823	
- Phân loại lại	-	710.795.000	-	-	710.795.000	
Số dư cuối năm	100.639.783.182	613.414.127.599	17.451.594.724	6.373.551.937	737.879.057.442	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	65.792.415.958	415.986.032.039	9.903.372.006	3.012.530.708	494.694.350.711	
Số tăng trong năm	7.785.970.988	58.773.485.172	2.907.612.831	1.062.061.376	70.529.130.367	
- Khấu hao trong năm	7.785.970.988	58.773.485.172	2.226.651.382	1.062.061.376	69.848.168.918	
- Phân loại lại	-	-	680.961.449	-	680.961.449	
Số giảm trong năm	-	418.895.079	-	356.982.193	775.877.272	
- Thanh lý, nhượng bán	-	94.915.823	-	-	94.915.823	
- Phân loại lại	-	323.979.256	-	356.982.193	680.961.449	
Số dư cuối năm	73.578.386.946	474.340.622.132	12.810.984.837	3.717.609.891	564.447.603.806	
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	34.847.367.224	143.073.284.269	6.802.427.718	3.361.021.229	188.084.100.440	
Tại ngày cuối năm	27.061.396.236	139.073.505.467	4.640.609.887	2.655.942.046	173.431.453.636	

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014 ■ 127

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014 (Tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	35.996.185.657
Số dư cuối năm	35.996.185.657
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	6.915.083.335
Khấu hao trong năm	763.304.010
Số dư cuối năm	7.678.387.345
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	29.081.102.322
Tại ngày cuối năm	28.317.798.312

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9.417.513.006	7.922.955.687
- Chi phí tư vấn triển khai CNTT và bản quyền phần mềm Oracle	8.840.450.057	7.922.955.687
- Nhà máy tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức - Long An Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	577.062.949	-
CỘNG	9.417.513.006	7.922.955.687

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng cổ phần	31/12/2014 VND	Số lượng cổ phần	01/01/2014 VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (*)		10.861.727.962		11.168.772.832
Đầu tư dài hạn khác		4.193.950.400		4.193.950.400
- Đầu tư cổ phiếu		4.193.950.400		4.193.950.400
+ Công ty Cổ phần Long Hậu	17.317	193.950.400	17.317	193.950.400
+ Công ty CP Nhựa Tân Tiến (mệnh giá 100.000 đ)	20.000	4.000.000.000	20.000	4.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(2.000.000.000)		(2.000.000.000)
CỘNG		13.055.678.362		13.362.723.232

(*) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng với tỷ lệ sở hữu là 29%.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền thuê đất (*)	217.366.699.750	217.366.699.750
CỘNG	217.366.699.750	217.366.699.750

(*) Là chi phí thuê đất tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức - Long An theo hợp đồng số 26/HĐNT-VL2-2010 ngày 13/09/2010. Thời hạn thuê đến năm 2060. Hiện nay Công ty đang trong quá trình triển khai xây dựng nhà máy tại đây.

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay ngắn hạn (*)	58.420.187.000	35.950.187.000
CỘNG	58.420.187.000	35.950.187.000

(*) Là khoản khách hàng ứng tiền bảo lãnh để được mua hàng trả chậm theo quy chế kiểm soát công nợ khách hàng. Công ty phải trả lãi cho khoản tiền này với lãi suất theo lãi suất tiền gửi của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam cộng thêm 10% của mức lãi suất này cùng thời điểm.

16. Phải trả người bán

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải trả các nhà cung cấp mua nguyên vật liệu, hàng hóa	60.562.934.300	47.686.173.137
Phải trả các nhà cung cấp mua khuôn ổng	548.301.449	531.051.449
Phải trả các nhà cung cấp mua công cụ, phụ tùng	3.753.716.033	1.499.860.935
Phải trả các nhà cung cấp mua TSCĐ	83.590.907	1.638.969.700
Phải trả các nhà cung cấp thực hiện các dịch vụ khác	2.115.184.064	883.361.879
CỘNG	67.063.726.753	52.239.417.100

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014 (Tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.478.055.755	6.163.955.879
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.775.088.194	31.398.468.333
Thuế thu nhập cá nhân	76.338.025	87.060.404
CỘNG	28.329.481.974	37.649.484.616

18. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí giảm giá, hỗ trợ khách hàng	20.405.596.708	11.221.219.417
Chi phí lãi vay	3.792.337.343	876.516.980
Chi phí thù lao HĐQT, BKS	1.250.000.000	1.000.000.000
Chi phí khác	160.000.000	160.000.000
CỘNG	25.607.934.051	13.257.736.397

19. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	602.542.168	312.233.259
Kinh phí công đoàn	686.841.297	461.484.307
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	120.000.000	-
Cổ tức phải trả	350.414.300	350.414.300
Các khoản phải trả, phải nộp khác	854.250.000	353.000.000
CỘNG	2.614.047.765	1.477.131.866

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.878.385.368	2.017.534.934
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(917.277.366)	(956.465.124)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	961.108.003	1.061.069.810

21. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND					
	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	349.835.520.000	1.592.782.700	618.161.462.652	39.016.101.557	34.983.552.000	230.509.991.405
- Lãi trong năm trước						369.930.661.754
- Phân phối lợi nhuận năm 2012						(226.988.021.263)
+ Chia cổ tức 2012 bằng tiền mặt						(69.967.104.000)
+ Chia cổ tức 2012 bằng cổ phiếu	104.949.280.000				(104.949.280.000)	-
+ Trích quỹ đầu tư phát triển		40.155.200.686			(40.155.200.686)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi					(8.406.436.577)	(8.406.436.577)
+ Thường cho HĐQT và BKS					(3.510.000.000)	(3.510.000.000)
- Tạm phân phối lợi nhuận năm 2013					(110.237.322.465)	(110.237.322.465)
+ Tạm trích quỹ đầu tư phát triển			36.775.921.233		(36.775.921.233)	-
+ Tạm trích quỹ dự phòng tài chính				387.960.616	(387.960.616)	-
+ Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi					(27.594.960.616)	(27.594.960.616)
+ Tạm chia cổ tức năm 2013					(45.478.480.000)	(45.478.480.000)
Số dư cuối năm trước. Số dư đầu năm nay	454.784.800.000	1.592.782.700	695.092.584.571	39.404.062.173	34.983.552.000	263.215.309.431
						1.489.073.090.875

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
- Lãi trong năm nay						376.811.604.540	376.811.604.540
- Phân phối lợi nhuận năm 2013						(259.693.339.288)	(259.693.339.288)
+ Chia cổ tức 2013 bằng tiền mặt						(90.956.960.000)	(90.956.960.000)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển			140.679.300.521			(140.679.300.521)	-
+ Trích quỹ dự phòng tài chính				7.612.039.384		(7.612.039.384)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi						(6.445.039.384)	(6.445.039.384)
+ Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu					10.000.000.000	(10.000.000.000)	-
+ Thương cho HĐQT và BKS						(3.999.999.999)	(3.999.999.999)
- Tạm phân phối lợi nhuận năm 2014						(56.853.690.457)	(56.853.690.457)
+ Tạm trích quỹ đầu tư phát triển			9.887.605.229			(9.887.605.229)	-
+ Tạm trích quỹ dự phòng tài chính				743.802.614		(743.802.614)	-
+ Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi						(743.802.614)	(743.802.614)
+ Tạm chia cổ tức 2014 bằng tiền mặt						(45.478.480.000)	(45.478.480.000)
Số dư cuối kỳ	454.784.800.000	1.592.782.700	845.659.490.321	47.759.904.171	44.983.552.000	323.479.884.226	1.718.260.413.418

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014 (Tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014 VND	%	01/01/2014 VND	%
Vốn góp của Nhà nước	134.221.700.000	29,51%	134.234.900.000	29,52%
Vốn góp của các đối tượng khác	320.563.100.000	70,49%	320.549.900.000	70,48%
CỘNG	454.784.800.000	100,00%	454.784.800.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	454.784.800.000	349.835.520.000
Vốn góp tăng trong năm	-	104.949.280.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	454.784.800.000	454.784.800.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	136.435.440.000	220.394.864.000
Trong đó:		
+ Bằng tiền	136.435.440.000	115.445.584.000
+ Bằng cổ phiếu	-	104.949.280.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45.478.480	45.478.480
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	45.478.480	45.478.480
- Cổ phiếu phổ thông	45.478.480	45.478.480
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.478.480	45.478.480
- Cổ phiếu phổ thông	45.478.480	45.478.480

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014 (Tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.500.608.876.409	2.131.858.459.998
Trong đó:		
- Doanh thu bán thành phẩm	2.314.995.588.380	2.036.569.600.694
- Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	185.521.905.302	95.288.859.304
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	91.382.727	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	85.056.252.776	43.713.641.153
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	83.765.997.380	42.411.502.222
- Hàng bán bị trả lại	1.290.255.396	1.302.138.931
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.415.552.623.633	2.088.144.818.845
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	2.236.303.340.421	1.994.667.265.656
- Doanh thu thuần bán vật tư, hàng hóa	179.157.900.485	93.477.553.189
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	91.382.727	-
4. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.575.007.476.335	1.376.439.015.700
Giá vốn của vật tư, hàng hóa đã bán	171.450.297.530	89.675.795.247
CỘNG	1.746.457.773.865	1.466.114.810.947
5. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.956.207.419	30.362.461.370
Cổ tức và lợi nhuận được chia	100.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	100.907.487	3.918.116
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	805.430	155.183.342
Lãi bán ngoại tệ	1.882.782	-
CỘNG	27.159.803.118	30.521.562.828

6. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	3.860.540.507	905.745.100
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	770.728.648	183.464.935
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	29.092.244	-
Chiết khấu thanh toán	15.655.978.342	11.184.242.315
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	-	3.265.599.843
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	-	(4.931.818.182)
Lãi chậm thanh toán	-	6.897.212.588
Lỗ bán ngoại tệ	294.725	-
CỘNG	20.316.634.466	17.504.446.599

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Công ty mẹ:**
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 22% trên thu nhập chịu thuế. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước là 25%.
- Công ty con:**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 15% trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh và trong các năm tiếp theo áp dụng theo quy định hiện hành.
 - Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.
 - Năm 2010 là năm tài chính đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	104.185.046.541	129.692.307.275
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	917.277.366	956.465.124
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(817.315.558)	(1.104.814.866)
CỘNG	99.961.807	(148.349.742)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014 (Tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	376.811.604.540	369.930.661.754
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	376.811.604.540	369.930.661.754
Cổ phiếu phổ thông bình quân trong kỳ	45.478.480	45.478.480
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.285	8.134

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.373.595.922.931	1.201.418.360.345
Chi phí nhân công	136.239.358.899	119.732.570.214
Chi phí khấu hao tài sản cố định	70.611.472.928	68.126.726.247
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.599.931.673	84.454.899.161
Chi phí khác bằng tiền	76.626.375.675	45.845.303.719
CỘNG	1.757.673.062.106	1.519.577.859.685

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	9.878.489.404	7.990.599.648

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý			
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản tài chính								
Tiền và các khoản tương đương tiền	243.691.456.593	438.728.212.089	243.691.456.593	438.728.212.089	243.691.456.593	438.728.212.089	243.691.456.593	438.728.212.089
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	460.000.000.000	-	460.000.000.000	-	460.000.000.000	-	460.000.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	346.762.939.103	350.224.910.960	346.762.939.103	350.224.910.960	346.762.939.103	350.224.910.960	346.762.939.103	350.224.910.960
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.193.950.400	2.193.950.400	2.193.950.400	2.193.950.400	2.193.950.400	2.193.950.400	2.193.950.400	2.193.950.400
CỘNG	1.052.648.346.096	791.147.073.449	1.052.648.346.096	791.147.073.449	1.052.648.346.096	791.147.073.449	1.052.648.346.096	791.147.073.449
Nợ phải trả tài chính								
Các khoản vay	58.420.187.000	35.950.187.000	58.420.187.000	35.950.187.000	58.420.187.000	35.950.187.000	58.420.187.000	35.950.187.000
Phải trả người bán và phải trả khác	68.388.391.053	52.942.831.400	68.388.391.053	52.942.831.400	68.388.391.053	52.942.831.400	68.388.391.053	52.942.831.400
Chi phí phải trả	25.607.934.051	13.257.736.397	25.607.934.051	13.257.736.397	25.607.934.051	13.257.736.397	25.607.934.051	13.257.736.397
CỘNG	152.416.512.104	102.150.754.797	152.416.512.104	102.150.754.797	152.416.512.104	102.150.754.797	152.416.512.104	102.150.754.797

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch trên thị trường chứng khoán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM), hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2014 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn tin cậy thì giá trị hợp lý được lấy theo giá trị ghi sổ.

Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014 (Tiếp theo)

4. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác vào ngày 31/12/2013 và vào ngày 31/12/2014.

Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác là sổ đỏ vào ngày 31/12/2013 và vào ngày 31/12/2014 theo biên bản thẩm định giá lần lượt là 273.077.300.000 đồng và 239.988.400.000 đồng để đảm bảo cho việc mua hàng hóa chưa phải thanh toán ngay thời điểm nhập hàng hóa.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	152.416.512.104	-	152.416.512.104
Các khoản vay	58.420.187.000	-	58.420.187.000
Phải trả người bán	67.063.726.753	-	67.063.726.753
Phải trả khác	1.324.664.300	-	1.324.664.300
Chi phí phải trả	25.607.934.051	-	25.607.934.051
Số đầu năm	102.150.754.797	-	102.150.754.797
Các khoản vay	35.950.187.000	-	35.950.187.000
Phải trả người bán	52.239.417.100	-	52.239.417.100
Phải trả khác	703.414.300	-	703.414.300
Chi phí phải trả	13.257.736.397	-	13.257.736.397

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền, từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại : Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

8. Số liệu so sánh

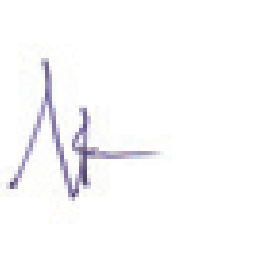
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán.

Người lập biểu



Phùng Hữu Luận

Kế toán trưởng



Hồng Lê Việt

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Ngân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17/03/2015

BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

“ Việc xác định nội dung báo cáo phát triển bền vững dựa trên lợi ích của doanh nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, hài hoà lợi ích của khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng. ”



Song song với việc cung cấp các số liệu về tài chính cho nhà đầu tư, trong phần này Nhựa Bình Minh muốn cung cấp đến các nhà đầu tư một số thông tin về các hoạt động khác của Công ty liên quan đến định hướng phát triển bền vững.

Các số liệu thể hiện trong phần báo cáo phát triển bền vững được tổng hợp từ những hoạt động trong năm của BMP và NBM.

Việc xác định nội dung báo cáo phát triển bền vững dựa trên lợi ích của doanh nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, hài hoà lợi ích của khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng.

Hàng năm, Nhựa Bình Minh luôn thực hiện việc đánh giá các hoạt động sử dụng năng lượng, đánh giá môi trường làm việc, các tác động đối với môi trường xung quanh, để từ đó có các biện pháp thích hợp nhằm tiết kiệm năng lượng và cải tạo môi trường.

1. BÁO CÁO VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI HƯỚNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG

Công ty đã phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức nhiều hoạt động xã hội thiết thực hướng đến cộng đồng trong và ngoài Công ty. Các hoạt động này một mặt thu được nhiều thiện cảm của cộng đồng đối với Công ty, nhưng quan trọng hơn, chính thông qua các hoạt động này, những thành viên trong Công ty tự định hình được cho bản thân những giá trị nhân văn và niềm tự hào khi làm việc cho Công ty. Có thể kể đến một số hoạt động tiêu biểu trong năm 2014 như sau:

a. Đối với nội bộ Công ty:

- Đã thăm, tặng quà và trợ cấp khó khăn cho 3 công nhân bị tai nạn, 14 công nhân có hoàn cảnh khó khăn với tổng số tiền gần 40 triệu đồng.
- Nhân ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (20/10), đã tổ chức cho gần 100 nữ CBCNV và người thân đi tham quan nghỉ mát tại Bà Rịa-Vũng Tàu.
- Chào mừng ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, tổ chức Hội thi nấu ăn cho nam CBCNV để phục vụ liên hoan cho nữ CBCNV và mời Chuyên gia tư vấn về trao đổi chuyên đề về hạnh phúc gia đình.
- Đối với con em của CBCNV, đã tổ chức trao học bổng Nguyễn Đức Cảnh cho 158 học sinh đạt thành tích “Con ngoan, trò giỏi”; trao học bổng cho 12 sinh viên thi đậu vào các trường Đại học, Cao đẳng; tổ chức đưa 15 học sinh có thành tích xuất sắc trong học tập tham gia trại hè thiếu nhi Thành phố tại Thanh Đa; tặng 655 phần quà nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6 và Tết Trung Thu... Tổng số tiền chăm lo cho con em CBCNV năm 2014 là 187 triệu đồng.

b. Đối với ngoài Công ty:

- Công ty đang phụng dưỡng 3 Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng, 3 Mẹ Liệt sĩ, và nhận hỗ trợ nuôi 1 trẻ mồ côi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.
- Trong năm 2014 đã xây dựng 1 căn nhà tình nghĩa, 2 căn nhà tình thương cho gia đình chính sách và gia đình nghèo.
- Ủng hộ cho các chiến sĩ cảnh sát biển số tiền là: 58,5 triệu đồng, ngoài ra còn vận động CBCNV nhả hàng ngàn tin nhắn ủng hộ kinh phí.
- Ủng hộ trực tiếp ống nhựa dẫn nước và tiền mặt cho các chiến sĩ Trường Sa với trị giá gần 100 triệu đồng.
- Tặng 40 triệu đồng bằng sản phẩm ống nhựa uPVC cho công trình cải tạo cống thoát nước khu dân cư nghèo tại huyện Cần Giờ thông qua Thành đoàn TP. HCM.



- Tặng các học sinh nghèo tại Điện Biên 300 chiếc áo mưa; ủng hộ cho các trẻ em khiếm thị, khuyết tật là 20 triệu đồng; tặng 2.000 quyển tập cho con em CBCNV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.
- Động viên và tổ chức được cho 347 lượt CBCNV trong Công ty tham gia hiến máu nhân đạo. Tổng số lượt người hiến máu trong 11 năm qua đã lên đến 2.174 lượt người.

Trong năm 2014, tổng số tiền đã chi cho công tác xã hội ngoài Công ty khoảng 800 triệu đồng.

2. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

a. Cam kết về chính sách môi trường

Phát triển sản xuất, kinh doanh luôn gắn liền với các yếu tố môi trường. Chính vì vậy trong nhiều năm qua, Nhựa Bình Minh luôn nỗ lực tìm kiếm các biện pháp tiết kiệm năng lượng, cải thiện môi trường, giảm thiểu các yếu tố có tác động xấu đến môi trường.

Ngay từ năm 2011 Công ty đã triển khai thành công Hệ thống Quản lý môi trường phù hợp với ISO 14001:2004 và đã được Trung tâm chứng nhận phù hợp (QUACERT) – Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam chứng nhận và giám sát duy trì theo định kỳ hằng năm. Việc áp dụng Hệ thống Quản lý môi trường đã mang lại hiệu quả thiết thực, môi trường làm việc được cải thiện tốt hơn, các khía cạnh môi trường cũng đã được kiểm soát và cải tiến đáng kể.

Với định hướng phát triển sản phẩm và dịch vụ thân thiện môi trường để tạo dựng và khẳng định hình ảnh một doanh nghiệp có trách nhiệm với tự nhiên, với cộng đồng và hướng đến phát triển bền vững, Công ty cam kết:

- Tuân thủ các yêu cầu pháp luật và các quy định liên quan đến môi trường.
- Sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên và chú trọng các hoạt động bảo vệ môi trường.
- Giảm thiểu các tác động ảnh hưởng bất lợi đến môi trường theo Chiến lược quốc gia 3R “Giảm thiểu - Tái sử dụng - Tái chế chất thải”.

Chính sách này được xác định phù hợp với bản chất, quy mô và các tác động môi trường của những hoạt động, sản phẩm và dịch vụ của Công ty, thể hiện sự cam kết cải tiến liên tục và ngăn ngừa ô nhiễm cũng như tuân thủ các yêu cầu pháp luật liên quan và yêu cầu khác. Để cam kết thực hiện các định hướng về môi trường và vận động người lao động tích cực tham gia, Công ty đã ban hành chính sách môi trường bằng văn bản, được in ấn khổ lớn và treo ở những vị trí dễ nhìn tại Công ty. Chính sách môi trường còn được phổ biến đến các khách hàng tham quan và làm việc tại Công ty.

b. Trách nhiệm đối với môi trường

Với mục tiêu khẳng định hình ảnh một doanh nghiệp có trách nhiệm với tự nhiên, cộng đồng và hướng đến phát triển bền vững, Công ty đã duy trì và thực hiện các hoạt động theo quy định ISO 14001:2004 và đã được đánh giá giám sát định kỳ hằng năm, từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp về:

Tiết kiệm năng lượng:

Với một doanh nghiệp ngành nhựa, lượng điện tiết giảm trong sản xuất cũng đồng nghĩa rằng lượng nhiệt phát sinh trong quá trình sản xuất giảm với tỷ lệ tương ứng, góp phần giảm hiệu ứng nhà kính cho trái đất. Công ty đã thực hiện kiểm toán năng lượng theo định kỳ nhằm đánh giá hiện trạng năng lượng tiêu thụ:

Trong năm 2014, Công ty đã tiết giảm được 491.758 Kwh điện tiêu thụ trong sản xuất, tương đương số tiền tiết kiệm là: $(491.758 \text{ Kwh} \times 1.500 \text{ đ/Kwh}) = 737.637.000 \text{ đồng}$.

Tiết kiệm nước cấp đầu vào:

Bên cạnh đó, ý thức được rằng nguồn nước sạch không phải là vô tận, Công ty cũng đã có những giải pháp nhằm tiết kiệm lượng nước sử dụng.

Trong năm 2014, với việc lắp đặt các đồng hồ đo nước và phân vùng tách mạng đã giúp cho Công ty kiểm soát được lượng thất thoát nước tại khu vực 1 và đã tiết giảm được 8.360 m³ lượng nước tiêu thụ so với năm 2013, tương đương với số tiền tiết kiệm là: $(8.360 \text{ m}^3 \times 10.900 \text{ đ}) = 91.124.000 \text{ đồng}$.

Phân loại rác thải, chất thải tại nguồn:

Để việc phân loại rác thải đạt hiệu quả cao, Công ty đã áp dụng các biển báo, màu sắc khác nhau cho từng loại thùng rác thải. Bên cạnh đó các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn phân loại rác thải được thực hiện cho toàn Công ty theo nhiều đợt khác nhau và đến nay, hoạt động phân loại rác thải tại nguồn đã được CBCNV Công ty thấu hiểu và thực hiện nghiêm túc.

Quá trình thực hiện phân loại rác thải tại nguồn được kiểm tra và đánh giá định kỳ. Kết quả: đạt trên 92% loại chất thải được bỏ đúng chỗ quy định, vượt chỉ tiêu theo hoạch định của năm 2013.

Các chất thải nguy hại cũng đã được giám sát, phân loại ngay tại Công ty và được thanh lý theo đúng quy định pháp luật, góp phần nâng cao chất lượng môi trường tại Công ty nói riêng, lợi ích cộng đồng nói chung.

Xử lý nước thải

Nước thải của Công ty được kiểm soát và đo đạc theo định kỳ bởi sự giám sát của các Chi cục Bảo vệ môi trường TP. HCM và Bình Dương.

Trong 2 năm 2013, 2014 Công ty đã thực hiện xử lý nước thải nhà ăn theo yêu cầu, nước thải tổng tại hố ga chính của khu vực 1 có kết quả thử nghiệm đạt theo QCVN 40:2011/BTNMT. Công ty đã hoàn tất các thủ tục xin cấp phép xả thải tại Nhà máy 1 và đang chờ các cơ quan chức năng cấp phép chỉ số đo đạc sau khi thực hiện.

Các hoạt động môi trường nơi làm việc

Công ty đã tiến hành thực hiện giám sát thường xuyên về chất lượng môi trường không khí, nước, chất thải rắn và các hoạt động môi trường khác, nhằm đánh giá khả năng tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường xung quanh. Các kết quả giám sát tại 2 khu vực luôn đạt được theo các quy định hiện hành như: TCVSLĐ (QĐ 3733/2002/QĐ-BYT), QCVN 14:2008/BTNMT, QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 40:2011/BTNMT, ...

Các hoạt động giám sát này được lập thành báo cáo theo định kỳ 6 tháng và được gửi đến các cơ quan có thẩm quyền như Chi cục Bảo vệ môi trường TP. HCM, Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương.

Năm 2014, Công ty đã đưa vào vận hành hệ thống xử lý nước thải với công suất 7m³/ngày-đêm trị giá khoảng 280.000.000 đồng. Với hệ thống xử lý này, chất lượng nước thải tại khu vực 1 đã được nâng cao trước khi đi vào hệ thống thoát nước chung của Thành phố.

Cũng trong năm 2014, Công ty đã thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) cho Nhà máy 2 (có công suất dự kiến mở rộng: 75.000 tấn sản phẩm/năm) và Nhà máy 4 tại Long An – Giai đoạn 1 (Công suất: 10.000 tấn sản phẩm/năm). Cả 2 ĐTM này đều đã được sự chấp thuận của Sở Tài Nguyên Môi trường tỉnh Bình Dương và Sở Tài Nguyên Môi trường tỉnh Long An.

Đối với rác thải: Qua nhiều năm thực hiện đã phân loại rác thải tại nguồn thành rác thải tái chế, rác thải không tái chế, rác thải nguy hại, CBCNV Công ty đã hình thành thói quen và được duy trì tốt. Cũng như nhiều năm qua, năm 2014, rác thải nguy hại của Công ty đã được xử lý đúng quy định Nhà nước với tổng chi phí lên đến 180.000.000 đồng.

c. Cam kết về trách nhiệm đối với sản phẩm.

Sản phẩm ống nhựa của Nhựa Bình Minh hoàn toàn đáp ứng được các mục đích dẫn nước cấp và thoát bao gồm khả năng làm việc ở áp suất cao. Những sản phẩm này đã được chứng nhận phù hợp với các tiêu chuẩn như: TCVN 8491:2011 / ISO 1452:2009, BS 3505:1968, TCVN 7305:2008 / ISO 4427:2007, DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008... Và, hoàn toàn phù hợp với các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 16:2014/BXD của Bộ Xây dựng ; QCVN 12:2011/BYT của Bộ Y tế về mức độ an toàn đối với người sử dụng trong quá trình dẫn nước uống.

3. BÁO CÁO VỀ CHÍNH SÁCH NGUỒN NHÂN LỰC

Nguồn nhân lực
 ĐVT: người

CHỈ TIÊU ĐO LƯỜNG	DIỄN GIẢI	2011	2012	2013	2014
Giới tính	Nữ	93	94	108	107
	Nam	467	471	592	632
Độ tuổi	Trên 50 tuổi	51	66	66	68
	Từ 41-50	108	124	124	117
	Từ 31-40 tuổi	223	238	239	262
	Từ tuổi 30 trở xuống	294	252	271	292
Trình độ	Cao học	5	7	9	9
	Đại học	105	112	123	135
	Trung cấp, cao đẳng	146	147	123	190
	Phổ thông trung học	420	141	445	405
Phân bổ lao động	Cán bộ quản lý cấp cao	4	4	4	4
	Cán bộ quản lý cấp trung	30	34	34	33
	Cán bộ quản lý cấp cơ sở	67	74	68	67
	Công nhân viên	575	568	594	635

Chính sách lương

Công ty luôn duy trì mức thu nhập ổn định đảm bảo cuộc sống cho người lao động, thu nhập bình quân ở mức khá so với các đơn vị trong ngành. Tiền lương được trả dựa trên năng lực và hiệu quả làm việc của từng cá nhân. Công việc ổn định, lương, thưởng được đảm bảo là một trong những yếu tố quan trọng tạo động lực cho người lao động cống hiến và yên tâm gắn bó lâu dài với Công ty.

Chính sách phúc lợi

Ngoài các chính sách theo quy định của pháp luật, Công ty còn ban hành các chính sách khác có lợi cho người lao động như chế độ tiền ốm, lương thai sản... Đồng thời, để tạo điều kiện làm việc, Công ty đã xây nhà ở tập thể ngay gần Nhà máy 2 cho những người lao động ở tỉnh xa yên tâm công tác.

Chính sách chăm sóc sức khỏe, môi trường làm việc

Chế độ chăm sóc sức khỏe và môi trường làm việc cũng được Lãnh đạo Công ty chăm chút. Mỗi Nhà máy đều có y bác sĩ chăm sóc sức khỏe tại chỗ, sơ cấp cứu...

Ngoài các chế độ bảo hiểm y tế theo quy định của Nhà nước, Công ty còn mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể nhân viên và bảo hiểm sức khỏe toàn diện cho cán bộ cấp cao và cấp trung.

Hằng năm Công ty trang bị mới đồng phục và các phương tiện bảo hộ lao động cho các bộ phận phù hợp với công việc, đảm bảo an toàn trong sản xuất.

Bữa ăn giữa ca, các chế độ phụ cấp độc hại, được thường xuyên kiểm tra đánh giá về an toàn vệ sinh thực phẩm, dinh dưỡng để có các điều chỉnh kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế, ví dụ vào mùa nóng, công nhân đứng máy được giải khát bằng nước chanh lạnh...

Việc đo kiểm môi trường tại các nhà máy được đánh giá bởi Trung tâm Y tế - Môi trường lao động công nghiệp định kỳ 2 lần/năm. Thông qua kết quả đo kiểm, hằng năm Công ty đều có các phương pháp cải thiện môi trường làm việc cho người lao động.

Chính sách đào tạo

Công tác đào tạo được chú trọng nhiều hơn về chất lượng và số lượng. Việc tìm chọn các khóa học phù hợp với yêu cầu công việc của từng đối tượng đã giúp CBQL các cấp của Công ty phát huy được năng lực và sở trường của từng người, điều này cũng giúp rất nhiều cho việc quy hoạch cán bộ trong tương lai.

Chú trọng đào tạo nội bộ là phương pháp đúng để nâng cao trình độ và nhận thức của người lao động, đây cũng là môi trường tốt để đào tạo các giảng viên nội bộ cho Công ty.

Số liệu về đào tạo

CHỈ TIÊU ĐO LƯỜNG	ĐVT	2011	2012	2013	2014
Số khoá học trong năm	Khóa	34	32	50	54
Tổng số giờ đào tạo	Giờ	606	410	1.700	1.800
Tổng số lượt người tham gia	Lượt	819	472	697	1.600
Tổng chi phí	Triệu	293,7	383,2	524,8	536

Năm 2014, Công ty đã tăng cường đào tạo cho lực lượng cán bộ quản lý bằng nhiều hình thức, đào tạo tại chỗ đào tạo bên ngoài (trong và ngoài nước). Các cán bộ quản lý cấp trung đa số đã qua lớp đào tạo về Giám đốc chức năng, năng lực quản lý. Tuy nhiên, số lượng và chất lượng chưa đảm bảo cho sự phát triển của Công ty, đặc biệt trong việc chuẩn bị nguồn lực cho dự án Nhà máy 4 tại Long An.

Năm 2014, Công ty chú trọng đào tạo nhận thức về Bộ Luật lao động 2013 cho người lao động. Công ty ban hành Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể mới và tổ chức đào tạo đã thu hút trên 700 lượt người lao độngtham gia học tập và đóng góp ý kiến nhằm hoàn thiện bộ luật của Công ty.

Công ty cũng đã cử các cán bộ làm công tác an toàn bảo hộ lao động có năng lực tham gia lớp đào tạo giảng viên để chủ động triển khai các lớp huấn luyện tại Công ty về công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh công nghiệp theo quy định mới của Nhà nước.

Chính sách tuyển dụng

Trong năm 2014, với chính sách tuyển dụng phù hợp, Công ty đã thu hút và tuyển dụng được nhiều nhân viên có trình độ đủ đáp ứng cho dự án ERP giai đoạn đặc biệt quan trọng Go-live đầu năm 2015.

d. Các hoạt động khác:

Bên cạnh các hoạt động trên, trong năm 2014, Công ty cũng đã phối hợp với Cảnh sát PCCC quận 6 – TP. HCM tổ chức thành công diễn tập ứng phó tình huống khẩn cấp tại khu vực 1 và được các cơ quan chức năng đánh giá cao.

Các hoạt động về an toàn vệ sinh thực phẩm được Công ty thực hiện đầy đủ và có kết quả tốt, trong năm 2014 không xảy ra tình trạng ngộ độc thức ăn nào.

Các hoạt động môi trường theo TCVN ISO 14001:2010 / ISO 14001:2004 được đánh giá nội bộ tại Công ty và được đánh giá giám sát định kỳ hằng năm. Hệ thống này vẫn đang duy trì phù hợp TCVN ISO 14001:2010 / ISO 14001:2004 và tiếp tục có các hoạt động cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hệ thống môi trường tại Công ty.

e. Những định hướng phát triển bền vững tương lai

Duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý ISO 14001:2014 nhằm nâng cao hiệu quả quản lý môi trường tại Công ty.

Tiếp tục thực hiện các cam kết về chính sách môi trường, mục tiêu môi trường.

Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp nhằm sử dụng hiệu quả điện, nước và tiết giảm rác thải trong quá trình sản xuất.

Giảm tỷ lệ phế liệu phát sinh trong quá trình sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên liệu, góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên trái đất.





“BỒI ĐÁP
niềm tin
TÔN VINH
thương hiệu”



NHỰA BÌNH MINH®

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

240 Hậu Giang - Phường 9 - Quận 6 - TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84) 8 3969 0973 - Fax: (84) 8 3960 6814

www.binhminhplastic.com.vn